

UBND TỈNH SÓC TRĂNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 130a/BC-SNV

Sóc Trăng, ngày 09 tháng 10 năm 2017

BÁO CÁO
Kết quả xác định Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX)
của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện năm 2016

Phần 1
TỔNG QUAN VỀ PAR INDEX

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định PAR INDEX để theo dõi, đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng, lượng hóa kết quả triển khai cải cách hành chính hàng năm của sở ban ngành và tương đương (gọi tắt là Sở), Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tại tỉnh Sóc Trăng; trên cơ sở đó so sánh, xếp hạng kết quả thực hiện CCHC hàng năm giữa các sở; giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

Thông qua PAR INDEX xác định rõ mặt mạnh, điểm yếu trong thực hiện CCHC, qua đó giúp cho các sở, UBND cấp huyện chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ về CCHC ở địa phương, đơn vị phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh, đề ra những giải pháp khắc phục những hạn chế thiếu sót góp phần cải thiện Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

2. Yêu cầu

PAR INDEX bám sát nội dung thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Sóc Trăng ban hành tại Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 04/07/2016.

Kết quả tự đánh giá PAR INDEX phải dựa trên tài liệu kiểm chứng nhằm khắc phục tính chủ quan, định tính trong việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

Lấy ý kiến của các cơ quan hành chính nhà nước, người dân và doanh nghiệp đối với quá trình triển khai CCHC của các sở và cấp huyện nhằm đảm bảo tính khách quan, thực chất hơn.

II. CẤU TRÚC PAR INDEX NĂM 2016

1. PAR INDEX của các Sở, ban ngành và tương đương

Chỉ số CCHC các sở, ban ngành và tương đương được xác định trên 8 lĩnh vực, tương ứng với 8 chỉ số thành phần, 46 tiêu chí và 83 tiêu chí thành phần (*chi tiết tại phụ lục 1*), cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính: 7 tiêu chí và 24 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 6 tiêu chí và 13 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính: 4 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 6 tiêu chí và 3 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức: 5 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 5 tiêu chí và 2 tiêu chí thành phần.
- Hiện đại hóa nền hành chính: 2 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 11 tiêu chí và 8 tiêu chí thành phần.

2. PAR INDEX cấp huyện

Chỉ số CCHC cấp huyện được xác định trên 8 lĩnh vực, tương ứng với 8 chỉ số thành phần, 48 tiêu chí và 106 tiêu chí thành phần (*chi tiết tại phụ lục 2*), cụ thể là:

- Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính: 8 tiêu chí và 27 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật: 7 tiêu chí và 17 tiêu chí thành phần.
- Cải cách thủ tục hành chính: 4 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước: 5 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức: 4 tiêu chí và 15 tiêu chí thành phần.
- Cải cách tài chính công: 7 tiêu chí và 10 tiêu chí thành phần.
- Hiện đại hóa nền hành chính: 2 tiêu chí và 11 tiêu chí thành phần.
- Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông: 11 tiêu chí và 6 tiêu chí thành phần.

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH PAR INDEX

1. Đối tượng xác định PAR INDEX 2016

- Đối với các sở, ban ngành tỉnh: 20 sở, ban, ngành tỉnh Sóc Trăng.
- Đối với các huyện, thị xã và thành phố: 11 UBND huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

2. Phương pháp đánh giá, xác định

- Tự đánh giá:
 - + Các sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC của sở, ban ngành, các huyện, thị xã, thành phố theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Chỉ số CCHC các sở ban ngành, UBND cấp huyện và hướng dẫn của Sở Nội vụ (kèm theo các tài liệu kiểm chứng).
 - + Tổ công tác thẩm định (do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập) tiến hành thẩm định điểm số tự đánh giá của các sở, ban ngành, huyện, thị xã, thành phố theo từng lĩnh vực phụ trách. Căn cứ vào theo dõi thực tế và điểm tự đánh giá của các đơn vị, địa phương, Tổ công tác thẩm định, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết trên cơ sở thực tế và tài liệu kiểm chứng.
- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học:
 - + Sở Nội vụ xây dựng bộ câu hỏi điều tra xã hội học với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của PAR INDEX sở, ban ngành, UBND cấp huyện.
 - + Việc điều tra xã hội học được tiến hành khảo sát, lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng khác nhau, gồm: Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện; công chức, viên chức đang thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính; người dân, doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức đã được cung cấp, sử dụng các loại dịch vụ công từ các đơn vị thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính.

2.1. Thang điểm đánh giá PAR INDEX các sở, ban ngành

- Thang điểm đánh giá là 100, trong đó:
 - + Điểm tự đánh giá của các sở, ban ngành (có sự thẩm định của Tổ công tác): 64,5 điểm.
 - + Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 35,5 điểm.
- Ngoài ra, đối với một số đơn vị có tính chất đặc thù thì được xem xét hạ thang điểm chuẩn (Chi tiết được nêu tại khoản 1 Mục IV của phần này).

2.2. Thang điểm đánh giá PAR INDEX các huyện, thị xã, thành phố

- Thang điểm đánh giá là 100, trong đó:

+ Điểm tự đánh giá của cấp huyện (có sự thẩm định của Tổ công tác): 62,5 điểm

+ Điểm đánh giá qua điều tra xã hội học là: 37,5 điểm.

3. Tính toán PAR INDEX

- Điểm số tự đánh giá của các sở, ban ngành, UBND cấp huyện là điểm số do Sở Nội vụ phối hợp với Tổ công tác thẩm định đánh giá.

- Điểm số đánh giá qua điều tra xã hội học là điểm số được tính toán, tổng hợp từ kết quả điều tra, khảo sát các nhóm đối tượng quy định trong PAR INDEX sở, ban ngành; UBND cấp huyện.

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) =

$$\left\{ \left[\text{Điểm tự đánh giá (đã thẩm định)} \right] + \left[\text{Điểm điều tra xã hội học} \right] + \left[\text{Điểm thưởng} \right] - \left[\text{Điểm trừ} \right] \right\} / \text{Điểm chuẩn} * 100\%$$

Thang điểm PAR INDEX được thể hiện từ 0% - 100%, theo đó 100% là đạt kết quả cải cách hành chính tốt nhất, ngược lại có kết quả 0% là kém nhất.

- Chỉ số thành phần: Là các chỉ số được xác định theo lĩnh vực tương đương, các tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ % giữa điểm số đạt được của từng lĩnh vực với điểm số tối đa của từng lĩnh vực, từng tiêu chí.

+ Chỉ số thành phần = [Tổng điểm chỉ số thành phần đạt được]/[Tổng điểm chỉ số thành phần tối đa]*100%

IV. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH XÁC ĐỊNH PAR INDEX

1. Công tác tự đánh giá, chấm điểm và thẩm định

Thực hiện Quyết định 481/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Chỉ số CCHC tại các sở, ban ngành; UBND các huyện thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng; Sở Nội vụ đã ban hành Công văn số 2490/SNV-CCHC ngày 17/11/2016 về việc hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm, xác định chỉ số cải cách hành chính hàng năm của sở, ban ngành và UBND cấp huyện

So với năm 2015, nội dung tự chấm điểm có một số điểm mới như:

- Điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số tiêu chí thành phần (kể cả thang điểm) nhằm giải quyết những hạn chế mà công tác chấm điểm trong năm 2015 vướng phải và sát với tình hình thực tế hơn.

- Điểm cộng cho 07 nội dung nhằm đẩy mạnh công tác cải cách hành chính (Phụ lục 3 Đính kèm)

- Điểm trừ 17 nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến công tác cải cách hành chính (Phụ lục 4 Đính kèm)

- Thực hiện hạ điểm chuẩn một số tiêu chí thành phần căn cứ vào tình hình thực tế tại cơ quan đơn vị.

Các tiêu chí, tiêu chí thành phần và thang điểm được hạ điểm chuẩn đối với các đơn vị có tính chất đặc thù (phụ lục 5)

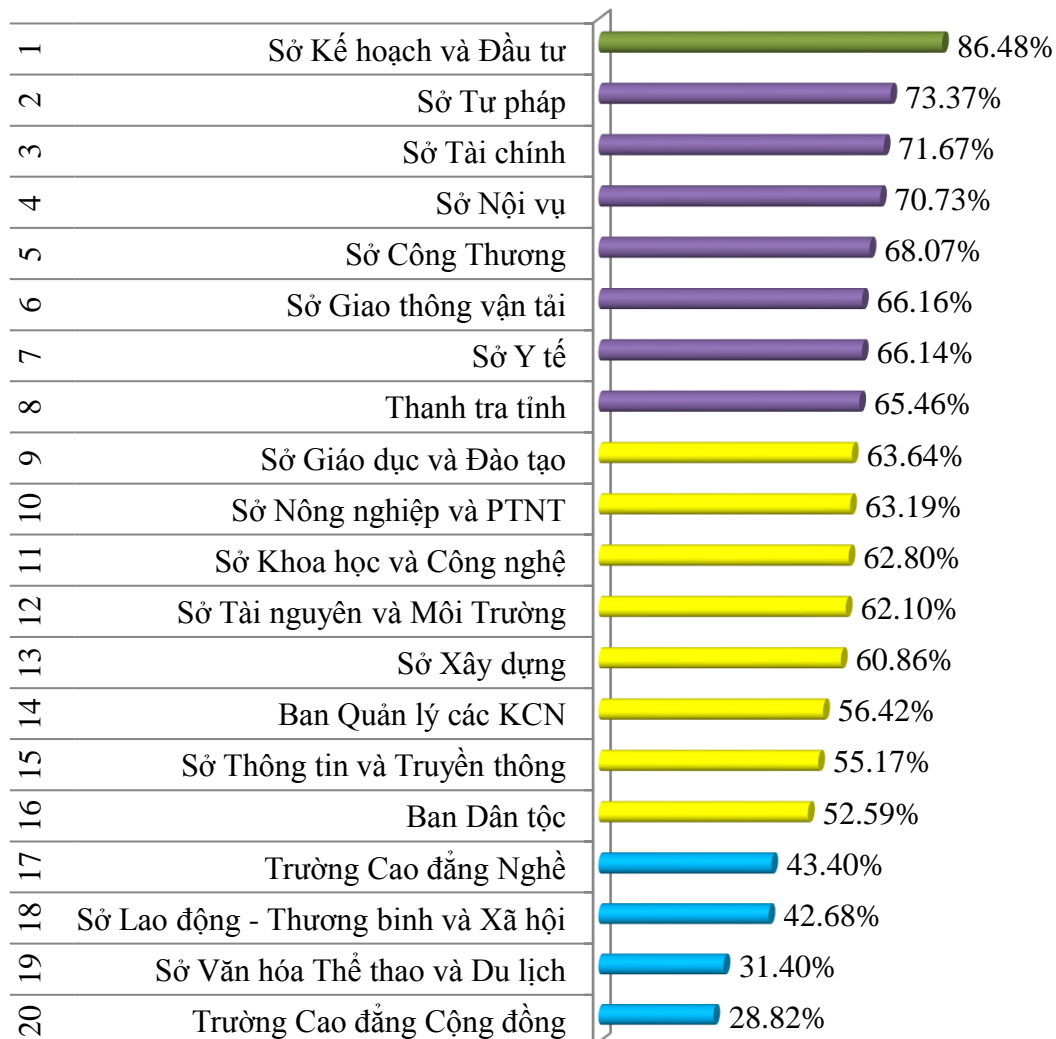
ST T	Đơn vị	Tiêu chí, tiêu chí thành phần hạ điểm chuẩn	Điểm tự chấm hạ chuẩn
1	Sở Tư pháp	4.4.1; 7.2.3	3,0
2	Sở Tài nguyên và Môi trường	5.2; 8.10	2,5
3	Sở Xây dựng	5.2; 7.2.3; 8.10	3,5
4	Sở Tài chính	5.2; 6.5; 7.2.3; 8.10	4,5
5	Sở Lao động - TB & XH	5.2; 8.3.2	3,0
6	Sở Y tế	8.3.2	1,0
7	Trường Cao đẳng Nghệ	2.1; 2.2.1; 2.5.1; 2.5.2; 3.1; 3.2; 3.3.2; 4.4; 5.2; 6.5; 7.1.5; 7.1.2; 7.2.3; 8.3.2; 8.7; 8.10	27,5
8	Sở Công Thương	4.4.1; 5.2; 8.3.2	5,0
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	8.3.2	1,0
10	Sở Nội vụ	5.2; 8.3.2	3,0
11	Ban Dân tộc	2.1; 2.2.1; 2.5.1; 2.5.2; 4.4.1; 6.5; 7.2.3; 8.3.2; 8.10	11,5
12	Sở Khoa học và Công nghệ	5.2; 8.3.2	3,0
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	5.2; 7.2.3; 8.3.2	4,0
14	Ban Quản lý các KCN	4.4; 5.2; 6.5; 7.2.3; 8.10	8,0
15	Trường Cao đẳng Cộng đồng	2.1; 2.2.1; 2.5.1; 2.5.2; 3.1; 3.2; 3.3.2; 4.4; 5.2; 6.5; 7.1.5; 7.1.2; 7.2.3; 8.3.2; 8.7; 8.10	27,5
16	Sở Kế hoạch và Đầu tư	5.2; 7.2.3; 8.10	3,5
17	Sở Giao thông vận tải	4.4.1; 5.2; 7.2.3; 8.3.2; 8.10	6,5
18	Sở Thông tin và Truyền thông	4.4.1; 5.2; 7.2.3; 8.3.2; 8.10	6,5
19	Thanh tra tỉnh	2.1; 2.2.1; 4.4.1; 5.2; 6.5; 7.2.3; 8.3.2; 8.10	9,5
20	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7.2.3; 8.3.2	2,0

Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng kèm theo của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, Sở Nội vụ đã tổng hợp, kiểm tra và thông báo đến các cơ quan, đơn vị, địa phương để hướng dẫn cách thức bổ sung, hoàn thiện tài liệu kiểm chứng đối với các tiêu chí thành phần chưa rõ tài liệu kiểm chứng.

Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các sở, ban ngành và UBND cấp huyện được Tổ công tác rà soát, thẩm định đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng giữa các sở, ban ngành và giữa các huyện, thị xã, thành phố.

Một phần kết quả công tác cải cách hành chính của các sở, ban ngành tỉnh trong năm 2016 sẽ được tái hiện đầy đủ, chi tiết, khách quan và sát thực qua kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong từng lĩnh vực cải cách hành chính, cụ thể như sau:

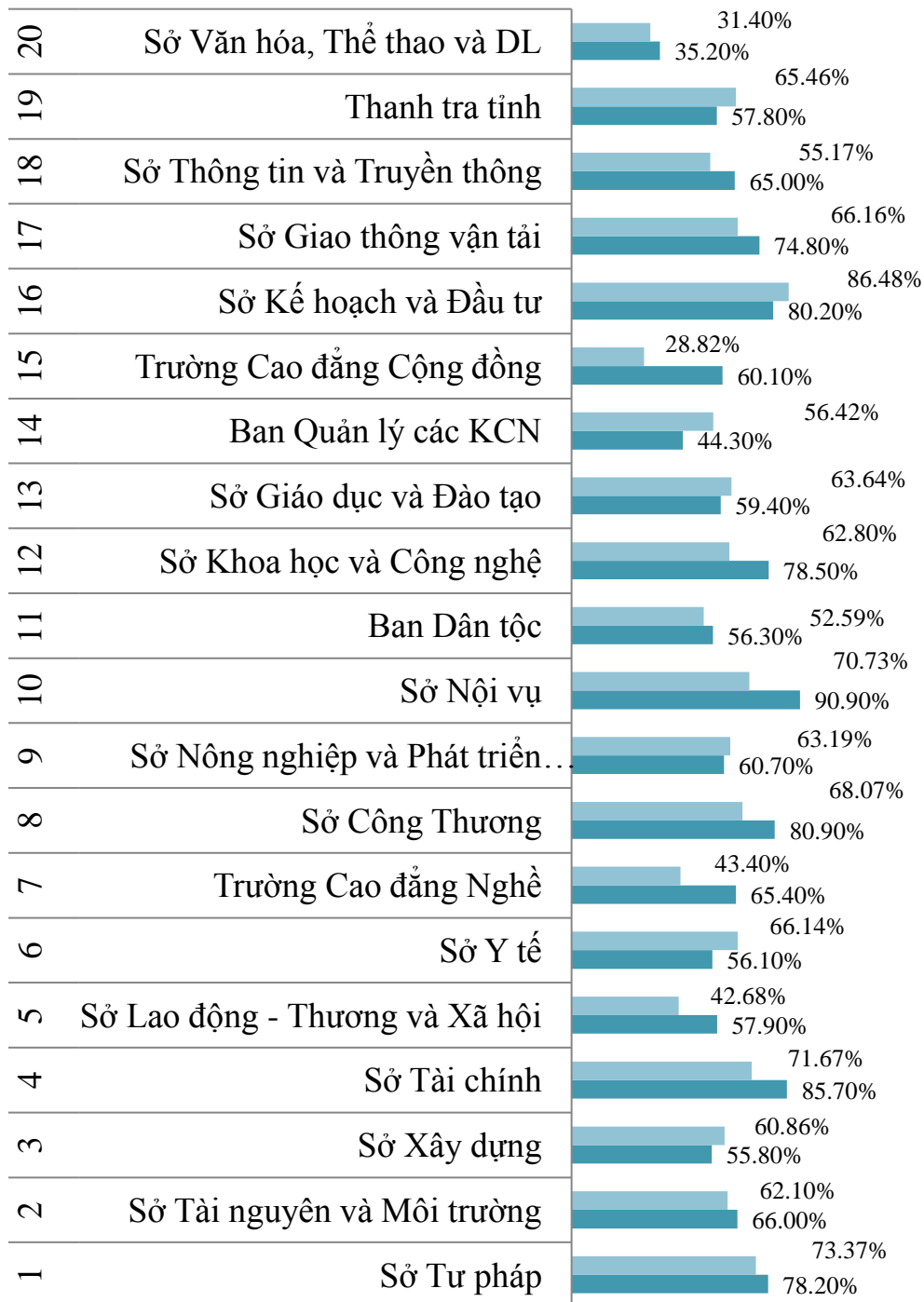
Kết quả thể hiện điểm tự chấm của sở ngành năm 2016



Năm qua điểm tự chấm của các đơn vị đã có sự khác biệt rõ nét và có chiều hướng giảm mạnh so với năm 2015. Cụ thể có đến 13 đơn vị có số điểm tự chấm giảm, chỉ có 07 đơn vị có số điểm tự chấm trong năm 2016 vượt cao hơn 2015.

Bảng so sánh kết quả Chỉ số CCHC của sở ngành năm 2015 và 2016

■ Năm 2016 ■ Năm 2015



Kết quả nghiên cứu, phân tích điểm tự chấm, đánh giá của các sở, ban ngành cũng chỉ rõ sự chênh lệch về điểm tự đánh giá giữa các đơn vị với nhau không đáng kể; tuy nhiên lại có sự lệch pha rất lớn giữa điểm các đơn vị tự chấm, đánh giá và điểm Tổ công tác thẩm định, đánh giá.

Nhìn chung, ở các đơn vị có vị trí xếp hạng cao thì ít có sự chênh lệch về điểm tự chấm, ngược lại những đơn vị có thứ hạng thấp hơn thì khoảng cách giữa điểm tự chấm và điểm thẩm định lại rất xa. Cụ thể hệ số chênh lệch điểm tự chấm của Sở Nội vụ là 1,03 trong khi đó hệ số chênh lệch tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 3,06 điểm.

2. Tổ chức điều tra xã hội học

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Phương án điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính tại các sở, ban ngành và UBND cấp huyện năm 2016 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-SNV ngày 07/3/2017 của Giám đốc Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện Phương án điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính tại các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện năm 2016.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện theo Kế hoạch đề ra, ngày 28/3/2017, Sở Nội vụ đã phối hợp với Cục Thống kê triển khai thực hiện điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2016 của các sở, ngành, UBND cấp huyện. Công tác điều tra xã hội học diễn ra trong tháng 4/2017.

So với năm 2015, kế hoạch khảo sát trong năm có một số thay đổi như sau:

- **Thứ nhất** đối tượng được đánh giá, khảo sát là 100% đối tượng tham gia Chỉ số CCHC.

- **Thứ hai** là giảm quy mô mẫu khảo sát Chỉ số cải cách hành chính từ 2.737 phiếu (năm 2015) xuống còn 2.318 phiếu (năm 2016); do giảm số lượng đại biểu HĐND, các tổ chức xã hội nghề nghiệp và công chức cấp huyện, cấp xã.

- **Thứ ba** là bổ sung nội dung thông tin trong từng bộ câu hỏi để lắng nghe đầy đủ và toàn diện những đánh giá, trải nghiệm của cá nhân, tổ chức về chất lượng phục vụ của công chức, viên chức.

Nội dung kết quả điều tra, khảo sát (Chi tiết tại phụ lục 6)

Tổng số mẫu phiếu điều tra theo Kế hoạch là 2.318 phiếu¹. Tổng số phiếu thực tế thu về là 2.283 phiếu, giảm 36 phiếu so với kế hoạch đề ra, đạt tỷ lệ 98,45%.

¹ Theo Phương án số 01/PA-SNV ngày 16/02/2017 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 03/3/2017.

Nguyên nhân số phiếu thu về giảm so với Kế hoạch đề ra:

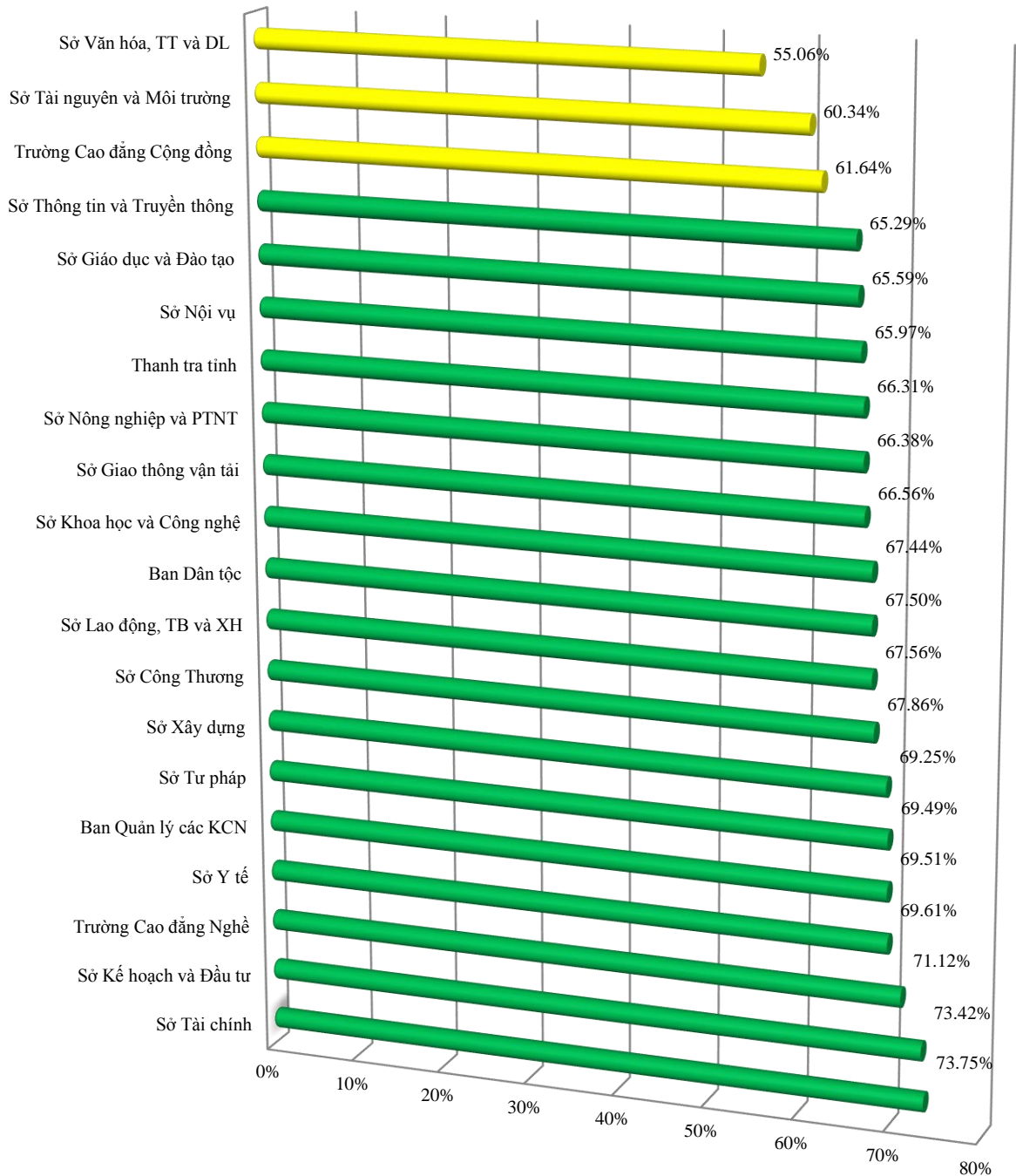
- Đơn vị không có đối tượng điều tra theo kế hoạch (35 phiếu). Cụ thể, trong năm 2016, tại Ban Quản lý các khu công nghiệp không có người dân, cá nhân, tổ chức tham gia giải quyết TTHC; còn tại Sở Thông tin và Truyền thông chỉ có khoảng 10 tổ chức liên hệ giải quyết TTHC, không có đối tượng là doanh nghiệp.

- Điều tra viên không tìm được đối tượng điều tra theo địa chỉ đơn vị đã cung cấp (01 đối tượng là người dân tham gia giải quyết TTHC tại Thanh tra tỉnh).

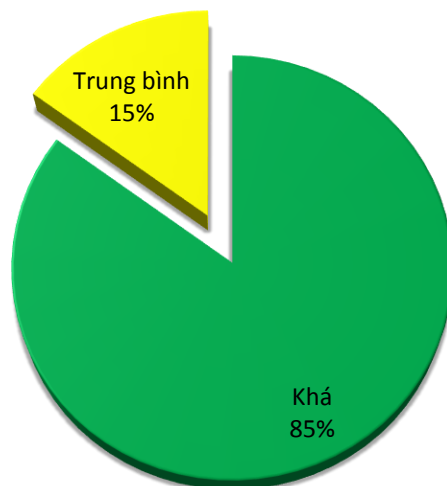
STT	Lĩnh vực	Số phiếu theo Kế hoạch	Số phiếu thực tế	Chênh lệch	Ghi chú
I	Sở ngành	600	565	- 36	
1	Đại biểu HDDND tỉnh	30	30	-	
2	Đại diện lãnh đạo, công chức tại các sở, ban ngành	100	100	-	
3	Doanh nghiệp tham gia giải quyết TTHC tại các sở, ban ngành	70	65	- 5	Sở Thông tin và Truyền thông
4	Người dân, cá nhân, tổ chức tham gia giải quyết TTHC tại các sở, ban ngành	400	370	- 31	- Ban Quản lý các Khu công nghiệp: 20 phiếu - Sở Thông tin và Truyền thông: 10 phiếu - Thanh tra tỉnh: 01 phiếu
II	UBND cấp huyện	1.718	1.718	-	
1	Đại biểu HĐND cấp huyện	220	220	-	
2	Đại diện lãnh đạo UBND huyện	22	22	-	
3	Công chức cấp huyện	286	286	-	
4	Công chức cấp xã	120	120	-	
5	Doanh nghiệp tham gia giải quyết TTHC	270	270	-	
6	Người dân tham gia giải quyết TTHC	800	800	-	
TỔNG CỘNG		2.318	2.283	- 36	

a) Kết quả điều tra tại các sở, ngành

Kết quả điểm ĐTXHH xác định Chỉ số CCHC tại các sở ngành năm 2016 có giá trị trung bình là 66,98%, trong đó có 11/20 đơn vị có kết quả trên giá trị trung bình; 09/20 đơn vị còn lại đều đạt giá trị trên 50%. Dẫn đầu là Sở Tài chính với số điểm là 25,08/34 điểm, đạt tỷ lệ 73,75%. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị có tỷ lệ thấp nhất (55,06%).

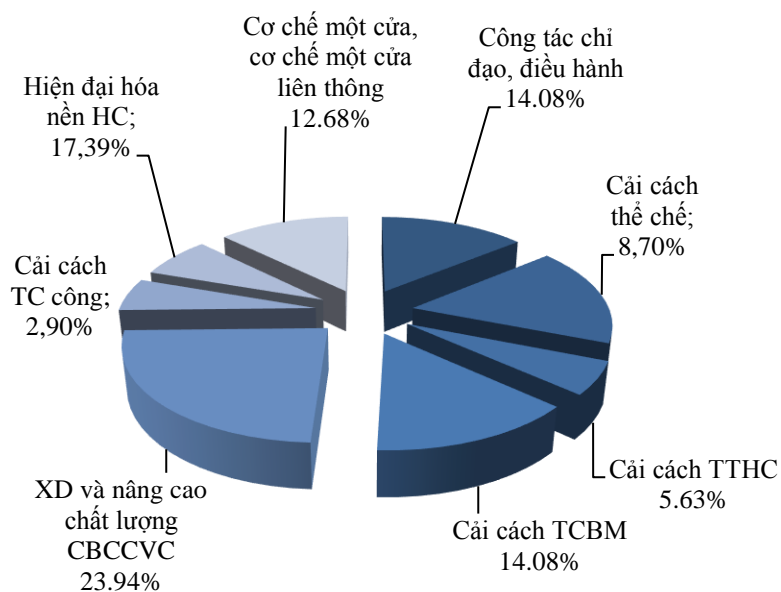


Các nội dung khảo sát năm 2016 được thiết kế dựa trên theo Bộ Chỉ số CCHC ban hành kèm theo Quyết định 481/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh. Để đánh giá sâu sát, phản ánh thực tế tình hình thực hiện CCHC của các đơn vị, Bộ Chỉ số CCHC năm 2016 đã cải tiến nhiều tiêu chí, tiêu chí thành phần so với các năm trước. Kết quả ĐTXHH năm 2016 có 17/20 sở ngành xếp loại khá và 03/20 đơn vị xếp loại trung bình. Không có đơn vị nào xếp loại tốt trở lên và cũng không có đơn vị xếp loại kém, kết quả này cho thấy có sự tương đồng trong điểm ĐTXHH giữa các đơn vị.



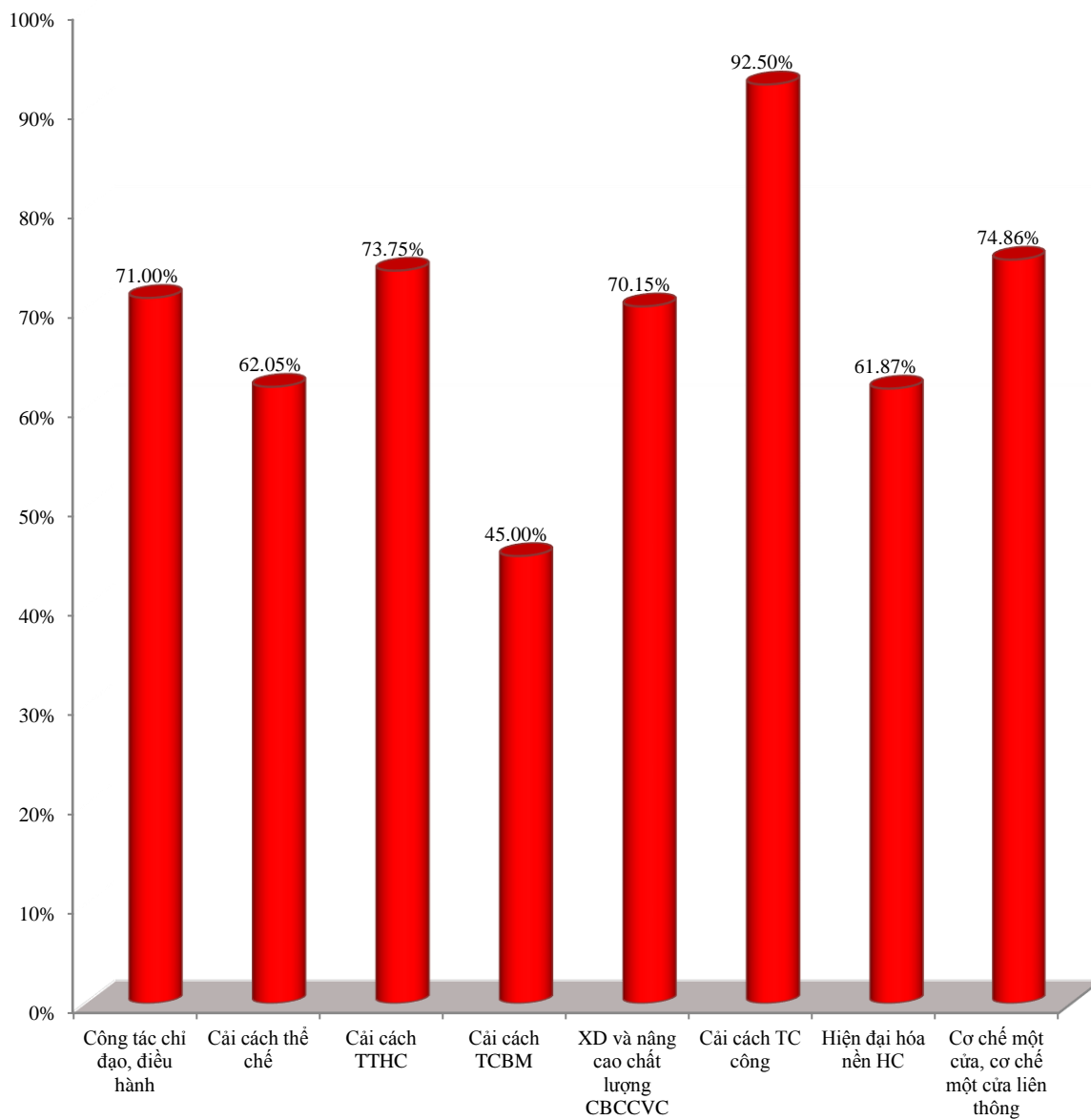
Tỷ lệ xếp loại điểm ĐTXHH xác định Chỉ số CCHC năm 2016 của các sở ngành tỉnh

Cấu trúc điểm ĐTXHH năm 2016 của các sở ban ngành được phân bố như sau:



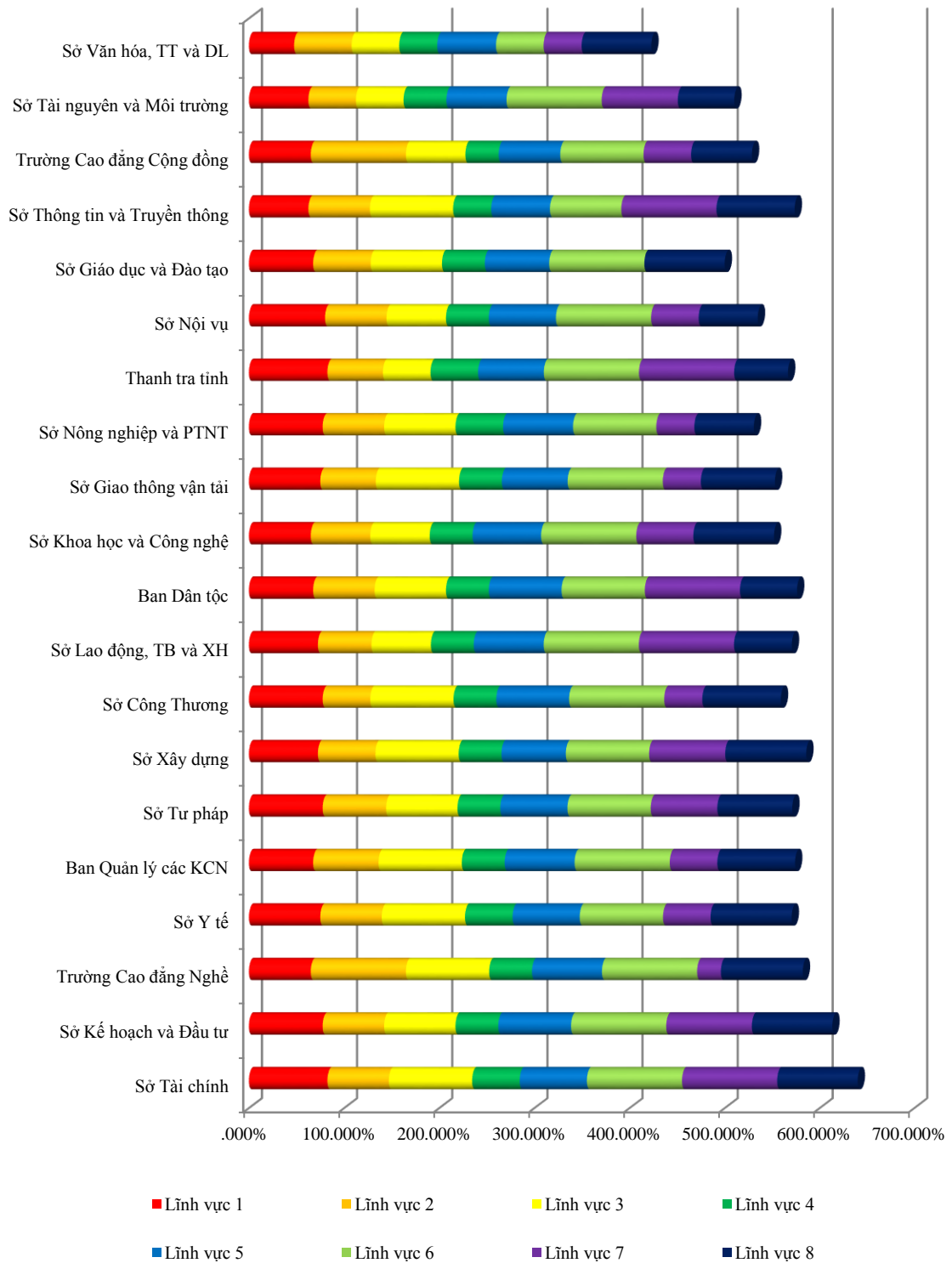
Cấu trúc điểm ĐTXHH năm 2016

Giá trị trung bình điểm ĐTXHH năm 2016 đạt kết quả cao nhất thuộc về lĩnh vực Cải cách Tài chính công với tỷ lệ 92,5%. 04/08 lĩnh vực có giá trị trung bình từ 70% đến 75% bao gồm: Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; Cải cách TTHC; Chỉ số công tác chỉ đạo, điều hành; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Lĩnh vực Cải cách thể chế có giá trị trung bình 62,05%; Hiện đại hóa nền hành chính đạt tỷ lệ 61,87%, còn lại lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy có giá trị trung bình dưới 50%.



Giá trị trung bình 08 lĩnh vực năm 2016

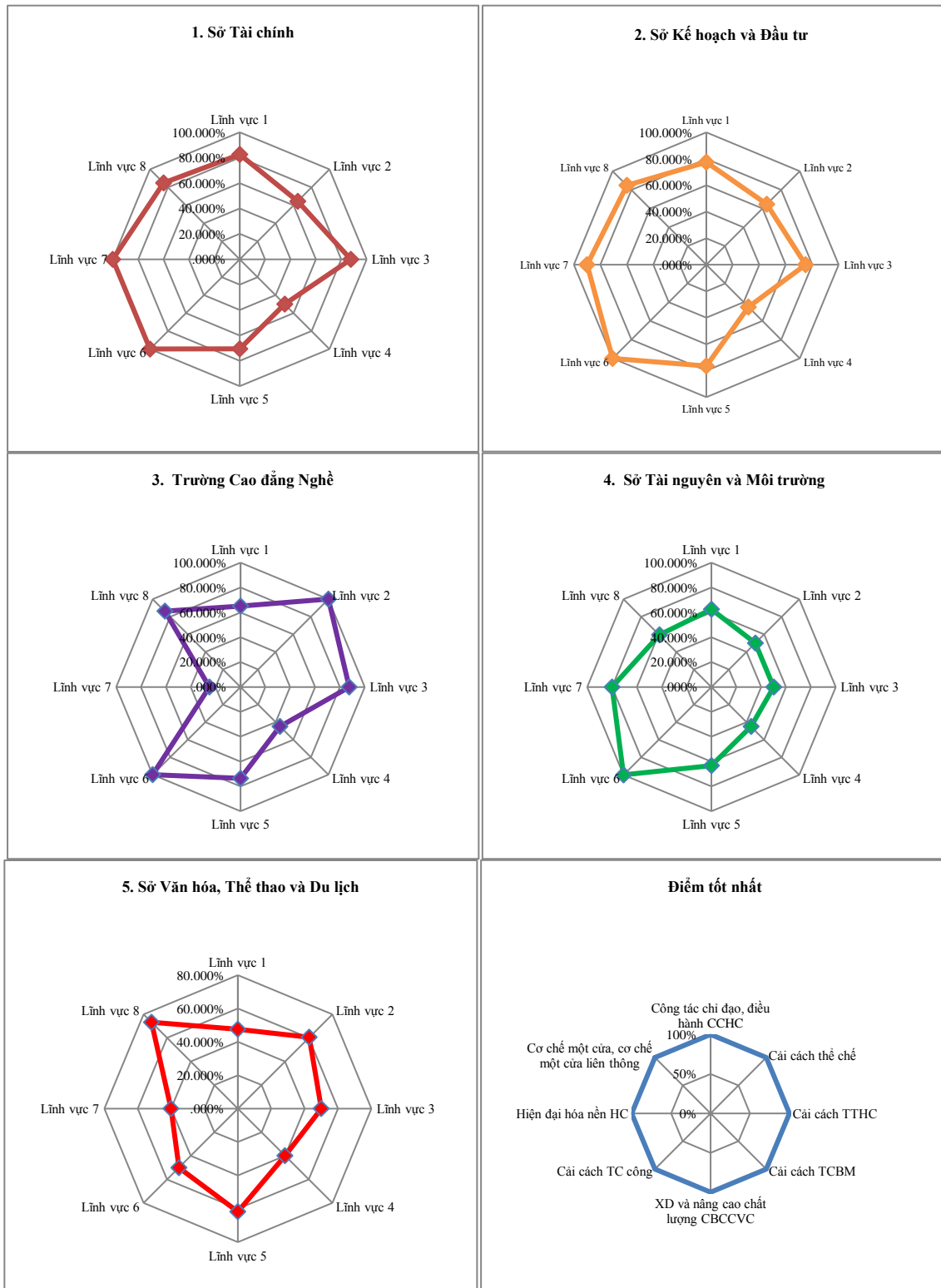
Kết quả ĐTXHH năm 2017 của các đơn vị đánh giá theo từng lĩnh vực được thể hiện cụ thể ở biểu đồ sau:



Biểu đồ xếp hạng kết quả điểm ĐTXHH của các sở ngành theo từng lĩnh vực CCHC

Theo kết quả ĐTXHH năm 2017, chỉ có 03/08 lĩnh vực có đơn vị đạt tỷ lệ tối đa (100%) bao gồm lĩnh vực Cải cách thể chế, Cải cách Tài chính công và

Hiện đại hóa nền hành chính. Chênh lệch tỷ lệ điểm ĐTXHH giữa các lĩnh vực được thể hiện rõ nét khi so sánh nhóm dẫn đầu và nhóm xếp cuối bảng, cụ thể như biểu đồ sau:



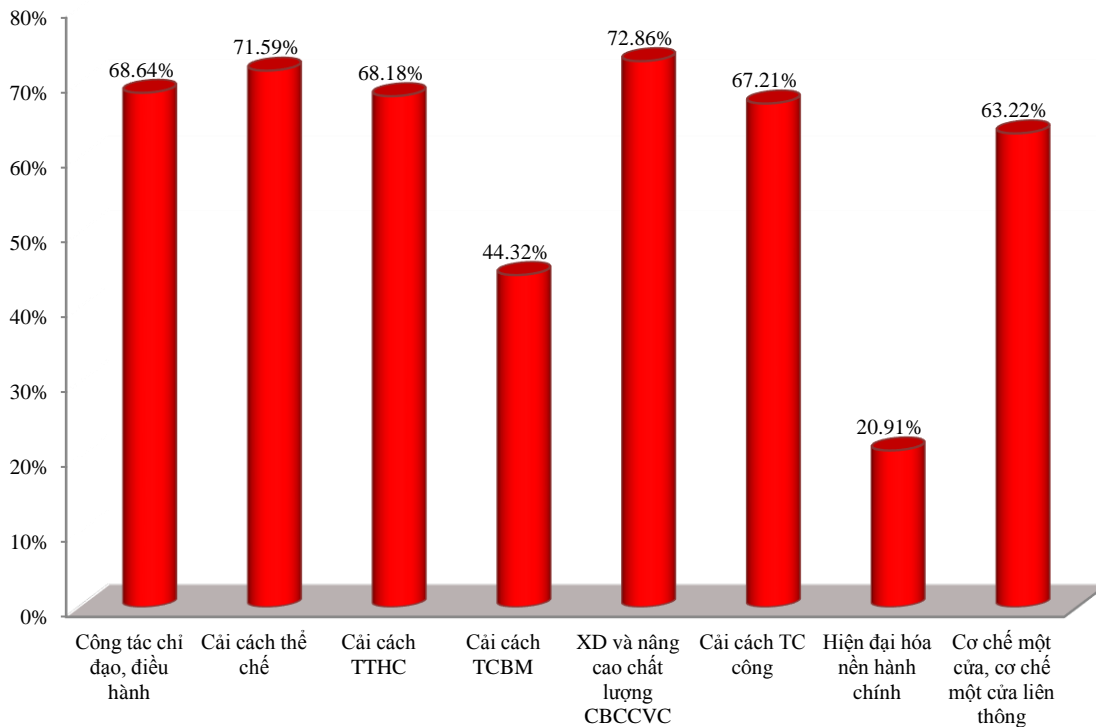
Biểu đồ thể hiện kết quả điểm ĐTXHH xác định Chỉ số CCHC của 03 đơn vị đứng đầu và 02 đơn vị xếp cuối bảng theo 8 lĩnh vực CCHC

b) Kết quả điều tra cấp huyện

STT	Đơn vị	Điểm tối đa	Điểm ĐTXHH	Tỷ lệ	Xếp loại
1	Huyện Thanh Trì	37,50	26,74	71,29%	Khá
2	Huyện Mỹ Xuyên	37,50	26,19	69,84%	Khá
3	Huyện Kế Sách	37,50	25,71	68,56%	Khá
4	Huyện Châu Thành	37,50	25,05	66,81%	Khá
5	Huyện Mỹ Tú	37,50	24,95	66,53%	Khá
6	Thành phố Sóc Trăng	37,50	24,58	65,54%	Khá
7	Huyện Trần Đề	37,50	24,22	64,57%	Trung bình
8	Thị xã Ngã Năm	37,50	23,64	63,05%	Trung bình
9	Huyện Long Phú	37,50	22,45	59,87%	Trung bình
10	Huyện Cù Lao Dung	37,50	22,35	59,60%	Trung bình
11	Thị xã Vĩnh Châu	37,50	20,79	55,45%	Trung bình
ĐIỂM TRUNG BÌNH		37,50	24,24	64,65%	

Kết quả điểm ĐTXHH xác định Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2016 có giá trị trung bình là 64,65%, trong đó có 06/11 đơn vị có kết quả trên giá trị trung bình; 05/11 đơn vị còn lại đều đạt giá trị trên 50%. Dẫn đầu là huyện Thanh Trì với số điểm là 26,74/37,5 điểm, đạt tỷ lệ 71,29%; thị xã Vĩnh Châu có số điểm thấp nhất trong 11 đơn vị (20,79/37,5 điểm, tỷ lệ 55,45%), tỷ lệ chênh lệch giữa 02 đơn vị là 15,84%.

Giá trị trung bình điểm ĐTXHH năm 2016 đạt kết quả cao nhất thuộc về lĩnh vực Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC với tỷ lệ 72,86%, xếp thứ 2 là lĩnh vực Cải cách thể chế (71,59%). 04/08 lĩnh vực có giá trị trung bình từ 60% đến 70% bao gồm: Công tác chỉ đạo, điều hành; Cải cách TTHC; Cải cách Tài chính công và Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông. 02 lĩnh vực còn lại có giá trị trung bình dưới 50% (bao gồm lĩnh vực Cải cách tổ chức bộ máy và Hiện đại hóa nền hành chính).



Giá trị trung bình 08 lĩnh vực năm 2016

c) Ý kiến đóng góp của cá nhân, tổ chức đối với các, sở ngành, UBND cấp huyện

Do có điều kiện tiếp cận trực tiếp với các cá nhân, tổ chức thuộc đối tượng điều tra khảo sát, nên các điều tra viên có những buổi tiếp xúc và đã lắng nghe, ghi nhận lại tâm tư, nguyện vọng và ý kiến góp ý của người dân đối với các cơ quan nhà nước

Nội dung ý kiến đóng góp được đính kèm tại phụ lục 7

3. Xây dựng báo cáo kết quả Chỉ số cải cách hành chính

Theo chức năng nhiệm vụ được Chủ tịch UBND tỉnh giao, trên cơ sở kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các sở, ngành và UBND được Sở Nội vụ xem xét, công nhận, điều chỉnh thông qua đề xuất của Tổ thẩm định và kết quả điểm điều tra xã hội học, Sở Nội vụ đã tính toán, xác định các chỉ số, phân tích và xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả xác định Chỉ số CCHC năm 2016.

Báo cáo tập trung phân tích kết quả Chỉ số tổng hợp (PAR INDEX) và các chỉ số thành phần theo từng lĩnh vực, tiêu chí của Chỉ số CCHC đối với từng sở ngành, từng UBND cấp huyện, đồng thời có phân tích, so sánh với kết quả Chỉ số CCHC năm 2015. Báo cáo sẽ cung cấp những chỉ báo có tính nền tảng để các cấp, các ngành tham khảo, giám sát mức độ tiến triển về hiệu quả thực hiện công tác cải cách hành chính, đóng góp tích cực vào quá trình cải thiện chất lượng thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các đơn vị trong thời gian tới.

Phần 2

KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH – PAR INDEX
NĂM 2016 CỦA CÁC SỞ, BAN NGÀNH VÀ UBND CẤP HUYỆNI. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA
CÁC SỞ, BAN NGÀNH

1. Chỉ số tổng hợp - PAR INDEX NĂM 2016

Bảng: Tổng hợp Chỉ số CCHC năm 2016 của các sở, ban ngành

STT	Đơn vị	Điểm tối đa	Kết quả điểm cải cách hành chính					Chỉ số CCHC
			Điểm tự chấm	Điểm điều tra XHH	Điểm thưởng	Điểm trừ	Tổng điểm	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	96,50	52,75	26,07	4,00	6,66	76,15	78,91%
3	Sở Tư pháp	97,00	45,13	24,67	4,00	4,00	69,80	71,95%
2	Sở Tài chính	94,00	43,00	25,08	4,00	4,50	67,58	71,89%
4	Sở Nội vụ	97,00	43,50	23,42	4,00	2,50	68,42	70,54%
5	Sở Y tế	99,00	42,00	24,71	4,00	2,00	68,71	69,40%
6	Sở Công Thương	95,00	40,50	24,09	1,00	2,50	63,09	66,41%
7	Sở Khoa học và Công nghệ	97,00	38,63	23,94	4,00	2,50	64,07	66,05%
8	Thanh tra tỉnh	89,00	36,01	22,55	3,00	4,30	57,25	64,33%
9	Sở Nông nghiệp và PTNT	99,00	40,13	23,57	2,00	2,50	63,19	63,83%
10	Sở Giáo dục và Đào tạo	94,50	38,50	22,30	2,00	2,50	60,30	63,81%
11	Sở Giao thông vận tải	93,50	38,38	23,63	3,00	5,42	59,59	63,73%

STT	Đơn vị	Điểm tối đa	Kết quả điểm cải cách hành chính					Chỉ số CCHC
			Điểm tự chấm	Điểm điều tra XHH	Điểm thưởng	Điểm trừ	Tổng điểm	
12	Sở Xây dựng	96,50	37,13	24,59	3,00	5,50	59,21	61,36%
13	Ban Dân tộc	87,00	27,88	22,95	2,00	2,00	50,83	58,42%
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	97,50	38,50	21,42	3,00	7,00	55,92	57,35%
15	Ban Quản lý các KCN	92,00	31,88	24,68	2,00	6,09	52,46	57,02%
16	Sở Thông tin và Truyền thông	92,00	32,00	22,20	3,00	5,60	51,60	56,09%
17	Trường Cao đẳng Nghề	65,00	15,63	20,63	2,00	3,50	34,75	53,46%
18	Sở Lao động, TB và XH	97,00	26,25	23,99	2,00	5,00	47,24	48,70%
19	Trường Cao đẳng Cộng đồng	65,00	11,38	17,88	2,00	4,52	26,73	41,13%
20	Sở Văn hóa, TT và DL	98,00	19,63	19,55	2,00	5,94	35,23	35,95%
Giá trị trung bình								67,68%

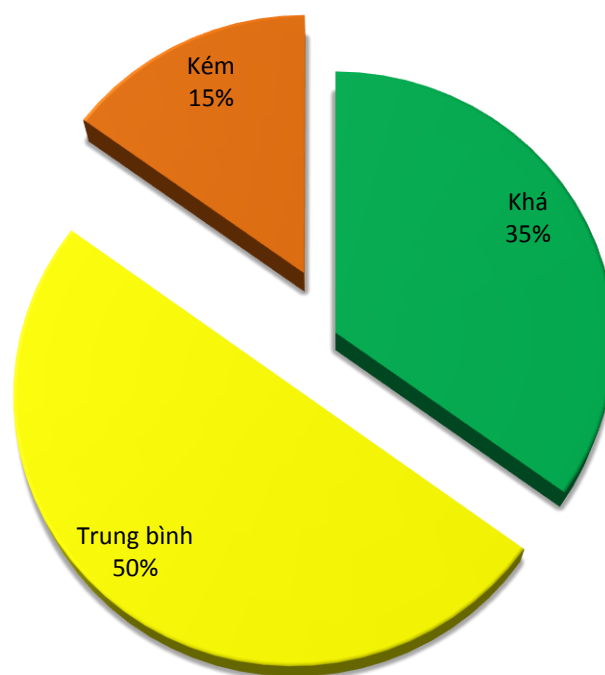
Giá trị trung bình Chỉ số CCHC của 20 sở ngành đạt được là 67,68%, cao hơn so với năm 2014 là 4,31%.

Kết quả xác định Chỉ số CCHC các sở ban ngành tập trung vào 3 nhóm điểm, bao gồm:

- **Nhóm Khá:** (đạt kết quả Chỉ số trên 65%) gồm 07 cơ quan: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Y tế, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ

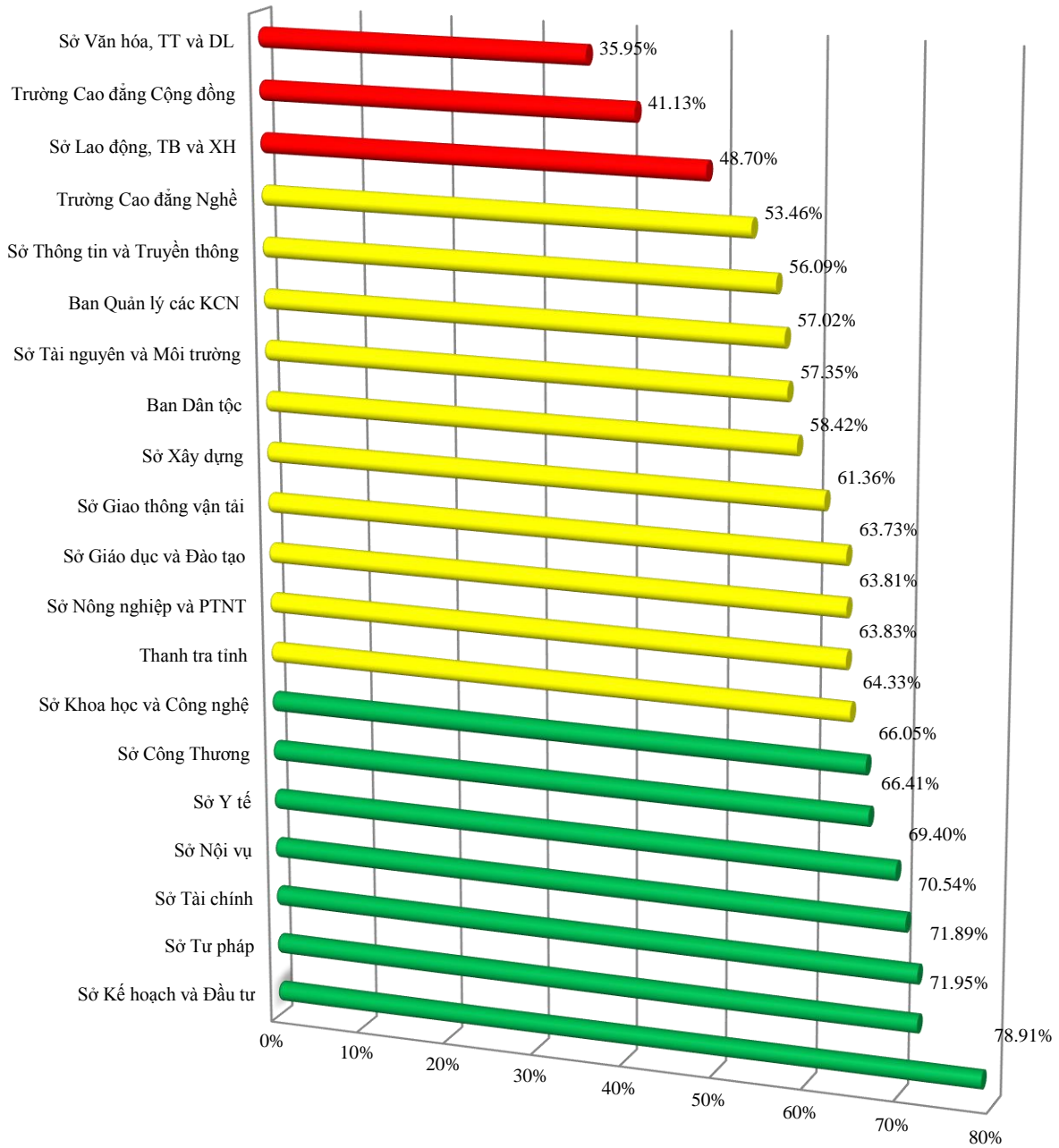
- **Nhóm Trung Bình:** (đạt kết quả Chỉ số trên 50% đến dưới 65%) gồm 10 cơ quan: Thanh tra tỉnh Sở Nông nghiệp và PTNT Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Ban Dân tộc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN, Sở Thông tin và Truyền thông, Trường Cao đẳng Nghề.

- **Nhóm Kém:** (đạt kết quả Chỉ số dưới 50%) gồm 3 cơ quan: Sở Lao động, TB và XH, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Sở Văn hóa, TT và DL.

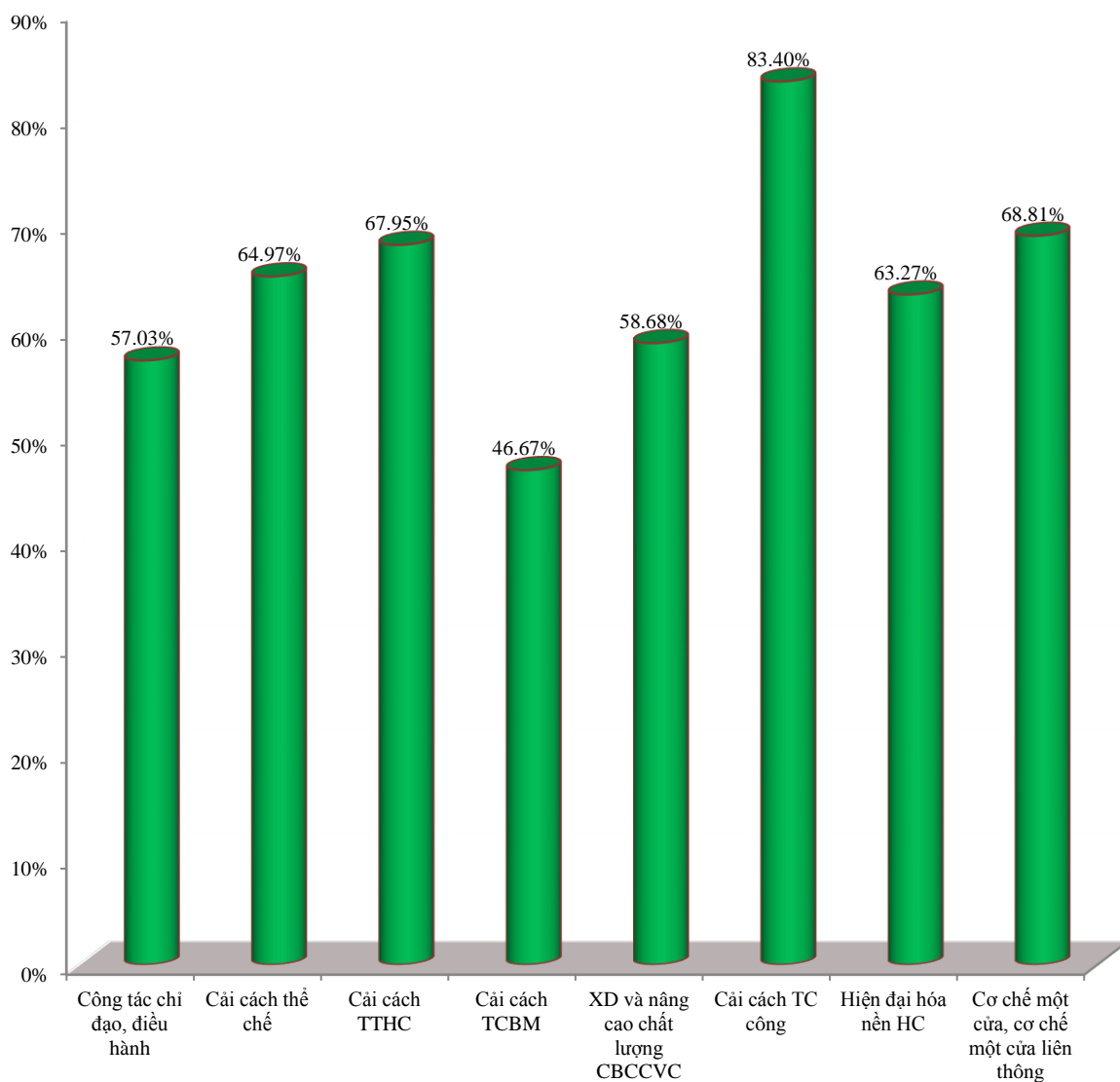


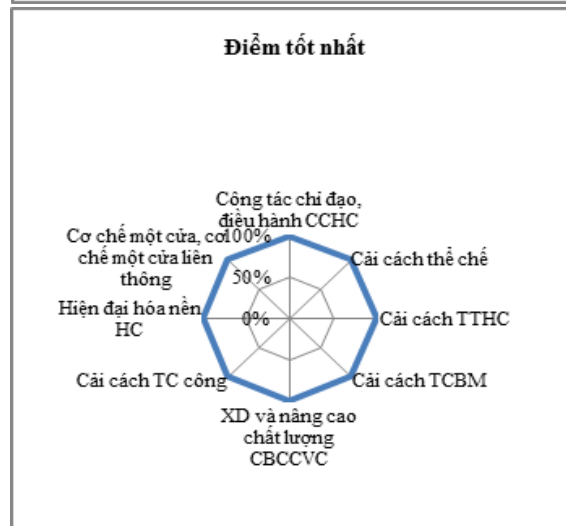
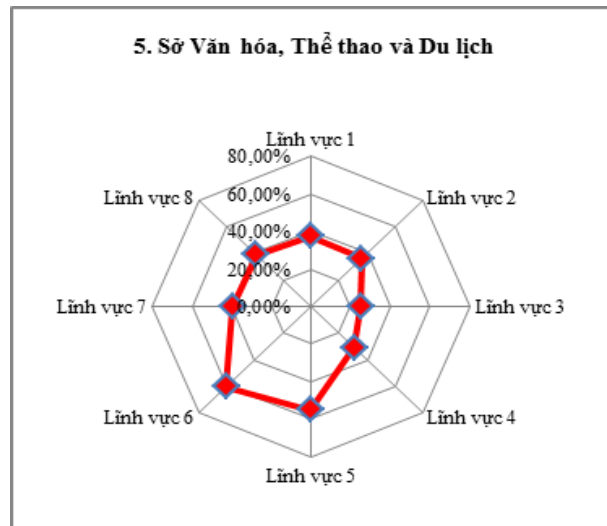
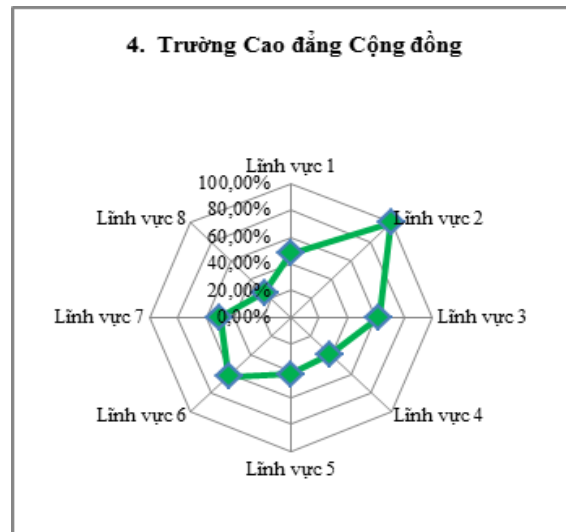
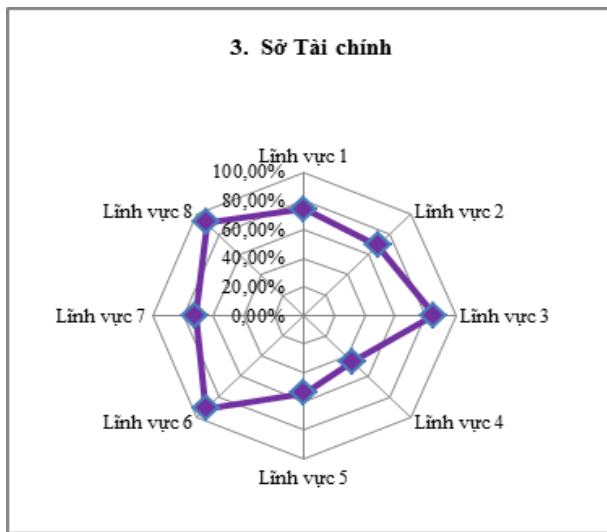
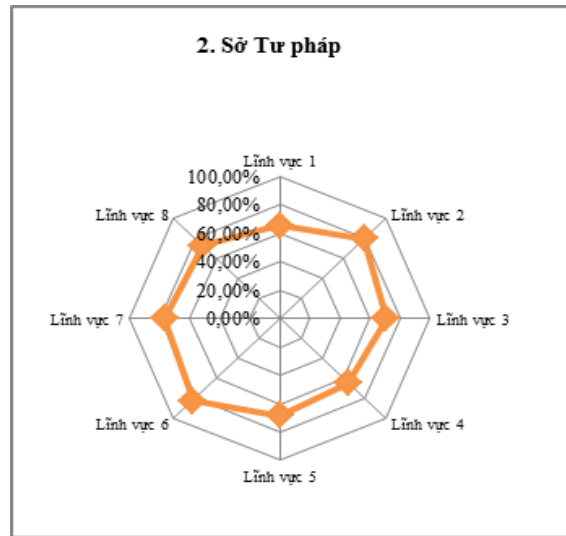
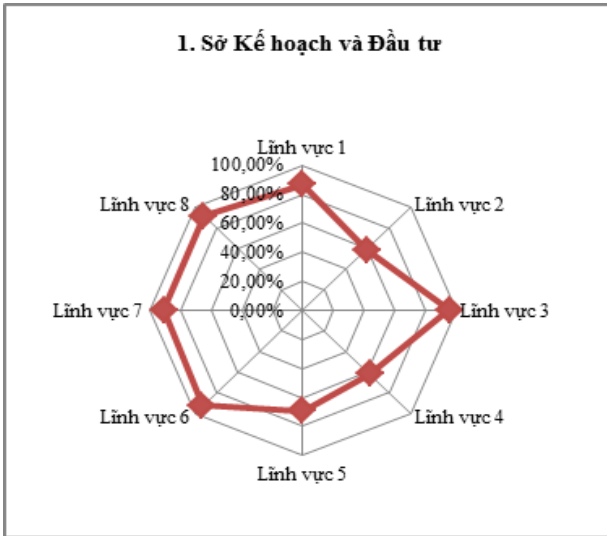
Nếu trong năm 2016, có xuất hiện 02 đơn vị đạt loại tốt, 09 đơn vị đạt loại khá và chỉ có 01 đơn vị đạt loại kém; thì trong năm 2016 hoàn toàn không có đơn vị xếp loại tốt, chỉ có 07 đơn vị loại khá (giảm 02 đơn vị), 10 đơn vị loại trung bình và có đến 3 đơn vị xếp loại kém.

Đứng đầu là Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đứng cuối bảng là Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.



Trong 8 lĩnh vực của Bộ Chỉ số cải cách hành chính, giá trị trung bình của Chỉ số thành phần về thực hiện cải cách tài chính công đạt cao nhất là 83,40% (nhưng giảm 7,21% so với năm 2015). Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tiếp tục có giá trị bình quân thấp nhất.



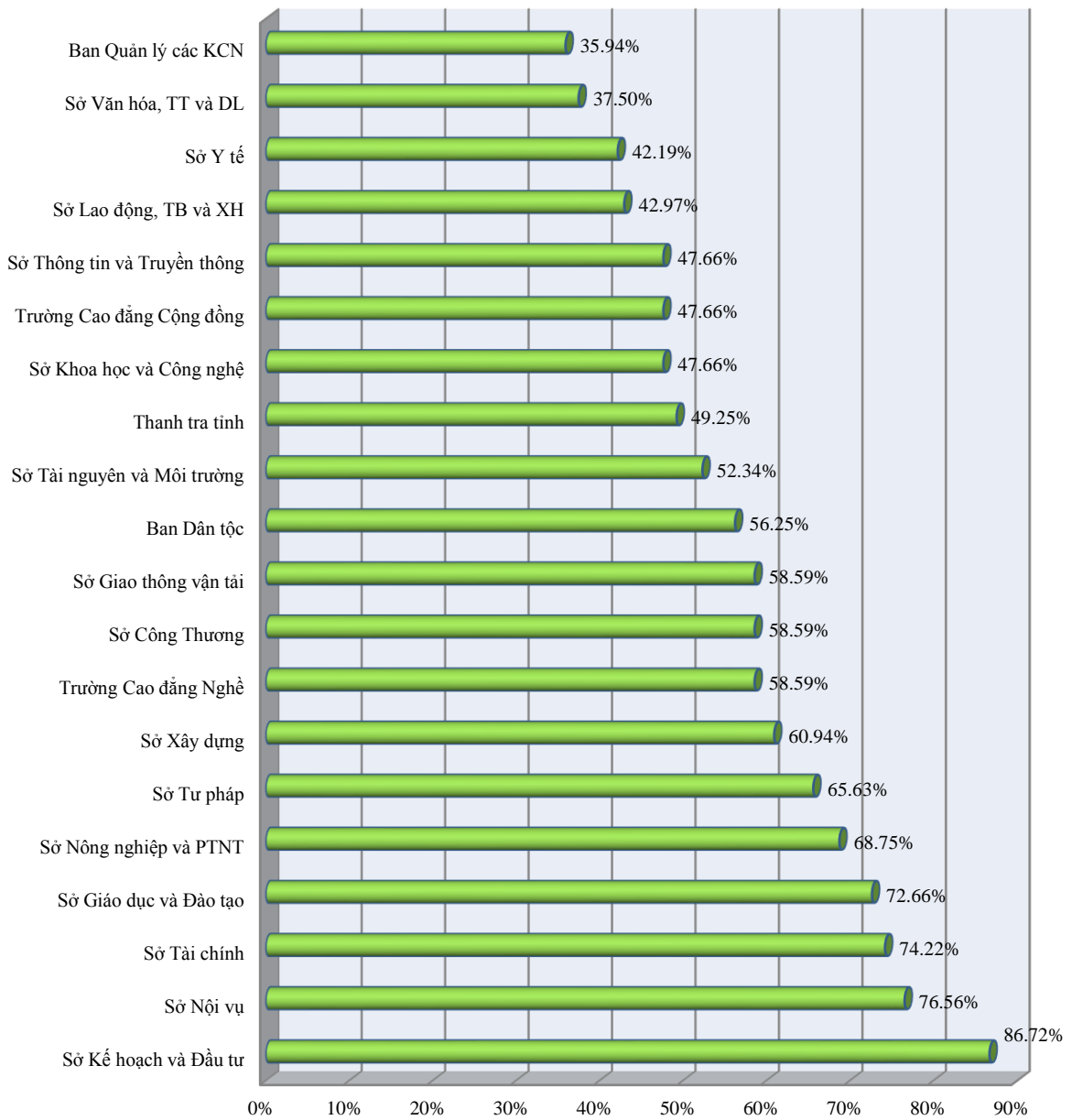


Biểu đồ thể hiện kết quả Chỉ số CCHC của 03 đơn vị đứng đầu và 02 đơn vị xếp cuối bảng theo 8 lĩnh vực CCHC

2. Kết quả đạt được của các sở ban ngành theo từng chỉ số thành phần

2.1. Chỉ số thành phần về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của các đơn vị có những bước tiến đáng kể so với năm trước. Đây cũng là Chỉ số quan trọng quyết định phần lớn đến vị trí xếp hạng của các đơn vị, chiếm 16% so với tổng điểm quy định. Thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính năm 2016 của tỉnh, các sở, ban ngành đã đồng loạt triển khai, xây dựng kế hoạch cải cách hành chính riêng của ngành, phù hợp với thực tiễn hoạt động của đơn vị, với kết quả như sau:



Trong Chỉ số thành phần này, Sở Kế hoạch và Đầu tư là đơn vị dẫn đầu với tỷ lệ 86,72%. Kết quả cho thấy trong năm qua lãnh đạo đơn vị có những chỉ đạo sát sao, quyết liệt trong thực hiện công tác cải cách hành chính. Sau khi nhận được kết quả công bố Chỉ số cải cách hành chính năm 2015, các đơn vị đã khẩn trương rà soát, đánh giá và triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện chất lượng chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính năm 2016, tăng từ hạng 3 năm 2015 lên hạng 1 năm 2016 ở lĩnh vực này.

Số lượng các đơn vị có tỷ lệ thấp ở chỉ số thành phần này có đến 08 đơn vị ở mức dưới 50% (tăng gấp đôi so với năm 2015). Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần này đứng vị trí thấp thứ 3 trong 8 lĩnh vực.

Năm qua các đơn vị đã chú trọng hơn trong việc lập các kế hoạch liên quan đến công tác cải cách hành chính như kế hoạch cải cách hành chính, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính đồng thời có triển khai thực hiện các nội dung công việc theo kế hoạch đề ra và đạt tỷ lệ cao; có báo cáo cải cách hành chính đủ và đúng hạn, nội dung báo cáo phong phú, đạt yêu cầu; có gắn kết quả thực hiện với công tác thi đua khen thưởng. Tuy nhiên, phải nhìn nhận rằng, vẫn còn 40% các đơn vị chưa coi trọng và ít quan tâm tới công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, thiếu thực hiện các chính sách, giải pháp thích hợp, hiệu quả để cải cách hành chính. Vì vậy Chỉ số chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của các đơn vị đạt dưới mức trung bình.

Điều tra xã hội học đánh giá về kết quả công tác chỉ đạo điều hành được thể hiện qua 03 tiêu chí: Công tác tuyên truyền CCHC; Quyết tâm của Lãnh đạo trong chỉ đạo, điều hành CCHC và Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.

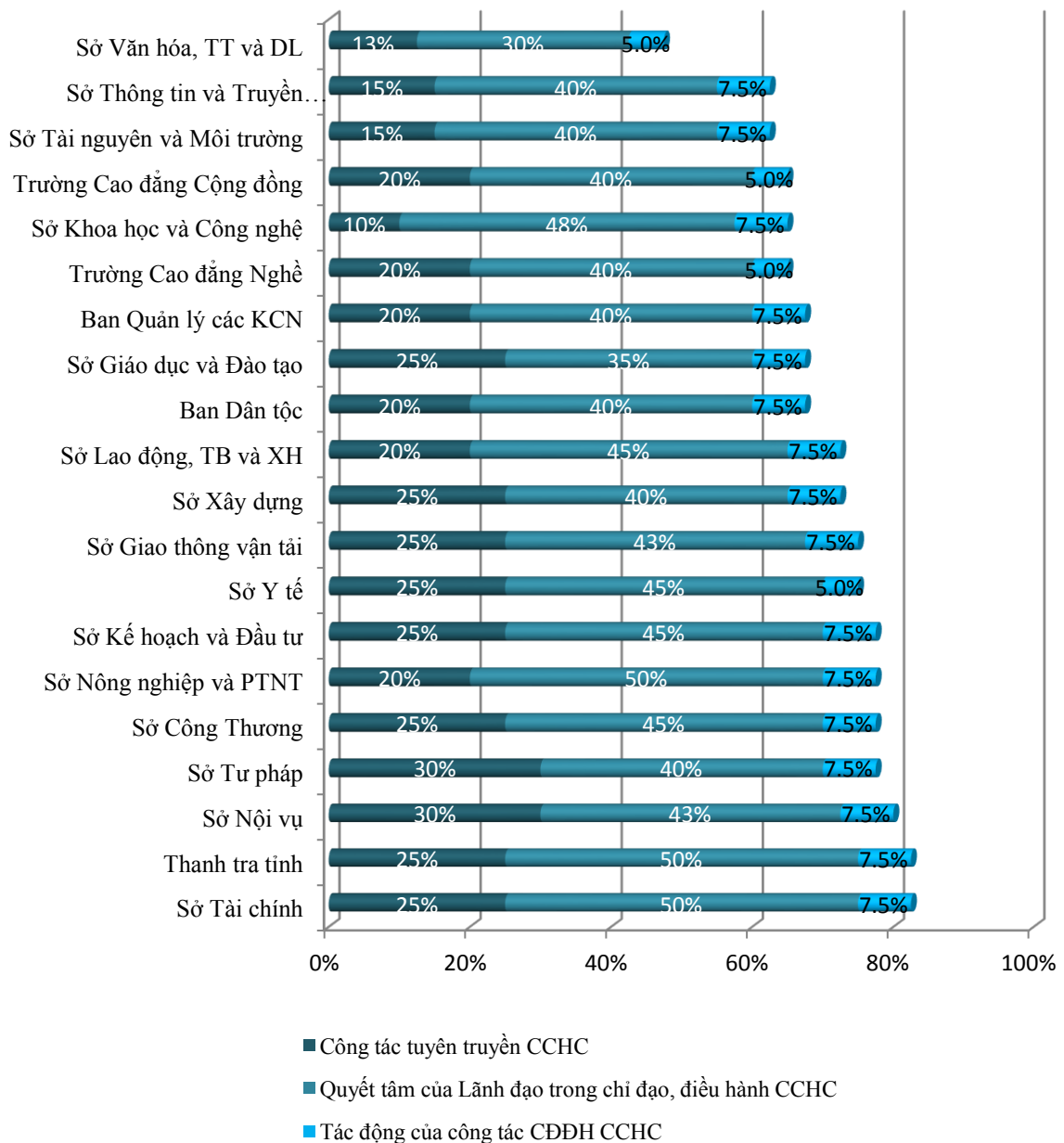
Theo kết quả khảo sát, trong năm 2016, công tác tuyên truyền CCHC của các đơn vị Ban Quản lý các khu công nghiệp, Trường Cao đẳng Cộng đồng và Trường Cao đẳng nghề chưa được quan tâm thực hiện thường xuyên và chưa có chất lượng. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng không được đánh giá cao nội dung này khi mà có đến 28,3% ý kiến cho rằng đơn vị không thường xuyên tuyên truyền CCHC và 33,3% cho rằng công tác tuyên truyền CCHC của đơn vị chưa có chất lượng.

Tại một số đơn vị, khi điều tra viên tiến hành khảo sát việc tham gia vào hoạt động tuyên truyền CCHC, chỉ 80% ý kiến cho là bản thân có tham gia (bao gồm công chức tại các Sở: Lao động, TB và XH; Nông nghiệp và PTNT; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Còn tại Sở Khoa học và Công nghệ có đến 40% công chức được khảo sát không tham gia vào công tác tuyên truyền CCHC của đơn vị mình. Các đơn vị còn lại đều có 100% công chức trả lời là có tham gia vào hoạt động này.

Trong năm 2016, lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và PTNT và Thanh tra tỉnh được đánh giá cao đối với sự quyết tâm trong công tác chỉ đạo, điều hành, 100% công chức được khảo sát tại đơn vị này đánh giá lãnh đạo thực hiện tốt việc nâng cao chất lượng, nội dung văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC, đồng thời chỉ đạo triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC, có

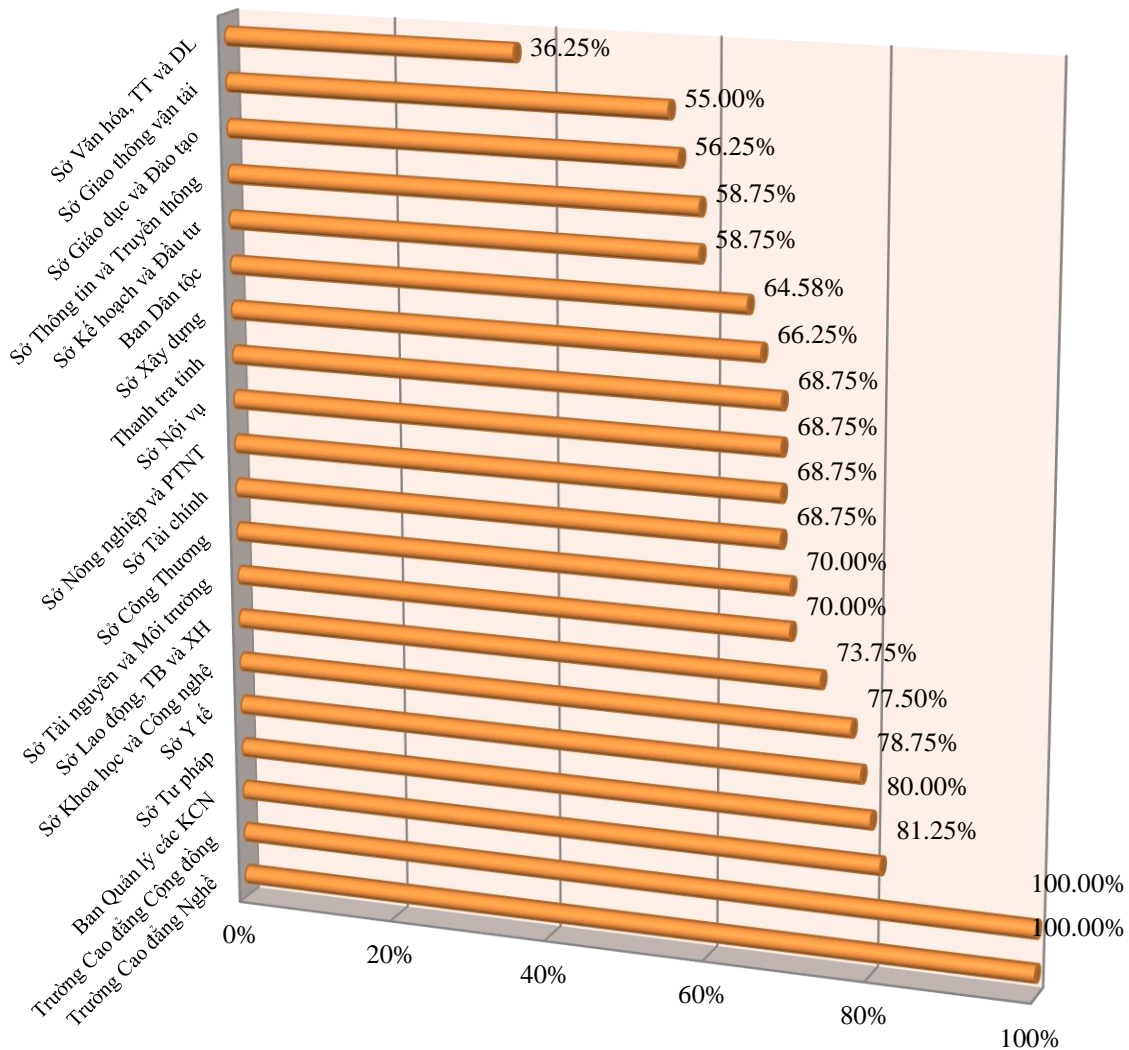
quan tâm bố trí công chức phụ trách công tác CCHC và kinh phí triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; ngoài ra, lãnh đạo còn thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các phòng ban thực hiện nhiệm vụ CCHC và chấp hành nghiêm văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên về CCHC. Ở tiêu chí này, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạt tỷ lệ là 60%.

Đa số các ý kiến khảo sát đều cho rằng cho rằng CBCCVC của 20 đơn vị đều có sự am hiểu, nhận thức khá tốt về công tác CCHC (trên 90%).



Biểu đồ so sánh kết quả điểm ĐTXHH ở lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC theo từng tiêu chí

2. Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật



Kết quả Chỉ số thành phần Cải cách thể chế

Trong năm 2016, có 17/20 đơn vị thực hiện tự chấm điểm Chỉ số thành phần cải cách thể chế. 03 đơn vị là Ban Dân tộc, Trường Cao đẳng Cộng đồng và Trường Cao đẳng Nghề Sóc Trăng không thực hiện chấm điểm Chỉ số thành phần này.

Nhìn chung, công tác cải cách thể chế trong năm 2016 của các sở, ban ngành có chiều hướng khả quan hơn so với năm 2015, mặc dù giá trị trung bình ở chỉ số thành phần này vẫn chưa xếp hạng cao trong tổng tổng số 8 lĩnh vực

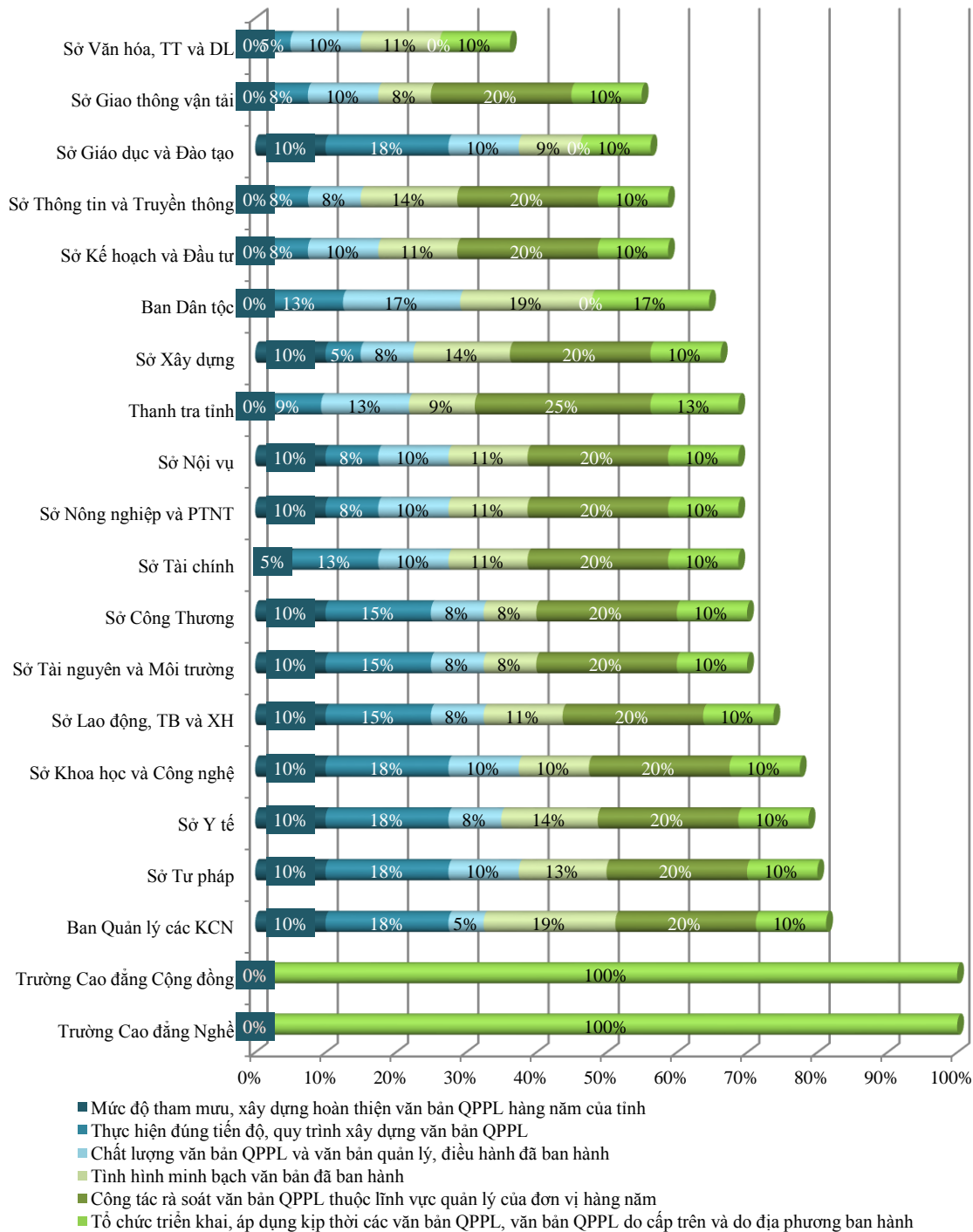
nhưng xếp thứ hạng (4) và tỷ lệ đạt được cao hơn so với năm 2015 (vị trí 4, tỷ lệ 64,97%, trong khi trong năm 2015 Chỉ số này chỉ đạt 59,21%).

Nhờ có ưu thế trong việc hạ điểm chuẩn tại các nội dung về mức độ xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong năm cũng như chất lượng của văn bản sau khi được ban hành, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường Cao đẳng Nghề đã đạt được số điểm tuyệt đối tại Chỉ số thành phần cải cách thể chế và về nhất bảng cùng với các đơn vị là Ban Quản lý KCN, Sở Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Lao động – Thương binh và Xã hội, Công Thương, Khoa học và Công nghệ.

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch hoàn toàn không nhận được điểm nào trong lĩnh vực này do đơn vị chưa quan tâm thuyết minh và cung cấp tài liệu kiểm chứng để đánh giá. Kết quả đơn vị phải ở lại vị trí sau cùng trong bảng xếp hạng.

Do chưa kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản quy phạm pháp luật theo đúng lộ trình đề ra, nên có đến 04 đơn vị nhận điểm “0” tại tiêu chí thành phần mức độ tham mưu ban hành văn bản gồm Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Sở Tài chính chỉ nhận được 50% số điểm theo quy định. 11 đơn vị còn lại đạt điểm tuyệt đối trong tiêu chí thành phần này.

Các đơn vị đều đạt điểm tối đa với công tác “*tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật*” (trừ Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

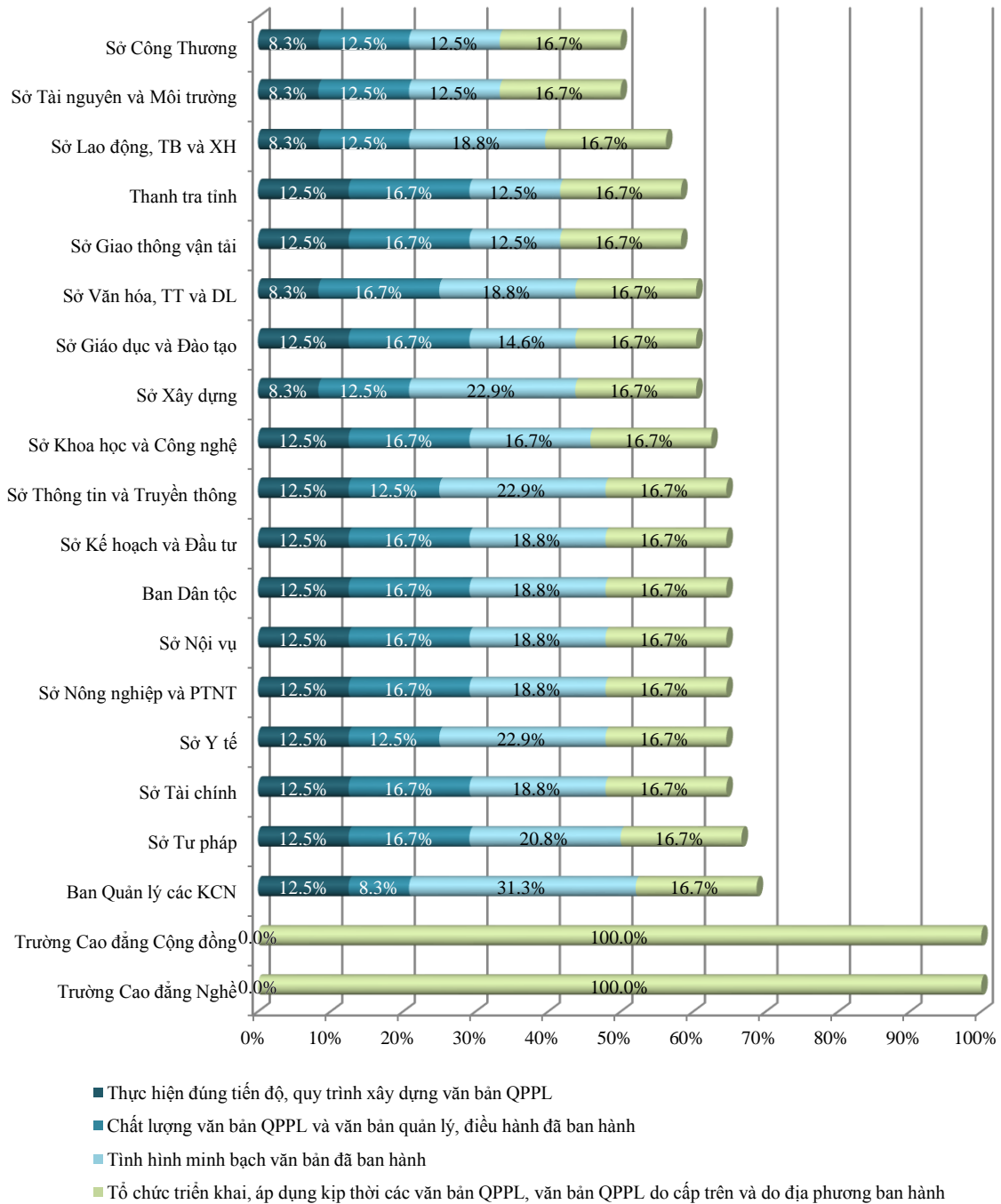


Kết quả Chỉ số thành phần Cải cách thể chế theo các tiêu chí

Về chất lượng văn bản QPPL và văn bản quản lý, điều hành, trên 10% đại biểu HĐND tỉnh đánh giá nội dung văn bản của 18/18 đơn vị tham mưu đều chưa đầy đủ, cụ thể; một số đơn vị chưa kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản QPPL như Ban Quản lý các khu công nghiệp, các Sở: Công thương, Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng và Y tế. Văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý các khu công nghiệp chưa có tính khả thi.

Đối với các văn bản QPPL đã tham mưu UBND tỉnh ban hành, trên 20% ý kiến đánh giá một số đơn vị chưa thông tin đầy đủ nội dung văn bản (thông qua báo, đài, Trang thông tin điện tử) đến người dân và doanh nghiệp như các Sở: Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh.

100% công chức, viên chức đánh giá 20/20 đơn vị có cập nhật, tổ chức triển khai, hướng dẫn các văn bản của cấp trên ban hành.



Biểu đồ so sánh kết quả điểm ĐTXHH ở lĩnh vực cải cách thể chế theo các tiêu chí

Năm 2016, nhằm kịp thời triển khai áp dụng quy định của Trung ương và để có cơ sở thực hiện tốt công tác quản lý, điều hành tại địa phương, UBND tỉnh đã ban hành Chương trình xây dựng VBQPPL. Nhiệm vụ của Chương trình là hoàn thiện 26 VBQPPL thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, giao thông, thông tin và truyền thông, tư pháp, nông nghiệp, công nghiệp, tài nguyên môi trường, xây dựng, đầu tư, giáo dục, y tế và nội vụ, đồng thời thực hiện rà soát quy định chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban ngành trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, tỉnh còn ban hành thêm 23 văn bản nằm ngoài Chương trình. 100% các văn bản đã ban hành đều đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật và được đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử, công báo tỉnh cũng như các phương tiện thông tin đại chúng.

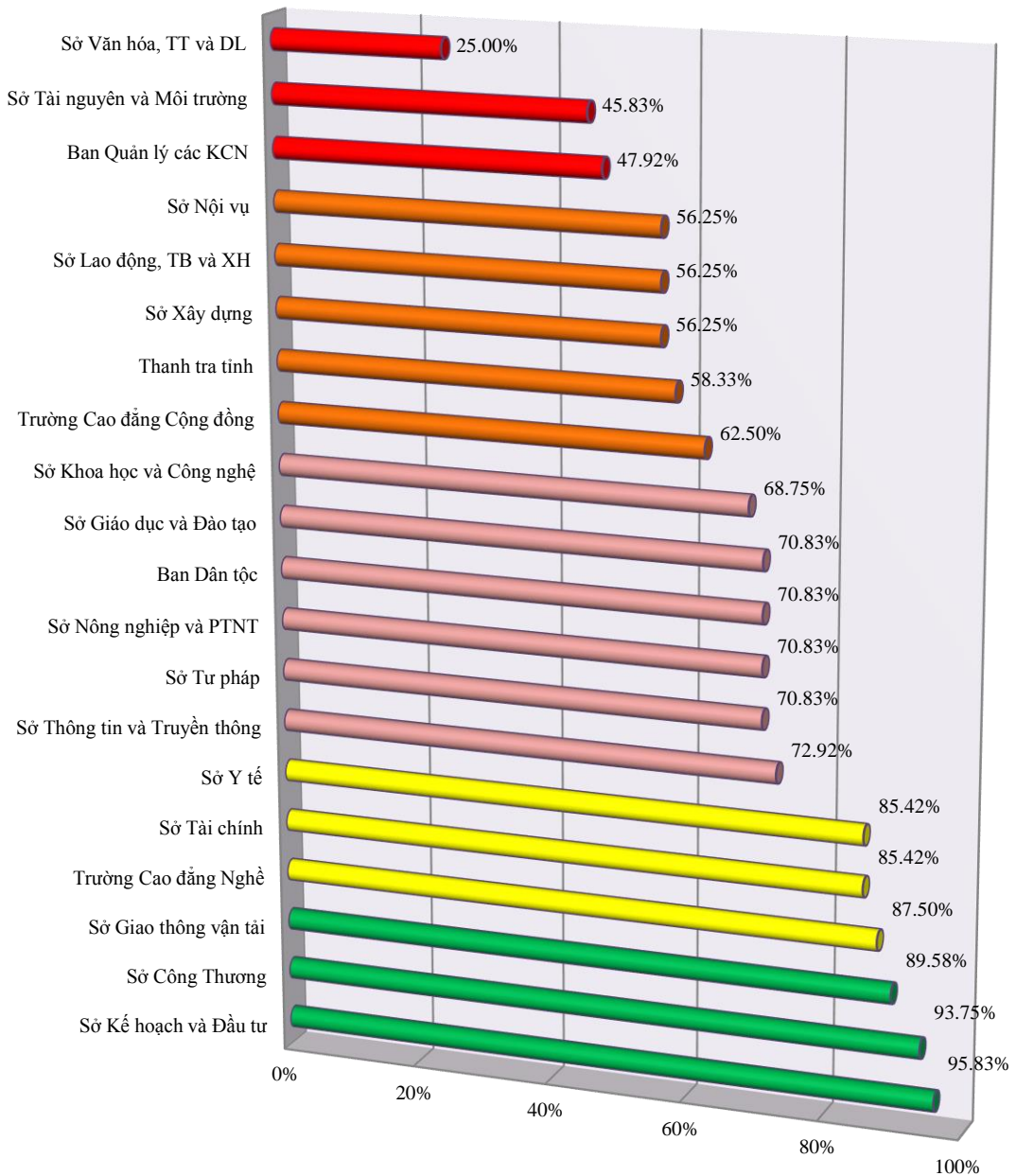
Tỉnh đã thực hiện rà soát tổng số 987 văn bản QPPL và thực hiện công bố 26 văn bản QPPL hết hiệu lực toàn bộ và 01 văn bản QPPL hết hiệu lực một phần thông qua các Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 05/02/2016, Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 24/5/2016 và Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 11/8/2016, theo đó, kết quả xử lý đạt tỷ lệ 100%.

Tiến hành thực hiện tự kiểm tra 36/36 Quyết định của UBND tỉnh, đạt tỉ lệ 100%; kiểm tra theo thẩm quyền đối với 138/138 (100%) văn bản QPPL của HĐND, UBND cấp huyện, qua kiểm tra, tỉnh phát hiện 23 văn bản QPPL của cấp huyện có dấu hiệu chưa phù hợp pháp luật² và đã chỉ đạo các đơn vị xử lý theo quy định, đạt tỉ lệ 100%.

2.3. Cải cách thủ tục hành chính

Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính năm 2016 được đánh giá giảm nhiều so với năm 2015. Giá trị trung bình năm 2016 là 67,95% (năm 2015 là 80,15%).

² 20 văn bản QPPL vi phạm về nội dung và 03 văn bản QPPL vi phạm về thẩm quyền.



Kết quả từ biểu đồ cho thấy, Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn toàn chiếm lợi thế trong Chỉ số thành phần này khi về nhất bảng. Thực hiện chủ trương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh, Sở đã nhanh chóng bắt nhịp, triển khai nhiều hoạt động liên quan đến cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo 100% hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hẹn, làm tốt công tác kiểm soát, rà soát thủ tục hành chính, thực hiện cắt giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian và quy trình giải quyết thủ tục hành chính. Kế đến là Sở Công Thương về nhì bảng; Sở Giao thông vận tải xếp thứ ba. Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là những đơn vị xếp cuối bảng.

Có 13 đơn vị đạt điểm tối đa ở tiêu chí mức độ hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, 02 đơn vị đạt điểm tối đa tại tiêu chí kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính và 14 đơn vị đạt điểm tối đa ở tiêu chí kết quả giải quyết thủ tục hành chính đúng và sớm hạn. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đơn vị còn hạn chế chỉ đạo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Những đơn vị còn lại chủ yếu đạt mức điểm trung bình.

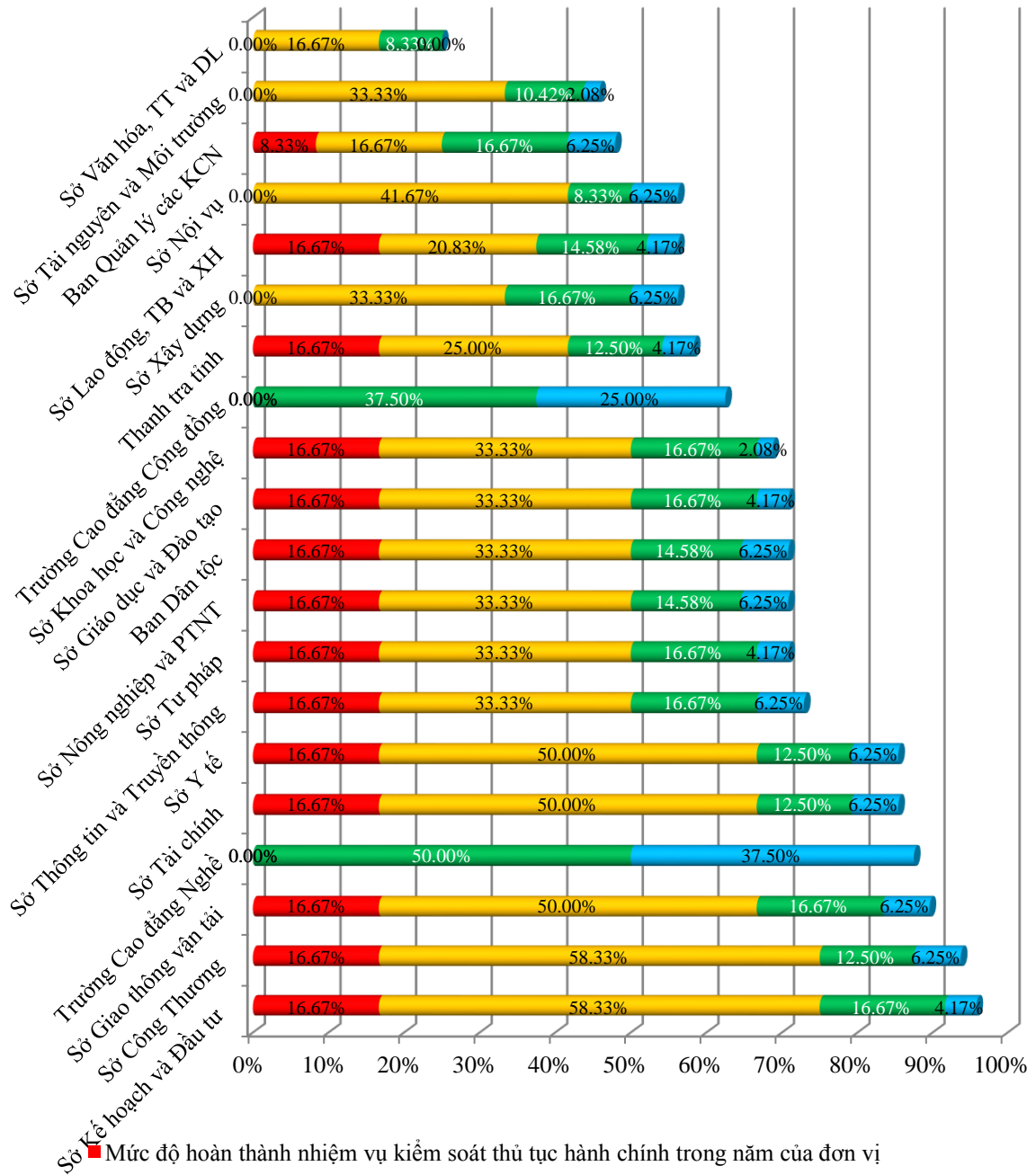
Đơn vị nào có quan tâm thực hiện tốt công tác chỉ đạo, ban hành các kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính thì chất lượng thực hiện thủ tục hành chính cũng được nâng lên. Theo đó công tác công khai, niêm yết thủ tục hành chính, địa chỉ phản ánh kiến nghị của công dân về thủ tục hành chính tại trụ sở làm việc của các đơn vị được quan tâm triển khai.

Ngoài ra, vẫn còn một số đơn vị chưa quan tâm ban hành các kế hoạch, văn bản nhưng một số nhiệm vụ, nội dung kế hoạch đề ra chưa được triển khai đầy đủ, kịp thời trong thực tế hoặc có triển khai kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính nhưng lại không xây dựng kế hoạch, nội dung thực hiện.

Về tình hình giải quyết TTHC, 13/20 đơn vị³ được 100% ý kiến đánh giá là giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp đúng hạn, các đơn vị còn lại đều có tình trạng giải quyết TTHC trễ hạn cho cá nhân, tổ chức.

Việc cải tiến, đơn giản hóa TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC được các đơn vị thực hiện tương đối đồng đều. Chỉ có một vào đơn vị chưa thực hiện đánh giá cao như: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có 84% ý kiến đánh giá ở mức khá, tốt, còn lại 16% ý kiến đánh giá ở mức trung bình, kém; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, tỷ lệ đánh giá mức khá, tốt đạt 88%.

³ Bao gồm các Sở: Xây dựng, Tài chính, Y tế, Công Thương, Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ban Quản lý các khu công nghiệp và Trường Cao đẳng Nghề.



■ Mức độ hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trong năm của đơn vị
 ■ Kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trong năm

Nhằm thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC năm 2016, tỉnh đã ban hành và triển khai Kế hoạch số 79/KH-UBND, ngày 25/12/2015. Tỉnh luôn quan tâm kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới TTHC, không quy định TTHC trong các văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của địa phương; thẩm định chặt chẽ nội dung các quy định có chứa thủ tục hành chính của các đơn vị, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan trước khi phê duyệt. Trong năm, tỉnh đã ban hành 90 Quyết định công bố đối với 1.185 TTHC. Tất cả số TTHC mới ban hành này cũng đã được gửi về Bộ Tư pháp theo dõi theo quy định.

Rà soát, đánh giá hoàn tất đối với 23 thủ tục hành chính ở 11 lĩnh vực liên quan đến các quy định về khám chữa bệnh, Tổ chức phi chính phủ, quản lý tài sản nhà nước, khiếu nại tố cáo, xuất bản, luật sư, điện, thành lập và hoạt động liên hiệp hợp tác xã, quy hoạch xây dựng, đường thủy nội địa và đất đai. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá TTHC, UBND tỉnh đã ban hành 08 Quyết định thông qua Phương án đơn giản hóa TTHC của các ngành, phân công các cơ quan chuyên môn xây dựng Phương án chi tiết để đề nghị các Bộ, ngành liên quan xem xét, xử lý theo quy định.

Toàn tỉnh có 18/18 sở ban ngành và 11/11 huyện, thị xã, thành phố và 109/109 xã, phường thị trấn thực hiện niêm yết, đăng tải công khai, đầy đủ bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính và trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị theo đúng quy định, đạt tỷ lệ 100%.

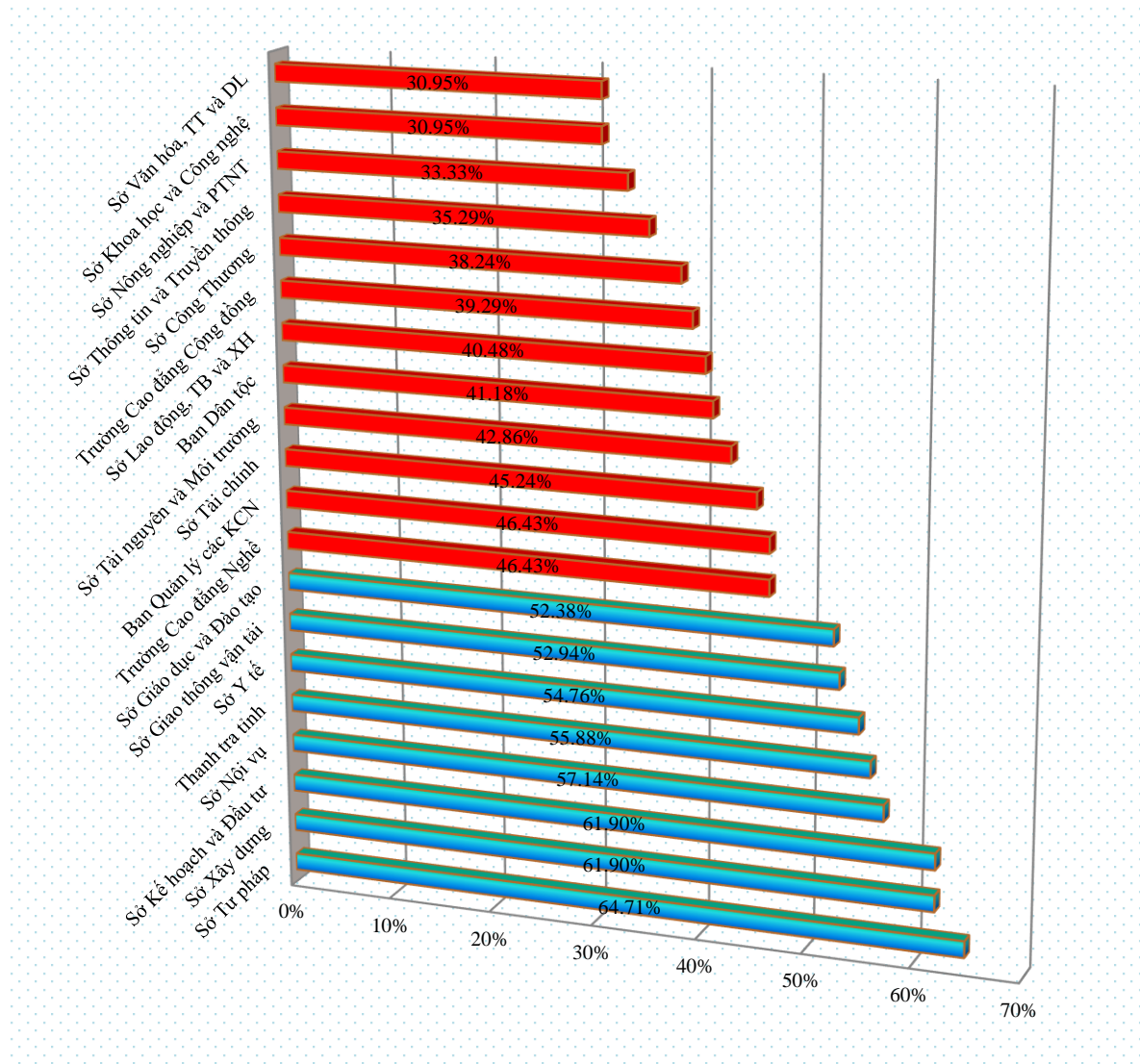
Năm 2016, toàn tỉnh⁴ đã tiếp nhận 853.793 hồ sơ TTHC. Kết quả có 845.938/846.314 hồ sơ đã được giải quyết đúng hẹn, đạt tỷ lệ 89,39%. So với năm 2015, tỉ lệ hồ sơ giải quyết trễ hẹn giảm, do việc áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ứng dụng CNTT vào giải quyết hồ sơ TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, TTHC.

2.4. Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Giá trị trung bình của Chỉ số này tiếp tục giữ vị trí thấp nhất trong 8 lĩnh vực (46,67%), thấp hơn so với năm 2014 (47,09%) và 2015 (54,97%).

Trong số những đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh triển khai những phần việc về phân cấp quản lý thì chỉ có 02 đơn vị là Sở Xây dựng và Sở Giáo dục và Đào tạo làm khá tròn vai của mình, tức là có tham mưu xây dựng kế hoạch, quy hoạch tổng thể đơn vị sự nghiệp của ngành hoặc có tham mưu ban hành các văn bản về phân cấp quản lý và có báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phân cấp. 12 đơn vị xếp hạng dưới mức trung bình do đơn vị thiếu triển khai phần việc xử lý, khắc phục sau kiểm tra và rà soát Quy chế làm việc, những hạn chế trong thực hiện phân cấp quản lý và sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định.

⁴ Tính đến ngày 28/11/2016.



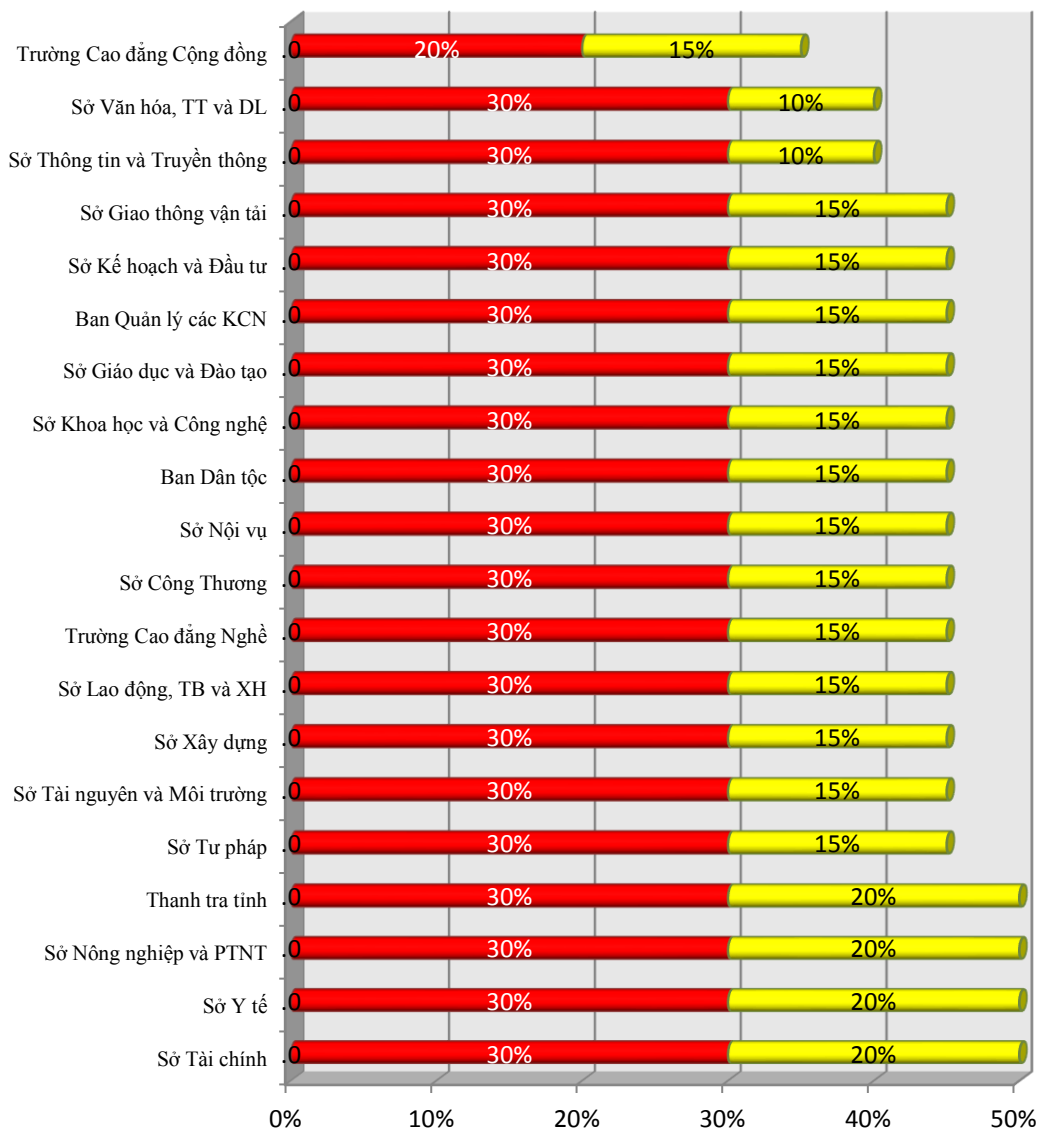
Kết quả trên là hệ quả tất yếu, bởi lẽ khi đánh giá chi tiết, nhiều đơn vị đã bộc lộ rõ hạn chế trong việc thực hiện những tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số này. Trong năm qua, nhiều đơn vị chưa đẩy mạnh việc kiểm tra nhiệm vụ đã phân cấp cho đơn vị cấp huyện nên tỉ lệ điểm tại tiêu chí này rất thấp, nhất là Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công Thương, Sở Thông tin và Truyền thông hoàn toàn không nhận được điểm nào tại nội dung này. Đối với các đơn vị có triển khai kiểm tra thì việc xử lý, khắc phục sau kiểm tra rất hạn chế và chưa được triệt để.

“Chất lượng tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực” của các đơn vị⁵ được đánh giá dựa trên ý kiến khảo sát của các đại biểu HĐND tỉnh. Kết quả không có đơn vị nào ghi điểm ở nội dung này, do ý kiến đánh giá các đơn vị thực hiện tốt nội dung này đạt dưới 70%

⁵ Trừ Trường Cao đẳng cộng đồng và Cao đẳng Nghệ.

Trong năm 2016, 20/20 đơn vị đều được đại biểu HĐND tỉnh đánh giá công tác quản lý, điều hành của ngành, lĩnh vực có tác động tích cực, hiệu quả và đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

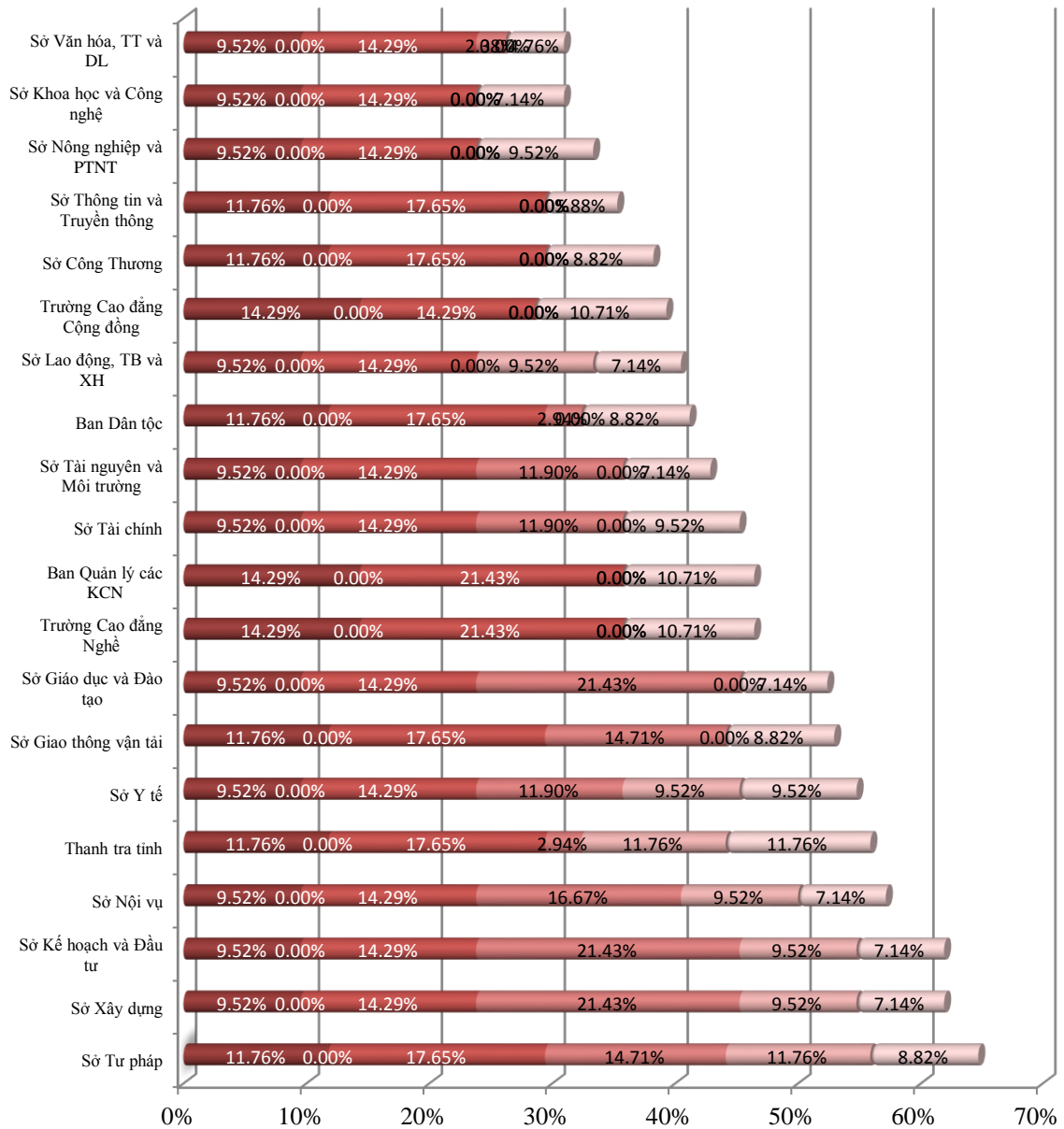
Đối với công tác phối hợp giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc, công chức, viên chức tại các đơn vị cho rằng các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Y tế và Thanh tra tỉnh thực hiện tốt công tác phối hợp trong nội bộ cơ quan; 20% công chức, viên chức làm việc tại Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thì cho rằng công tác phối hợp giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc chỉ đạt ở mức trung bình.



■ Chất lượng tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực

■ Tác động, hiệu quả và đóng góp của của sở, ban ngành trong công tác quản lý, điều hành ngành, lĩnh vực đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh

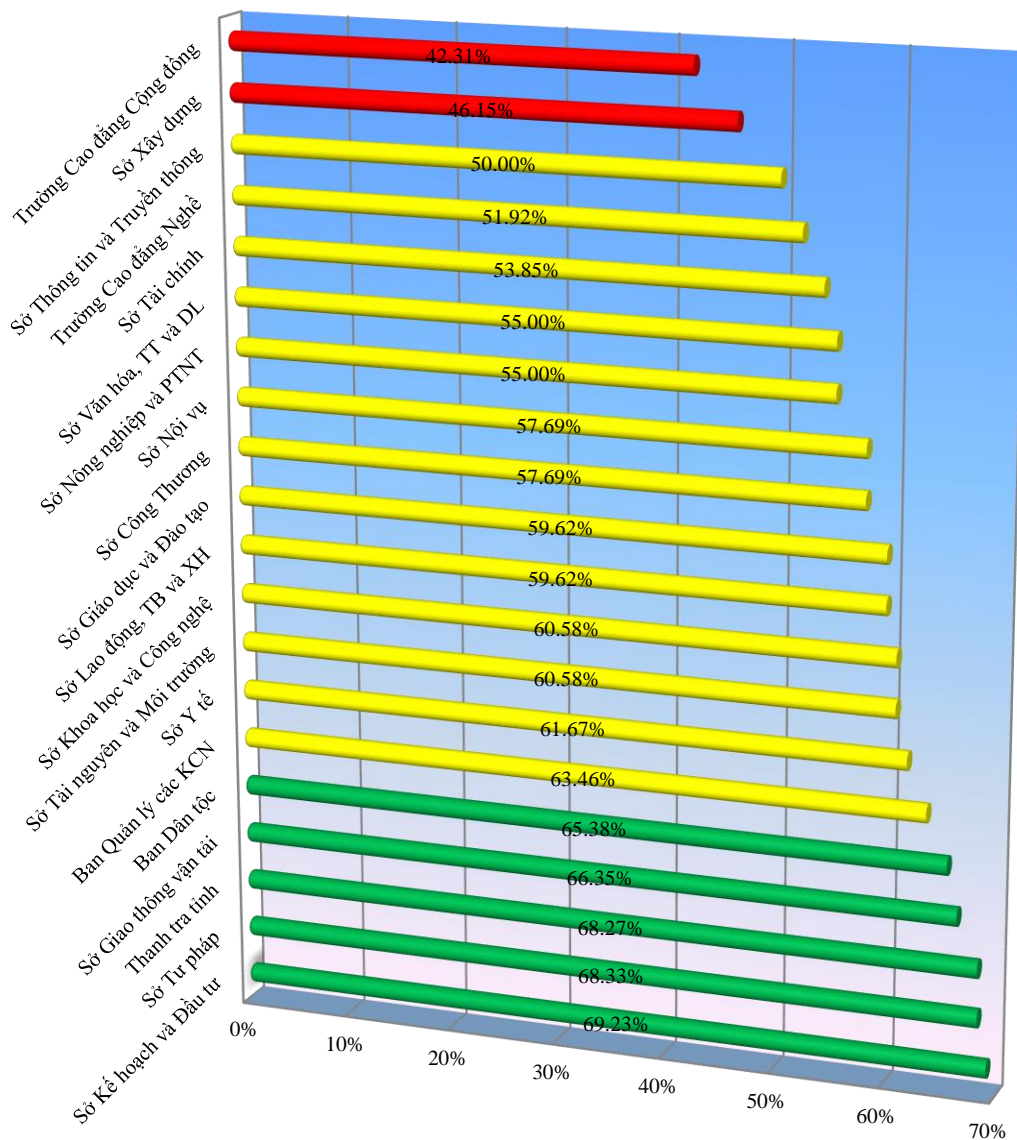
■ Mối quan hệ, phối hợp giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc

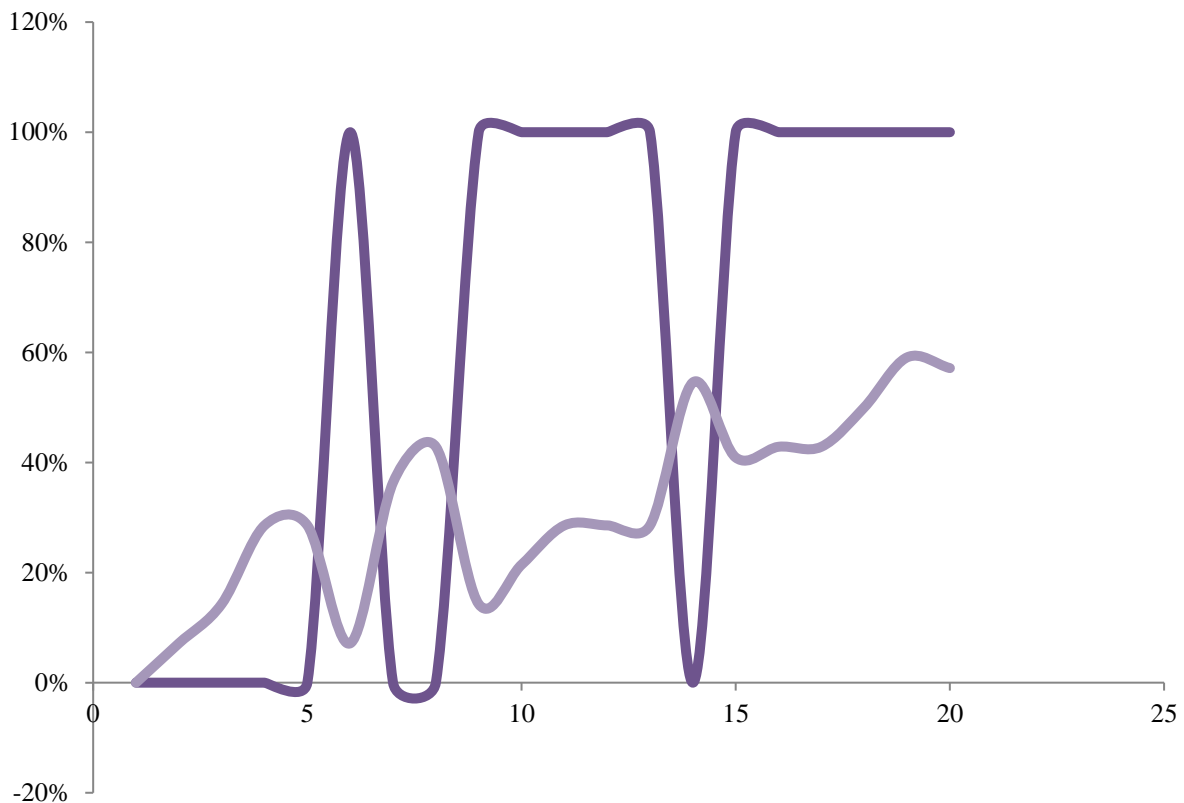


- Có sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy gọn nhẹ, đúng quy định
- Chất lượng tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực
- Tác động, hiệu quả và đóng góp của của sở, ban ngành trong công tác quản lý, điều hành ngành, lĩnh vực đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh
- Thực hiện phân cấp quản lý
- Quy chế làm việc tại đơn vị
- Mối quan hệ, phối hợp giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc

2.5. Chỉ số thành phần xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Lĩnh vực này được đo lường thông qua kết quả đánh giá đối với các chuỗi hoạt động trong năm 2016 của các sở ngành về tình hình triển khai thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm; việc đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động; tuyển dụng và phân công sau tuyển dụng theo quy định; đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động; Chất lượng đội ngũ CBCCVC; Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC và Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.





— Sở, ban ngành có triển khai thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt

— Đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động

Trong năm qua có 12/20 đơn vị (Ban Dân tộc, Ban Quản lý các KCN, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Thanh tra tỉnh) quan tâm hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm công chức nên đạt tỉ lệ điểm tuyệt đối ở nội dung thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

Trong Chỉ số thành phần này 16/20 sở ngành được hạ điểm chuẩn tại tiêu chí thành phần về thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức và chấp hành nghiêm các quy định về phân công sau tuyển dụng. Đây là lợi thế rất lớn của các đơn vị. Tuy nhiên, ở những phần việc khác thì nhiều đơn vị hoàn toàn trắng tay về điểm số, nhất là nội dung về mức độ thực hiện kết hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

Thực hiện Đề án “*Đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ, công chức*” với mục tiêu chung là xây dựng một nền công vụ “*Chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động, minh bạch, hiệu quả*”, thời gian qua mặc dù các sở, ban ngành đã triển khai nhiều phần việc liên qua đến rà soát, hoàn thiện đề án vị trí việc làm công chức, bổ sung, tuyển dụng nguồn lực có trình độ chuyên môn cao, đào tạo,

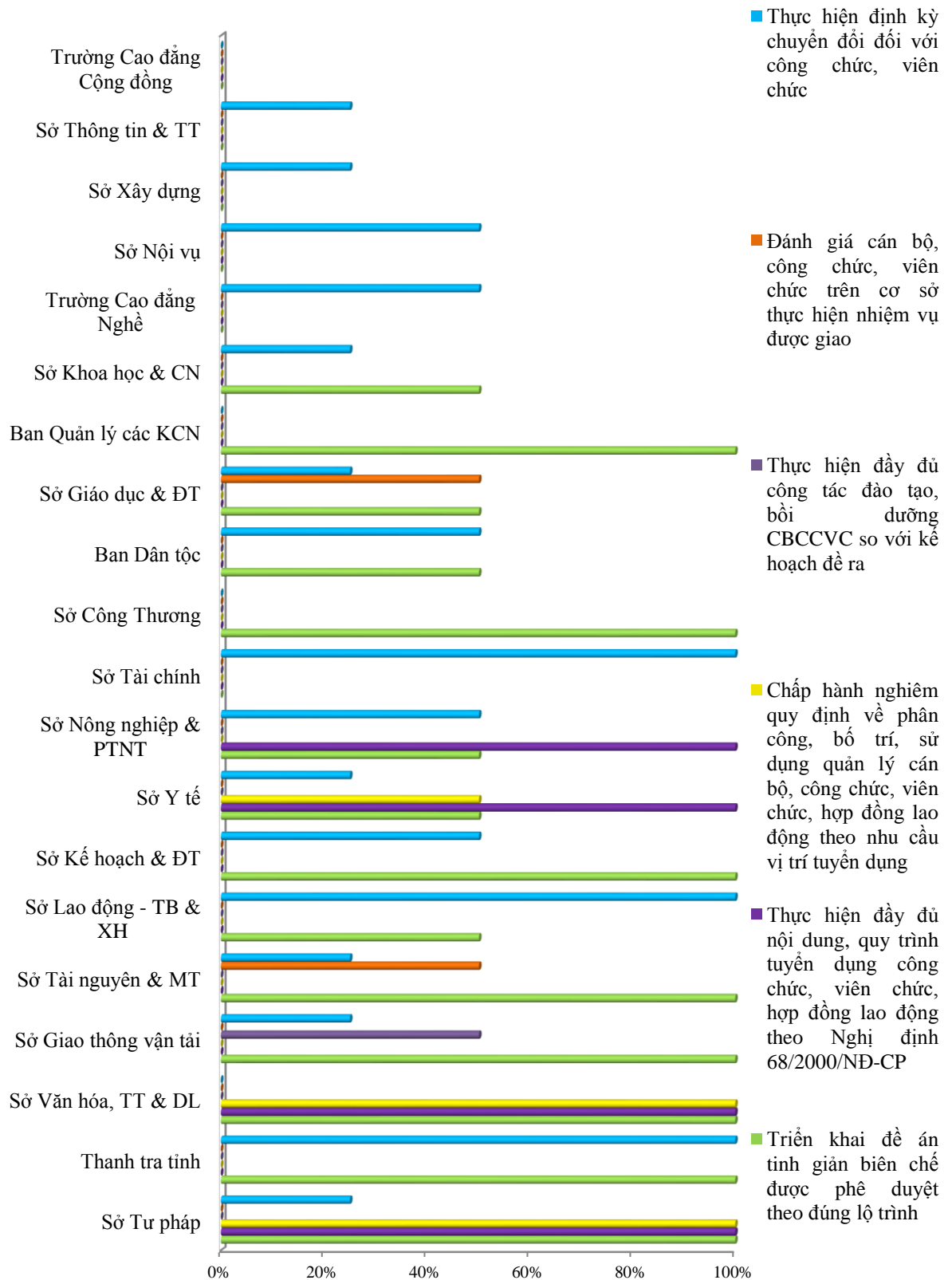
bồi dưỡng, chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và vị trí việc làm trong đơn vị nhưng tiến độ chưa kịp thời và kết quả mang lại chưa cao.

Nội dung đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động thì hầu như chưa có đơn vị nào đạt điểm tuyệt đối, cụ thể:

- Trong năm 2016 chỉ có 08/20 đơn vị hoàn thành 100% tiêu chí thành phần triển khai đề án tinh giản biên chế so với kế hoạch, 06/20 đơn vị hoàn thành 50%, 06/20 đơn vị thực hiện không đạt tỉ lệ tinh giản biên chế đề ra hoặc chưa triển khai xây dựng kế hoạch theo quy định. Đối với tiêu chí thực hiện đầy đủ nội dung, quy trình tuyển dụng công chức, viên chức thì chỉ có 04 đơn vị triển khai công tác này và hầu như đều thực hiện tốt 100%, duy chỉ có Sở Y tế là đạt 50% do trong công tác phân công sau tuyển dụng của đơn vị vẫn còn một vài trường hợp chưa đảm bảo.

- Điều đáng quan tâm trong Chỉ số thành phần này là hầu như các đơn vị tham gia chấm điểm đều ra về tay trắng về tiêu chí thành phần mức độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và tiêu chí thành phần về việc hoàn thiện các tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Trong năm qua, duy nhất chỉ có Sở Giao thông vận tải thực hiện đạt 50% số điểm tối đa về tiêu chí thành phần mức độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và chỉ có 02 đơn vị gồm Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện đạt 50% số điểm tối đa tại tiêu chí thành phần về việc hoàn thiện các tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- So với hai nội dung trên thì tỷ lệ điểm đạt được tại tiêu chí thành phần chuyển đổi vị trí công tác tại các sở ngành có sự cải thiện đáng kể. Có 03 đơn vị (Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh) đạt điểm tuyệt đối 100% do có ban hành cụ thể kế hoạch và thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. 05 đơn vị (Sở Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Dân tộc, Trường Cao đẳng Nghề) đạt 50% số điểm tối đa và 08 đơn vị (Sở Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông) do có ban hành kế hoạch thực hiện nhưng kế hoạch không chi tiết nên chỉ đạt 25% số điểm đạt được. Chỉ có 04 đơn vị không đạt điểm nào tại tiêu chí thành phần này (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương, Ban Quản lý các KCN, Trường Cao đẳng Cộng đồng).

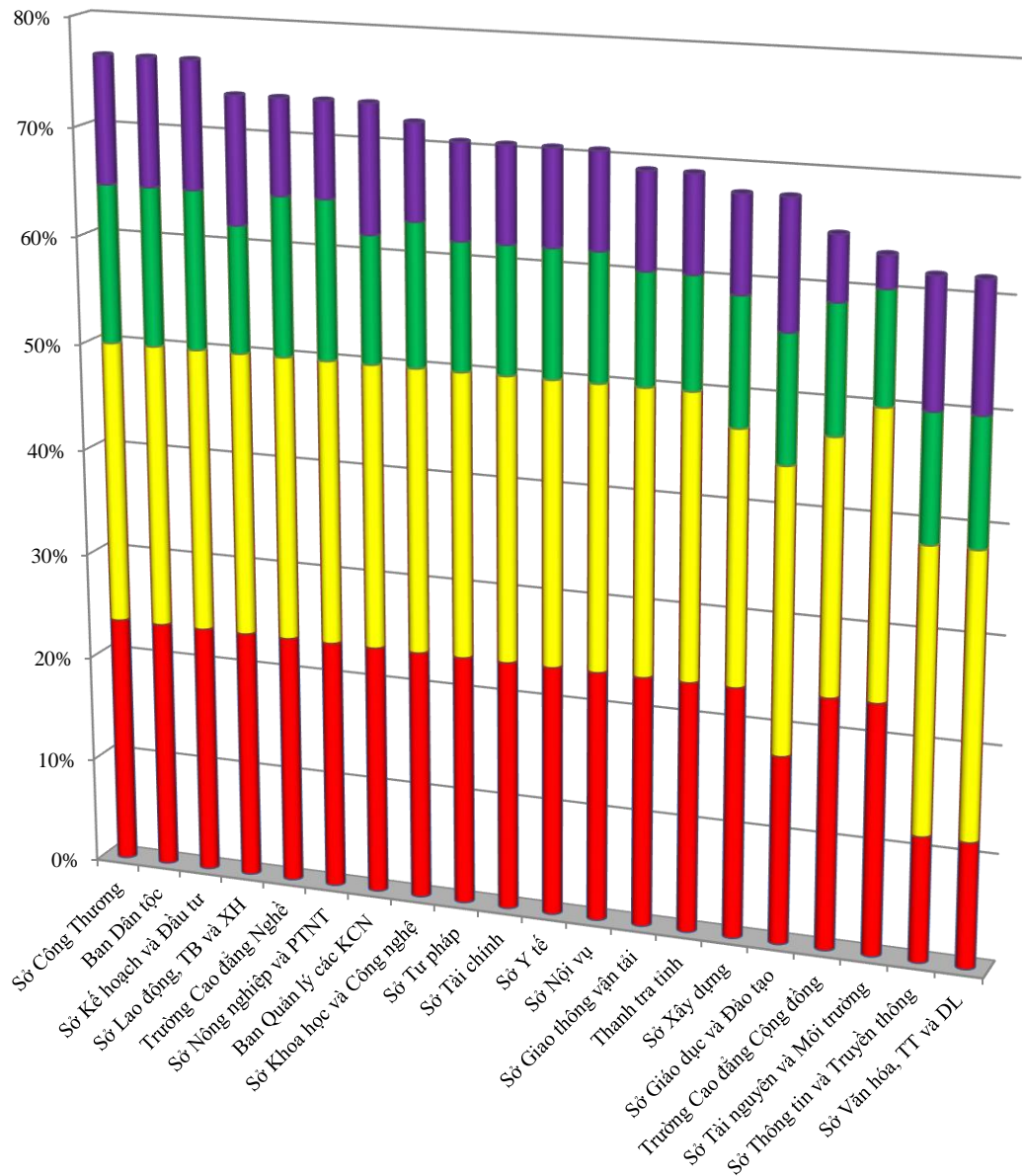


Theo kết quả khảo sát công chức, viên chức làm việc tại các đơn vị, hầu hết đều cho rằng đơn vị mình có triển khai thực hiện việc đánh giá công chức, viên chức dựa theo kết quả mức độ hoàn thành nhiệm vụ và quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với công chức, viên chức. Chỉ có 20% công chức, viên chức tại Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá đơn vị chưa thực hiện nội dung này.

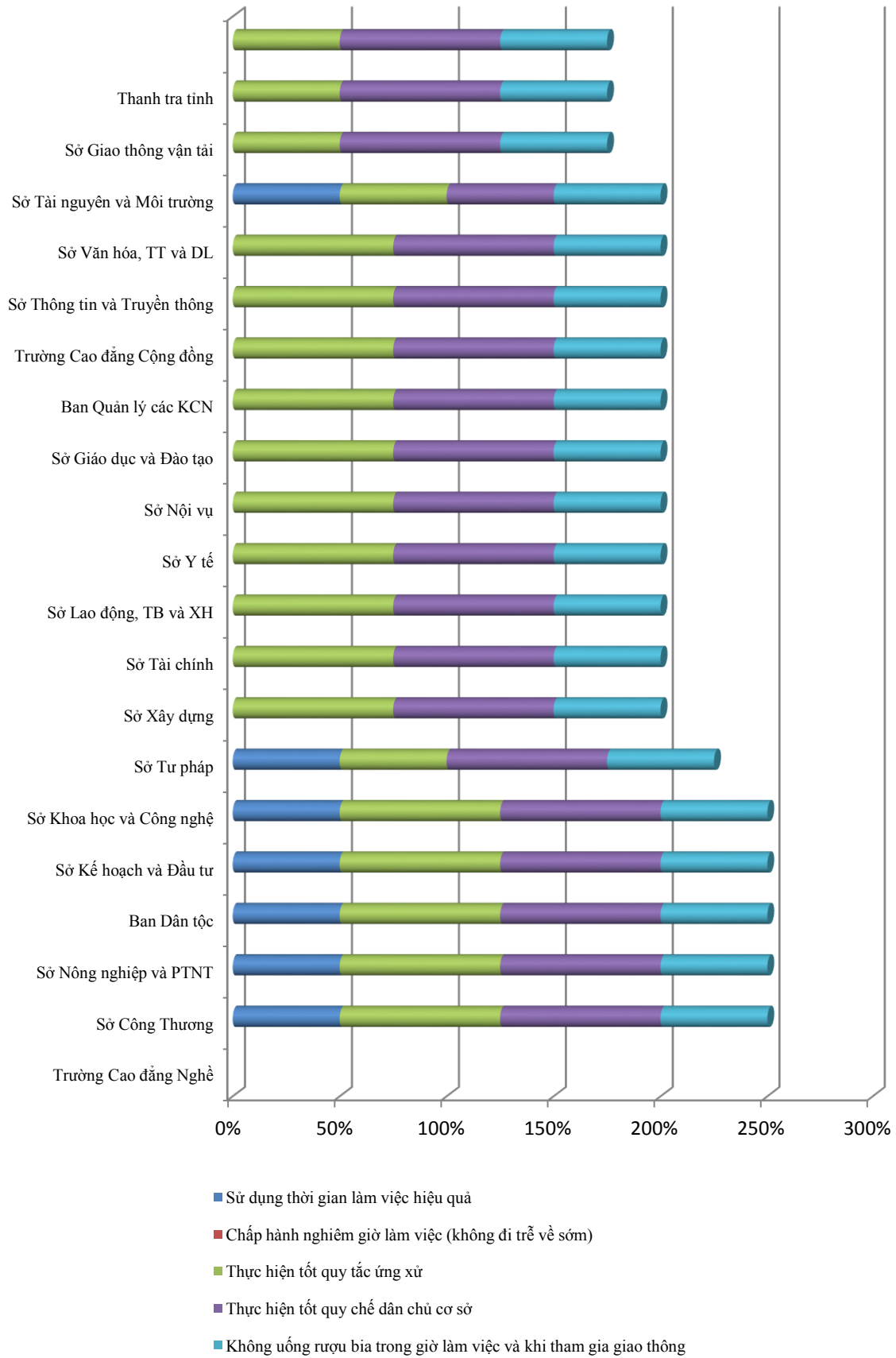
Về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức, đa số đại biểu HĐND tỉnh đều đánh giá công chức, viên chức tại các đơn vị có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm đối với công việc và thái độ phục vụ khá tốt.

Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của công chức, viên chức: Theo kết quả khảo sát, công chức, viên chức của tất cả các đơn vị đều có nói chuyện riêng trong giờ làm việc; đi trễ, về sớm so với thời gian quy định, đồng thời có trên 5% cá nhân, tổ chức, đại biểu HĐND tỉnh bắt gặp công chức, viên chức uống rượu bia trong giờ làm việc và khi tham gia giao thông.

Theo đánh giá của người dân và doanh nghiệp đã liên hệ giải quyết TTHC tại các đơn vị, có 08/20 đơn vị không xuất hiện tình trạng công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn trục lợi, bao gồm Ban Dân tộc, Ban Quản lý các khu công nghiệp, các Sở: Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động, Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các đơn vị còn lại đều có ý kiến cho rằng vẫn còn diễn ra tình trạng trên, cao nhất là Sở Tài nguyên và Môi trường (tỷ lệ 14%).

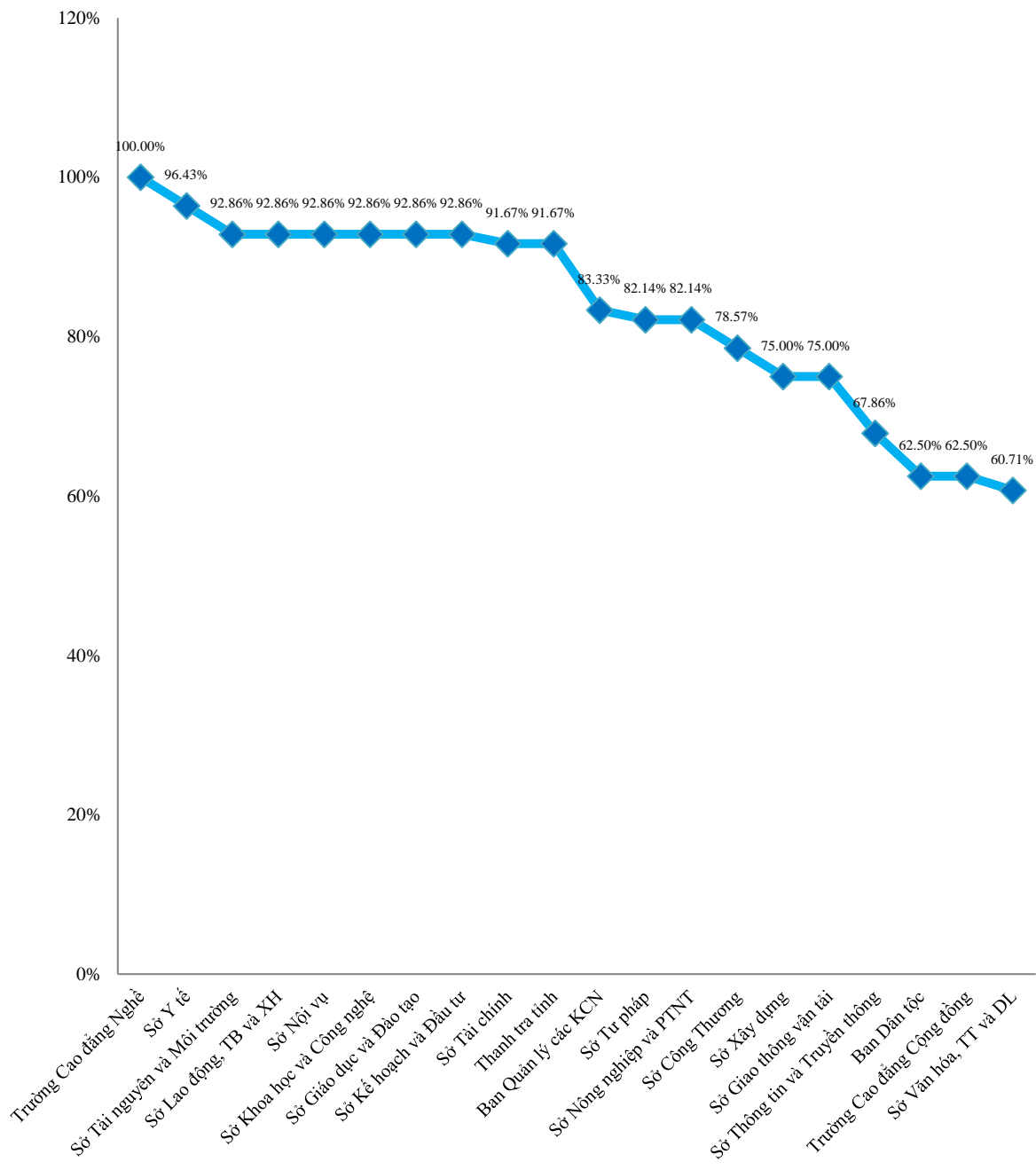


- Tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi
- Tình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVV
- Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức
- Đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động



2.6. Cải cách tài chính công

Đây là Chỉ số thành phần có giá trị trung bình cao nhất (83,40%). Có 6 đơn vị gồm Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Dân tộc, Trường Cao đẳng Cộng đồng, Trường Cao đẳng Nghề được hạ điểm chuẩn tại tiêu chí 6.5 do không có đơn vị trực thuộc.

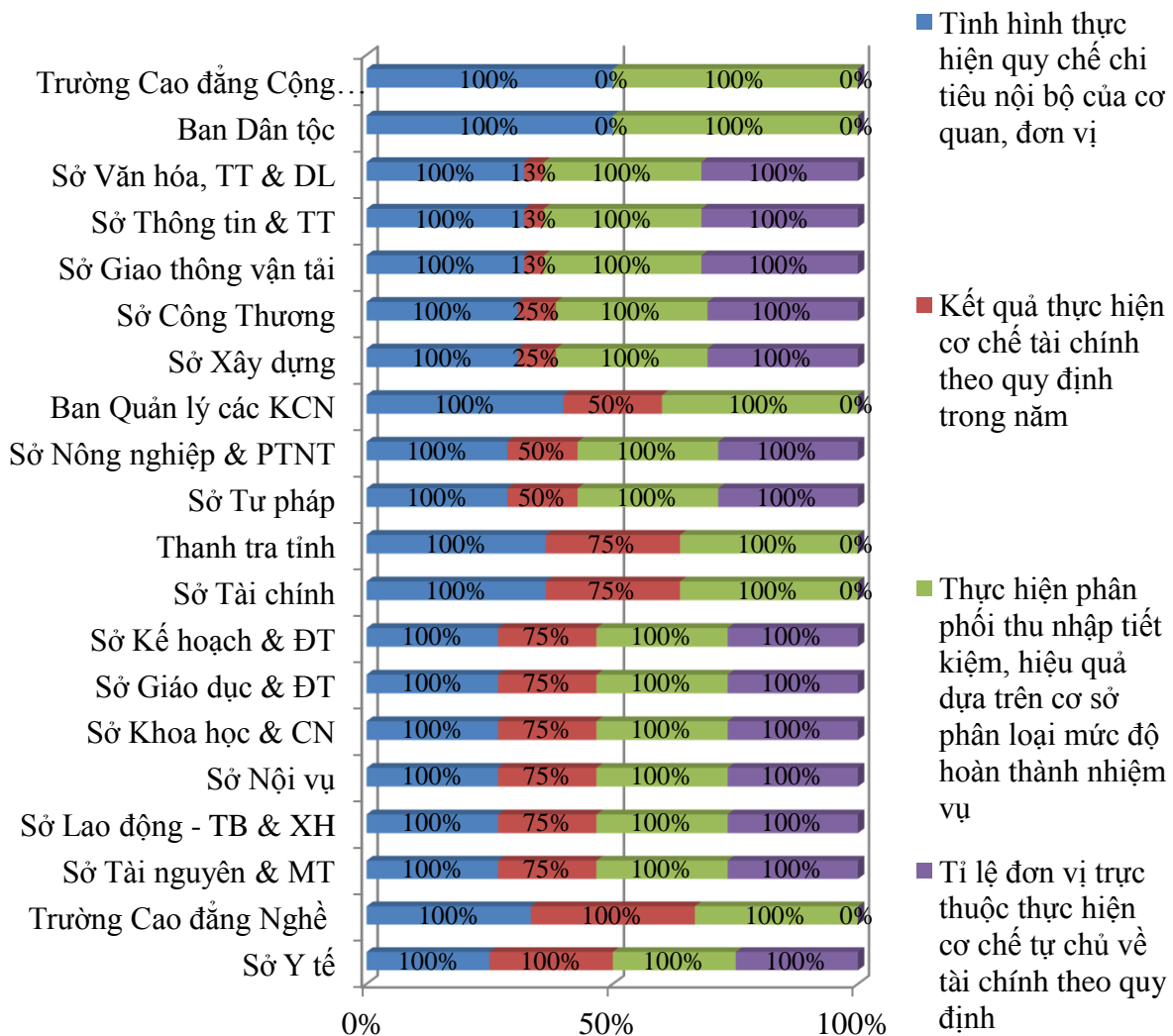


Ở Chỉ số này, ưu thế sẽ thuộc về các đơn vị có thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, có ban hành, rà soát quy chế chi tiêu nội bộ, thực hiện tăng thu nhập, nâng cao chất lượng cuộc sống của cán bộ, công chức, viên chức, có xây dựng cụ thể các tiêu chí để phân phối thu nhập đối với mức độ

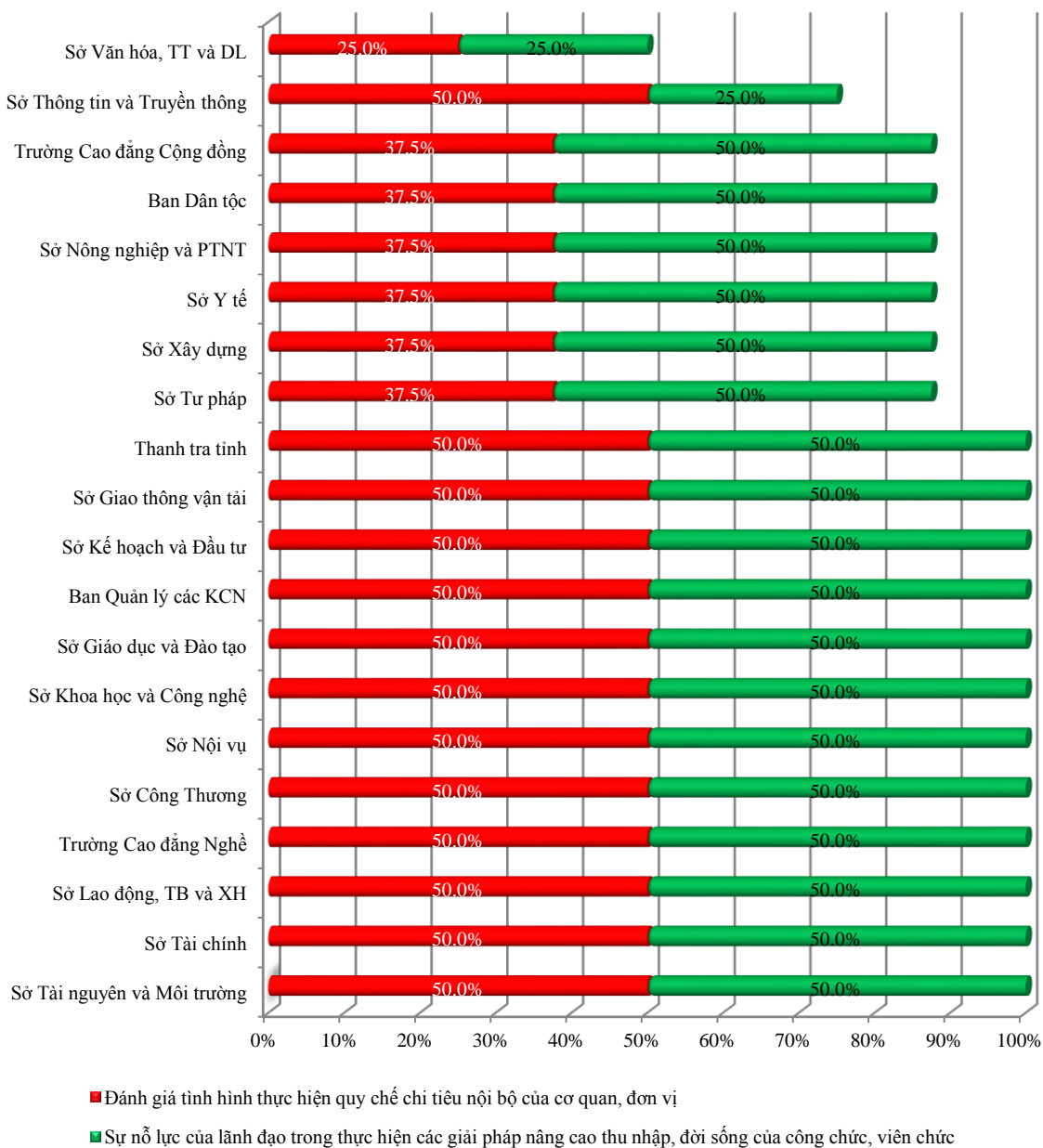
hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và đặc biệt là các đơn vị trực thuộc đã thực hiện có cơ chế tự chủ.

So với năm 2015, trong năm 2016, 100% sở ngành đều quan tâm thực hiện phân phối thu nhập tiết kiệm hiệu quả dựa trên cơ sở phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đảm bảo công bằng, hiệu quả tạo động lực để công chức, viên chức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao với mức độ cao nhất, không còn hiện tượng cào bằng. 14/14 sở ngành có đơn vị trực thuộc đều triển khai cơ chế tự chủ về tài chính cho chính các đơn vị trực thuộc này.

Nhờ triển khai nhiều giải pháp trong quản lý và sử dụng tài chính nên có đến 90% sở ngành đã tạo được nguồn thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức. Trong đó, có 02 đơn vị (Sở Y tế, Trường Cao đẳng Nghề) có mức tăng thu nhập cho công chức, viên chức vượt trội hơn những ngành khác. Đây là điều đáng được quan tâm, khích lệ để các đơn vị phát huy tốt hơn trong vai trò điều phối thu nhập, tự chủ về kinh phí hoạt động, tiết kiệm chi, nâng cao mức sống của công chức, viên chức.



Tình hình thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị và Sự nỗ lực của lãnh đạo trong thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống của công chức, viên chức được đánh giá thông qua kết quả điều tra xã hội học. Có 12/20 đơn vị được đánh giá đạt tỷ lệ tối đa 100%, 06/20 đơn vị xếp thứ 2 với tỷ lệ 87,5%, xếp thứ 3 là Sở Thông tin và Truyền thông với tỷ lệ 75%, còn lại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xếp thứ 4 với tỷ lệ 50%. Hầu hết công chức, viên chức được khảo sát cho rằng các đơn vị thực hiện khá tốt quy chế chi tiêu nội bộ, lãnh đạo các đơn vị có quan tâm, thực hiện giải pháp nâng cao thu nhập của CBCCVV. Chỉ có 20% công chức tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa đánh giá cao công tác này tại đơn vị.



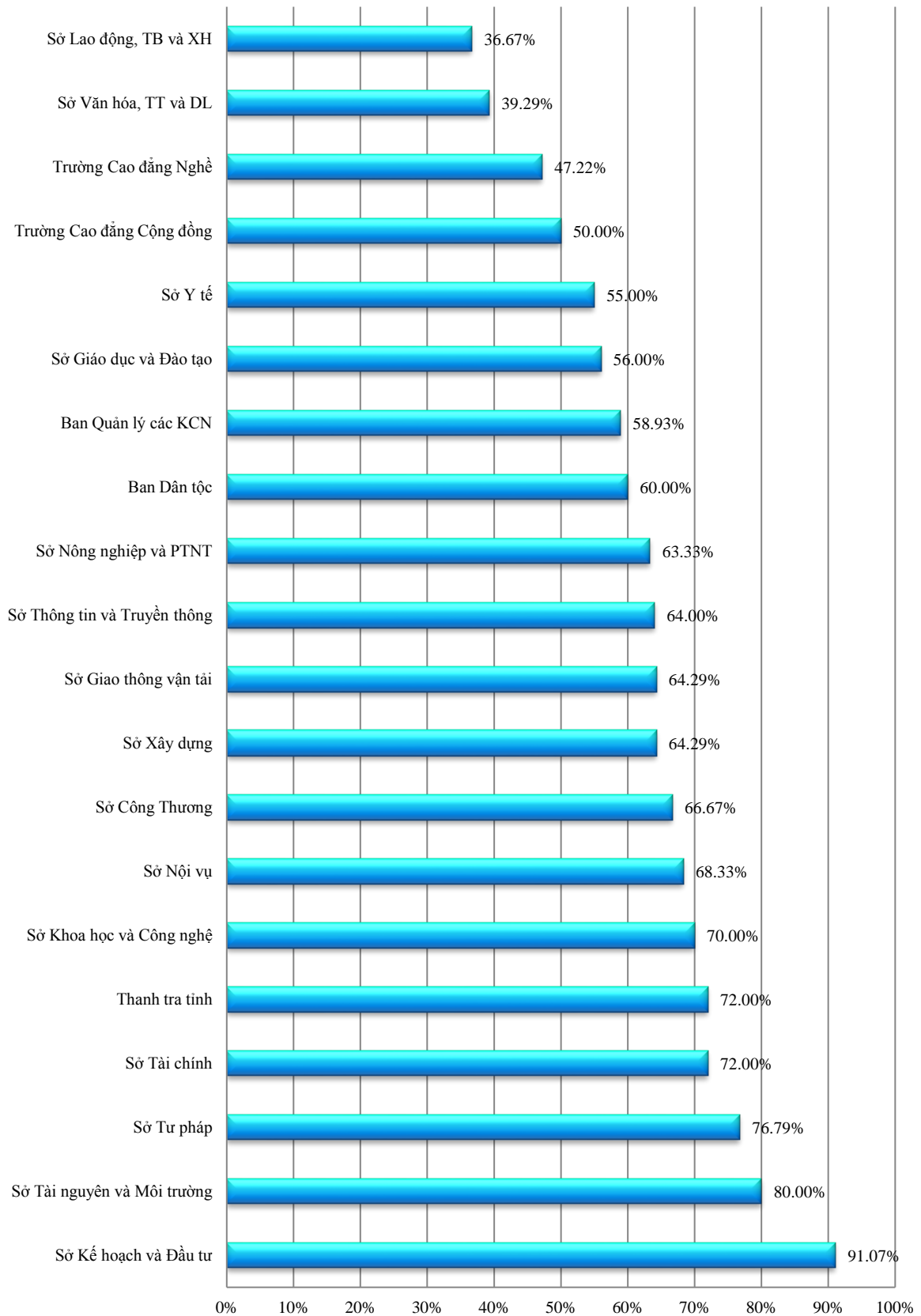
Trong năm 2016, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các sở, ban ngành tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, ngày 17/10/2005 và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP, ngày 07/10/2013 của Chính phủ; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ.

Năm 2016, toàn tỉnh có 37/37 cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện triển khai thực hiện chế độ tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ, trong đó có 27 đơn vị cấp tỉnh được thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ; 109/109 đơn vị hành chính cấp xã đã triển khai thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính theo Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ. Có 611/689 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, huyện đã được hướng dẫn tiếp tục triển khai cơ chế tự chủ về tài chính và lập phương án tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, đạt tỷ lệ 88,68%. Trong đó có 87/124 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh được giao quyền tự chủ giai đoạn 2016-2018; 40/40 đơn vị đã được thẩm định Quy chế chi tiêu nội bộ. Đồng thời, trên địa bàn tỉnh, có 01 đơn vị là Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ chuyển đổi cơ chế hoạt động được phê duyệt và có thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

2.7. Chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính

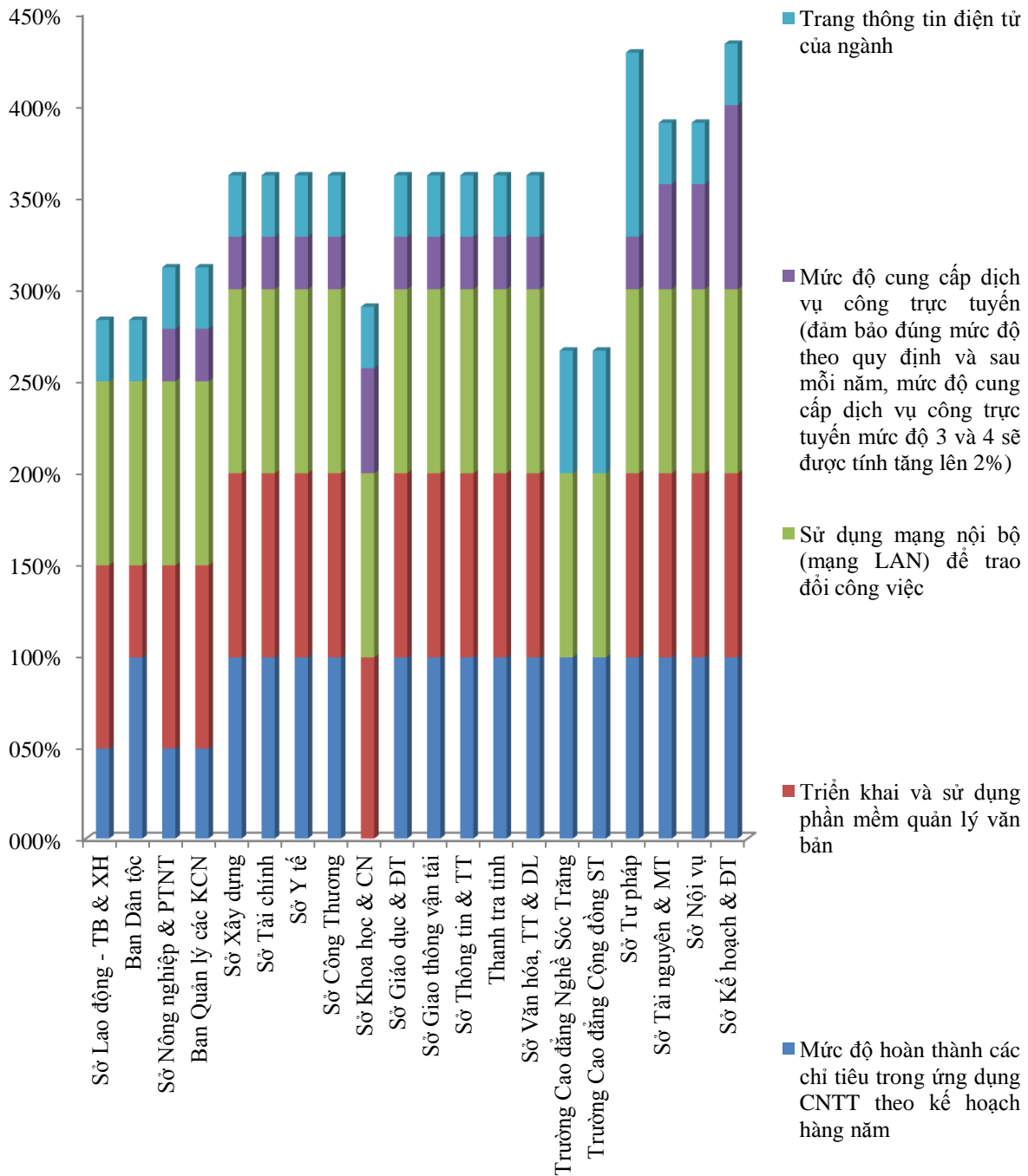
Chỉ số thành phần Hiện đại hóa nền hành chính năm 2016 được xác định dựa trên tiêu chí Ứng dụng CNTT. Hiện đại hóa nền hành chính là chỉ số thành phần tiếp tục giữ vị trí xếp hạng thứ 5 trong 8 lĩnh vực của bảng chỉ số 2016.

Số liệu tổng hợp cho thấy, mức độ hiện đại hóa hành chính tại Sở Kế hoạch và Đầu tư vượt trội hơn nhiều đơn vị, nhờ vậy số điểm đạt được của đơn vị tại tiêu chí này rất cao, xếp vị trí đầu tiên, kể đến là Sở Tài nguyên và Môi trường; về thứ ba là Sở Tư pháp. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội là đơn vị đứng cuối bảng.



Kết quả Chỉ số thành phần Hiện đại hóa nền hành chính

So với năm 2015, chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin tại các sở ngành có sự cải thiện rõ nét trong năm 2016. Số lượng đơn vị hoàn thành 100% nhiệm vụ đề ra về ứng dụng công nghệ thông tin cũng chiếm đa số (16/20 đơn vị). Rõ ràng nhất là số lượng thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tăng lên 116 thủ tục. 100% sở ngành, đơn vị sự nghiệp công lập đều trên khai mạng nội bộ. Các đơn vị đều có duy trì và khai thác Trang thông tin điện tử. Tuy nhiên, mức độ khai thác, duy trì chưa thường xuyên nên hiệu quả chưa cao.



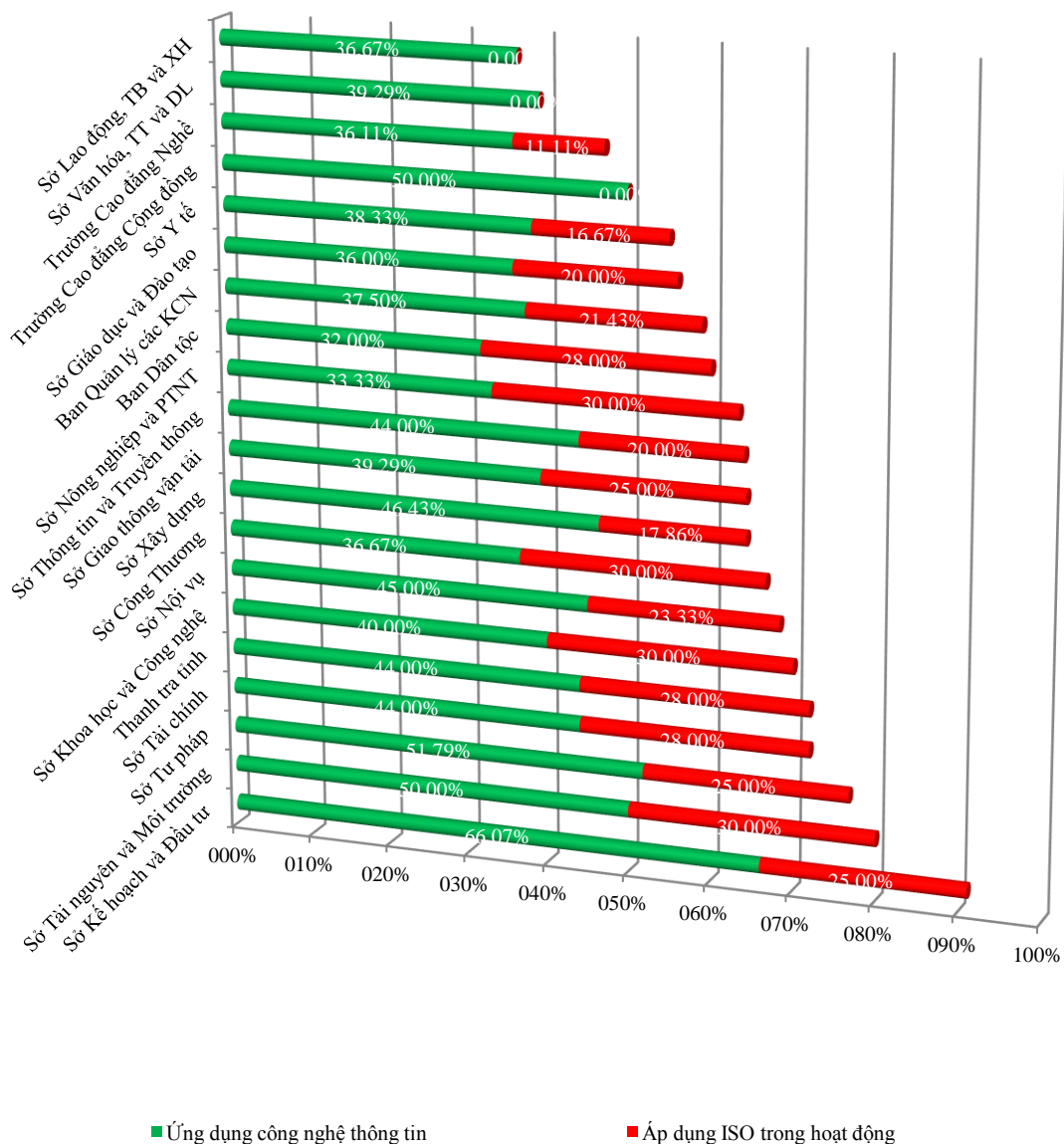
Thông tin từ biểu đồ cho thấy trong năm qua, chỉ có Sở Tư pháp đạt điểm tuyệt đối nội dung về Trang thông tin điện tử của ngành. Đạt được kết quả này là nhờ đơn vị có quan tâm công khai và cập nhật thông tin về số điện thoại, hộp thư điện tử của lãnh đạo đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc để công dân, tổ chức tiện liên hệ; xây dựng và duy trì thường xuyên chuyên mục hỏi - đáp, góp ý của công dân, tổ chức và hỗ trợ chức năng tìm kiếm thông tin, nội dung trên trang thông tin điện tử của Sở. Kế đến là 02 đơn vị Trường Cao đẳng Nghề và Trường Cao đẳng Công đồng Sóc Trăng, với tỷ lệ đạt được là 66,67%. Những đơn vị còn lại chỉ đạt 33,33% do chỉ thực hiện được một phần việc liên quan đến công khai và cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử về số điện thoại, hộp thư điện tử của lãnh đạo đơn vị, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc để công dân, tổ chức tiện liên hệ.

Hiện nay, hạ tầng CNTT của tỉnh cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động của các cơ quan nhà nước. Tỉnh đã trang bị hệ thống một cửa điện tử tại 28/29⁶ sở, ban ngành. Tỉnh cũng đã triển khai được hệ thống Hội nghị trực tuyến tại 13 điểm cầu và đã đăng tải toàn bộ nội dung, quy trình thực hiện 1.756/1.756 TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh ở mức độ 1,2, đạt tỷ lệ 100%; 30 TTHC (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Giao thông vận tải và Sở Tư pháp) ở mức độ 3 và 54 TTHC ở mức độ 4 (Sở Kế hoạch và Đầu tư), đạt tỷ lệ 4,78%.

Tính đến nay, 29/29 sở, ban ngành đều có hệ thống mạng nội bộ (LAN) và 100% máy tính được kết nối internet; 22/29 đơn vị triển khai phần mềm quản lý văn bản, đạt tỷ lệ 75,86%; 95% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng thư điện tử của tỉnh để trao đổi công việc.

Trong năm 2016, tỉnh đã xây dựng và đưa vào áp dụng phần mềm kiểm tra và tổng hợp biên bản kiểm phiếu phục vụ công tác Bầu cử ĐBQH khóa XIV và Đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, đồng thời, tỉnh còn dự thảo Kế hoạch phối hợp giữa Hội Nông dân tỉnh Sóc Trăng với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng nhằm đưa công nghệ thông tin vào phục vụ nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

⁶ Còn lại Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.



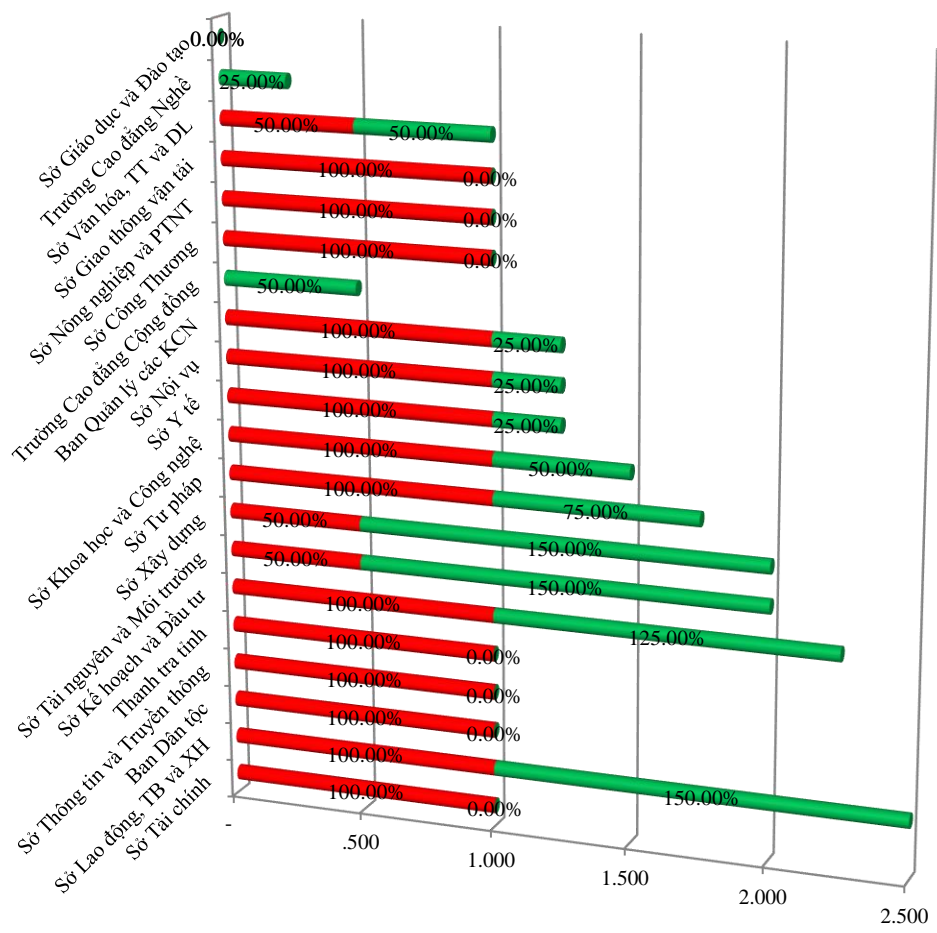
Việc xác định tự chấm Chỉ số hiện đại hóa nền hành chính không chỉ thông qua đánh giá tình hình “*ứng dụng công nghệ thông tin*” mà còn bao gồm nội dung đánh giá đối với kết quả “*áp dụng ISO trong hoạt động*”, bao gồm việc công bố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động, thực hiện thực hiện duy trì, cải tiến hiệu quả hoạt động của hệ thống và tỷ lệ cơ quan trực thuộc công bố hệ thống quản lý phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Kết quả chấm điểm cho thấy có 10 đơn vị đạt điểm tối đa ở tiêu chí áp dụng hệ thống ISO trong hoạt động (giảm 02 đơn vị so với năm 2015). Đây là yếu tố góp phần đáng kể trong việc cải thiện điểm số, vị trí xếp hạng của các đơn vị. Bên cạnh đó cũng còn 03 đơn vị là Sở Lao động, Thương binh và Xã

hội, Trường Cao đẳng Cộng đồng và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có số điểm đạt được rất thấp, rơi vào nhóm kém do chưa cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động áp dụng và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Như vậy, trong năm qua chưa có đơn vị nào đạt tỉ lệ tuyệt đối về điểm tự chấm tại Chỉ số thành phần này. Do đó, các đơn vị cần quan tâm cải thiện, nâng cao mức hiện đại hóa công sở để công tác quản lý hành chính của các đơn vị ngày càng được chuyên môn hóa, đảm bảo tính chuyên nghiệp và hiện đại.

Hiện nay, toàn tỉnh có 43/43⁷ cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện đã áp dụng và công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008, đạt tỷ lệ 100%. Triển khai áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động tại 66 UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 16/6/2016, nâng tổng số đơn vị cấp xã áp dụng Hệ thống QLCL vào hoạt động là 77 đơn vị.



■ Tình hình sử dụng thư điện tử thuộc hệ thống thư điện tử do UBND tỉnh cung cấp trong trao đổi công việc
 ■ Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử

⁷ 18 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, 11 huyện, thị xã, thành phố và 14 đơn vị trực thuộc các sở, ban ngành tỉnh.

Việc sử dụng hộp thư điện tử và chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử được đánh giá qua kết quả điều tra, khảo sát. Đa số công chức, viên chức được khảo sát tại các sở ngành đều sử dụng hộp thư điện tử của UBND tỉnh cung cấp; Chỉ có 04 đơn vị chưa thực hiện đầy đủ là Sở Giáo dục và Đào tạo (40%), Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng (đồng tỷ lệ 20%).

Nội dung đánh giá “*Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử*” của các đơn vị chỉ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến của doanh nghiệp. Tuy nhiên, do đặc thù một số đơn vị⁸ không có doanh nghiệp liên hệ giải quyết TTHC nên nội dung này sẽ được hạ điểm chuẩn. Đối với 02 đơn vị trường cao đẳng, chỉ khảo sát ý kiến sinh viên đang học tại trường 02 nội dung là tính đầy đủ, chính xác của thông tin và mức độ thuận tiện trong truy cập, tìm kiếm thông tin trên Trang thông tin điện tử của các Trường. Kết quả khảo sát có 04/13 đơn vị⁹ được đánh giá thường xuyên cập nhật thông tin một cách đầy đủ, chính xác lên Trang thông tin điện tử; các đơn vị còn lại cần quan tâm thực hiện tốt hơn nội dung này.

2.8. Chỉ số thành phần thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

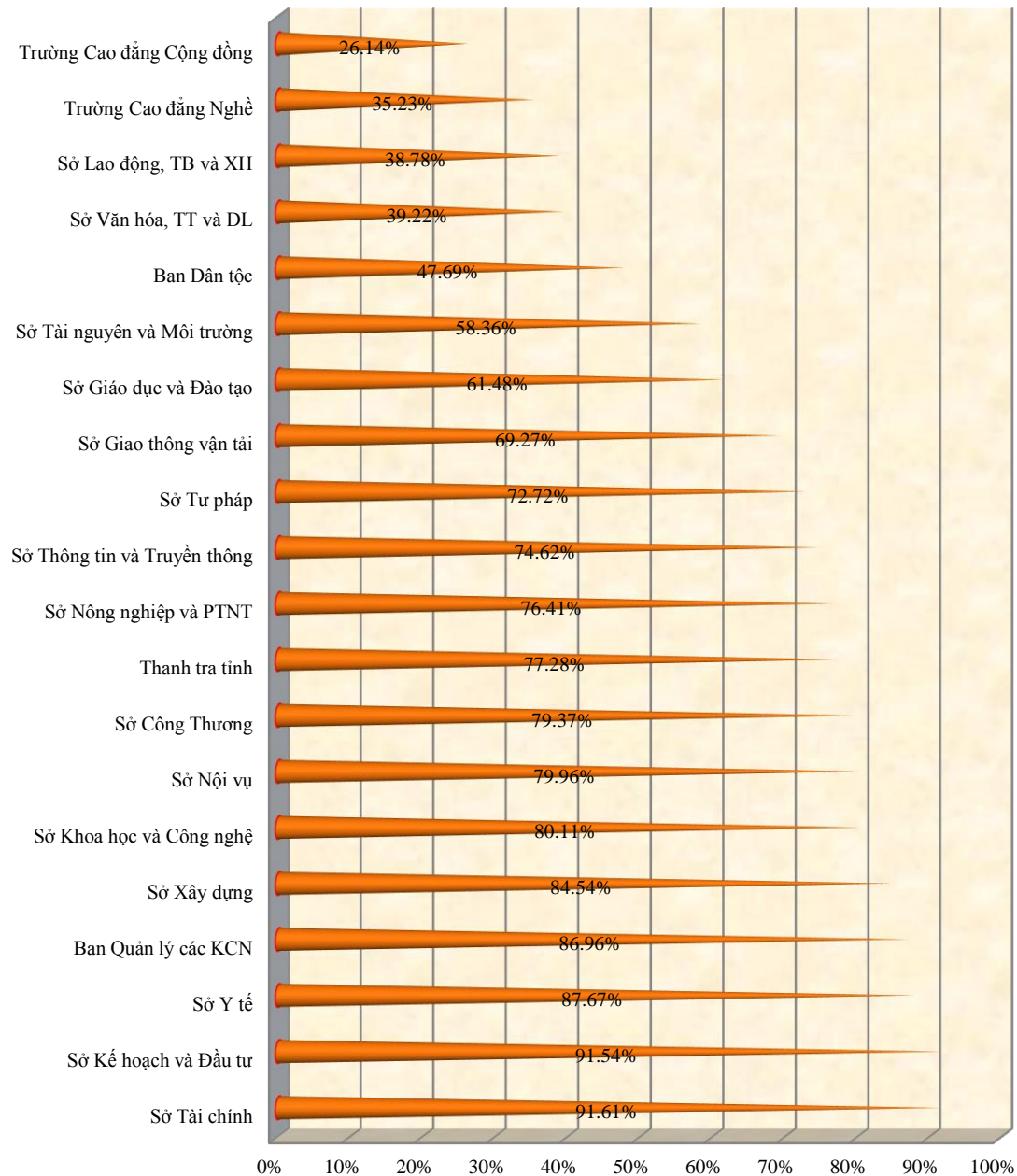
Chỉ số thành phần thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông được đánh giá tại 11 tiêu chí, gồm:

- Đánh giá qua kết quả tự chấm: việc cơ quan có thành lập hoặc kiện toàn và ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, số lượng thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, điều kiện cơ sở vật chất và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; có thực hiện và thường xuyên cải tiến phương pháp thu thập ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với kết quả thực hiện dịch vụ hành chính công; tình hình phân công, sử dụng công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định; trình độ công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; 100% đơn vị trực thuộc có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt yêu cầu; thực hiện đúng và đầy đủ chế độ phụ cấp đối với công chức bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

- Đánh giá qua kết quả điều tra xã hội học: Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả; Có văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ trễ hạn.

⁸ Bao gồm 05 đơn vị: Ban Dân tộc, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh.

⁹ Bao gồm các Sở: Xây dựng, Tư Pháp, Tài nguyên và Môi trường, Lao động, Thương binh và Xã hội.



Kết quả Chỉ số thành phần thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

Với những tiêu chí đề ra thì trong năm 2016 chưa có đơn vị nào đạt điểm với tỉ lệ % lý tưởng (100%) về Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Do phần lớn các đơn vị chưa quan tâm triển khai việc xây dựng quy chế phối hợp trong thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp trong việc liên hệ giải quyết TTHC; các cấp, các ngành đã không ngừng nâng cấp, kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo hướng ngày càng khang trang, hiện đại, đảm bảo đủ diện tích làm việc và trang thiết bị phục vụ tốt hoạt động tiếp nhận và trả kết quả. Những vấn đề này ngày càng có vị trí quan trọng trong việc nâng cao mức độ hài lòng của người dân đối với các ngành về chất lượng cung cấp dịch vụ hành chính công.

Theo tài liệu báo cáo cho thấy, có 18/20 đơn vị đã thành lập và 14/20 đơn vị có xây dựng, rà soát quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết hồ sơ hành chính và đã đạt điểm tuyệt đối tại hai tiêu chí thành phần này. 02 đơn vị gồm Trường Cao đẳng Nghề và Trường Cao đẳng Cộng đồng Sóc Trăng không ghi được điểm. Do đơn vị chưa quan tâm triển khai bố trí bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.

Kết quả trên cũng chỉ rõ, số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban ngành tỉnh được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn thấp so với số TTHC thực hiện theo quy định (1.338 TTHC). Chỉ có 12 đơn vị đạt tỉ lệ tối đa số điểm tự chấm về số lượng TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Một số đơn vị vẫn diễn ra tình trạng TTHC được tiếp nhận và trả kết quả tại các phòng chuyên môn như Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

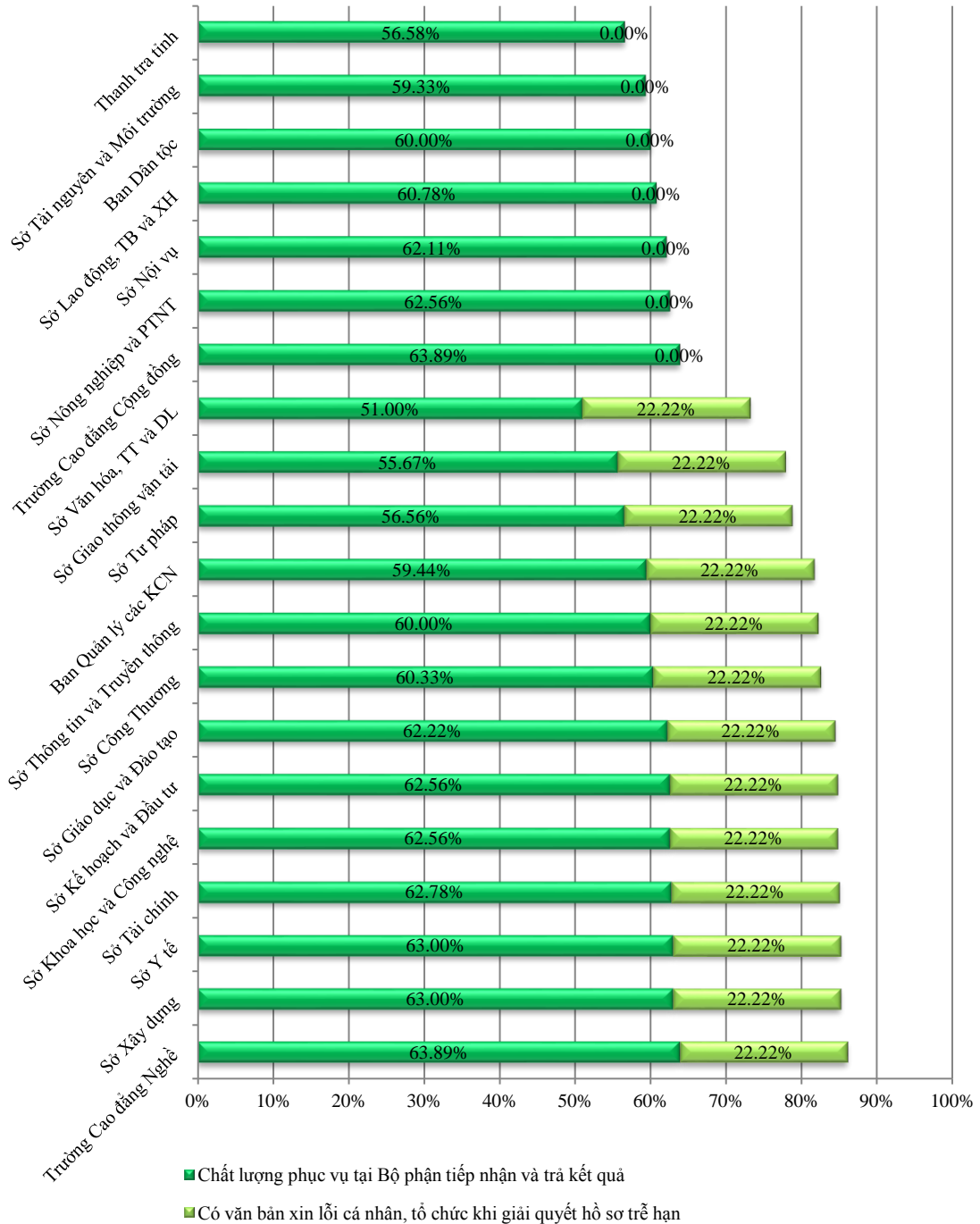
Điều kiện cơ sở vật chất của các đơn vị hầu như dừng lại ở mức cơ bản, thậm chí một số đơn vị chưa đạt yêu cầu và chưa có sở ngành nào đầu tư được trang thiết bị hiện đại tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

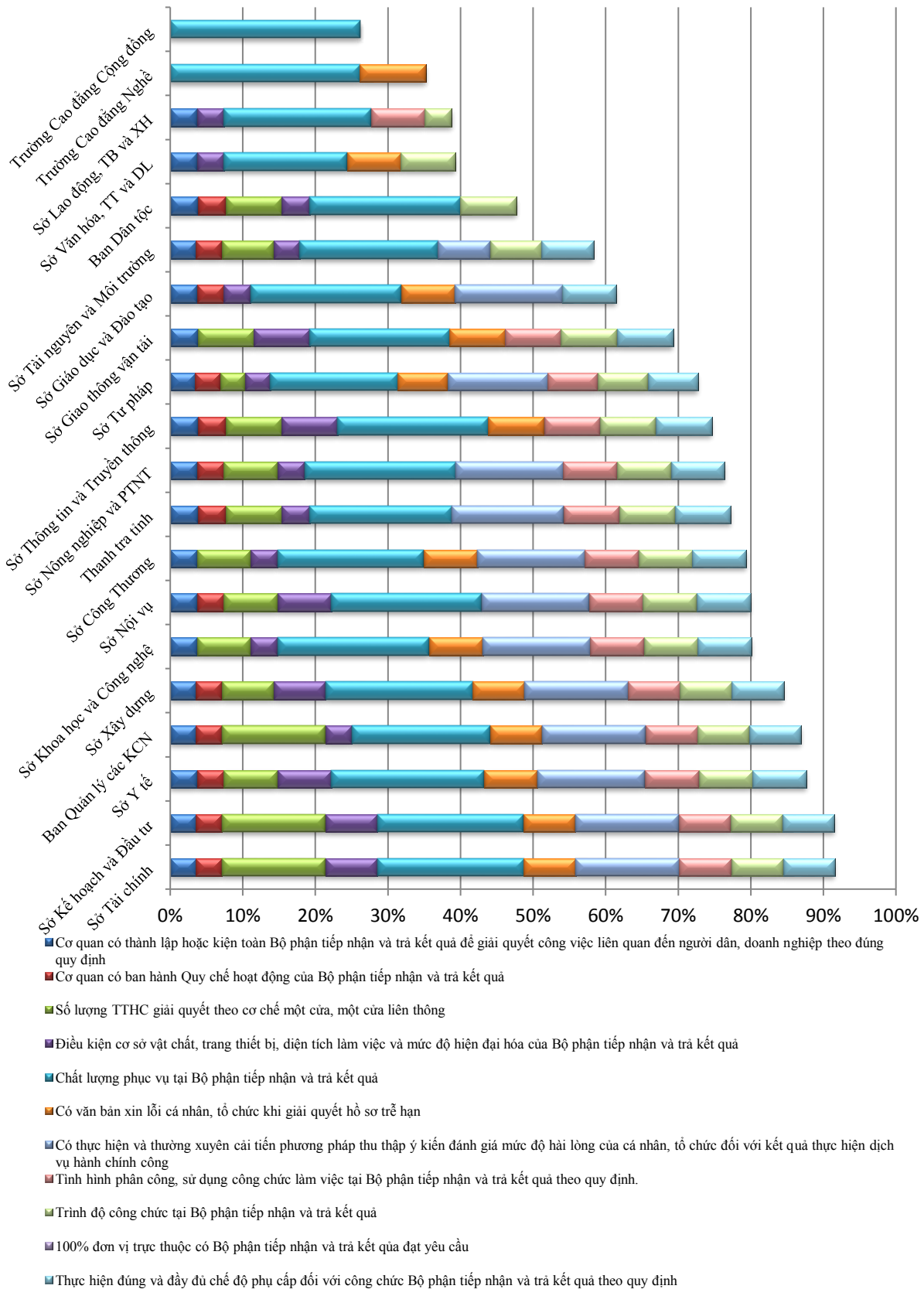
Nhiều đơn vị đã quan tâm bố trí công chức đủ trình độ, phẩm chất đạo đức để làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị. Đây là lý do, giúp cho 17/18 đơn vị có bố trí Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả ghi điểm tuyệt đối tại tiêu chí này, chỉ trừ Sở Lao động – Thương binh và Xã hội. Theo đó, chất lượng phục vụ của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các đơn vị nhờ vậy cũng được cải thiện một bước. Biểu hiện rõ nét nhất là qua khảo sát của 13 đơn vị thì đã có gần như tuyệt đối các ý kiến phản hồi đều đánh giá tốt và hài lòng. Chỉ có một vài ý kiến nhận xét liên quan đến Sở Tài nguyên và Môi trường là cần khắc phục.

Đối với việc yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ khi đã tiếp nhận, chỉ có 02 đơn vị Trường Cao đẳng cộng đồng và Cao đẳng Nghề thực hiện đúng quy định; 18/20 đơn vị còn lại đều có yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hoàn thiện hồ sơ từ 02 lần trở lên, trong đó khi đến liên hệ giải quyết TTHC tại các Sở: Công thương, Giao thông vận tải, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh, 4% người dân và doanh nghiệp cho rằng họ phải bổ sung hồ sơ từ 3 lần trở lên.

Đối với tiêu chí “*Có văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ trễ hạn*”, do trong năm 2016, Sở Nội vụ không nhận được bất kỳ văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức nào của các đơn vị phát hành, nên tiêu chí này chỉ được tính điểm đối với các đơn vị được người dân và doanh nghiệp đánh giá là không có giải quyết TTHC trễ hạn (theo kết quả khảo sát tại tiêu chí “*Đánh giá của tổ chức, cá nhân về thời gian giải quyết thủ tục hành chính của sở, ban ngành và đơn vị trực thuộc*”). Do đó, ở tiêu chí này có 13/20 đơn vị được ghi nhận điểm số, các đơn vị còn lại có giải quyết TTHC trễ hạn bao gồm các Sở: Lao động, Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra tỉnh và Trường Cao đẳng Cộng đồng.

Trong năm qua chỉ có 13/18 đơn vị quan tâm chi đầy đủ phụ cấp cho công chức phụ trách nhằm đảm bảo quyền lợi cho đội ngũ này theo quy định đồng thời động viên, khuyến khích tinh thần làm việc của họ. Việc phân công sử dụng công chức phụ trách cũng còn nhiều vấn đề cần nghiên cứu lại vì vẫn còn 04/18 đơn vị chưa kiện toàn, bố trí lại nhân sự theo quy định tại quyết định số 09/2015/QĐ-TTg. Tức là vẫn còn hiện tượng sử dụng, phân công hợp đồng lao động và biên chế của phòng chuyên môn phụ trách tiếp nhận và trả kết quả.





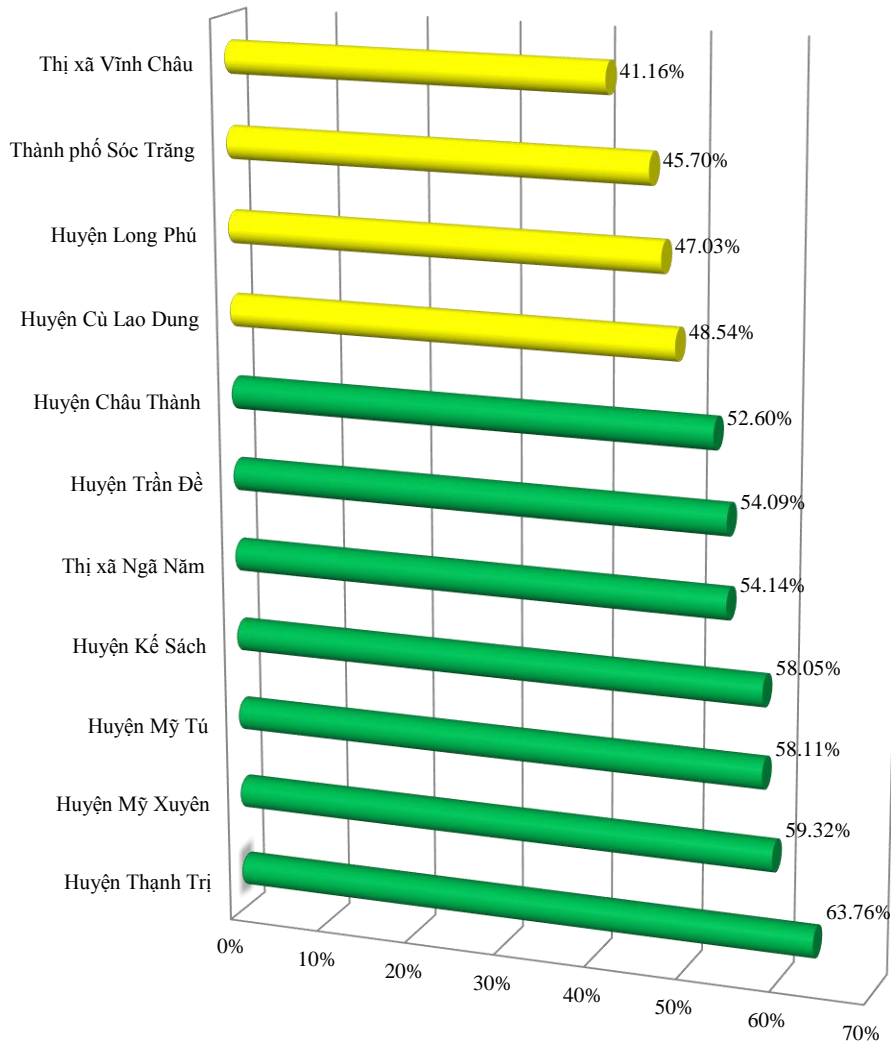
II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016 CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

1. Chỉ số tổng hợp PAR INDEX

STT	Đơn vị	Điểm tối đa	Kết quả điểm cải cách hành chính					Chỉ số CCHC
			Điểm tự chấm	Điểm điều tra XHH	Điểm thưởng	Điểm trừ	Tổng điểm	
1	Huyện Thanh Trì	98	38,25	26,74	3,00	5,50	62,49	63,76%
2	Huyện Mỹ Xuyên	100	37,13	26,19	2,00	6,00	59,32	59,32%
3	Huyện Mỹ Tú	98	36,50	24,95	2,00	6,50	56,95	58,11%
4	Huyện Kế Sách	98	36,50	25,71	3,00	8,33	56,89	58,05%
5	Thị xã Ngã Năm	100	38,00	23,64	1,00	8,50	54,14	54,14%
6	Huyện Trần Đề	100	36,88	24,22	2,00	9,00	54,09	54,09%
7	Huyện Châu Thành	98	31,50	25,05	2,00	7,00	51,55	52,60%
8	Huyện Cù Lao Dung	98	34,38	22,35	1,00	10,16	47,57	48,54%
9	Huyện Long Phú	100	35,13	22,45	2,00	12,54	47,03	47,03%
10	Thành phố Sóc Trăng	100	31,25	24,58	3,00	13,13	45,70	45,70%
11	Thị xã Vĩnh Châu	100	29,25	20,79	2,00	10,89	41,16	41,16%
	Giá trị trung bình							52,95%

Giá trị trung bình PAR INDEX 2016 của cấp huyện đạt được là 52,95% (giảm 9,39% so với năm 2015). Bảng xếp hạng điểm tự chấm năm 2016 có sự thay đổi đáng kể. Dẫn đầu danh sách là huyện Thanh Trì với kết quả đạt được là 63,76%, tăng 5 bậc so với năm 2015. Đây là kết quả hoàn toàn xứng đáng, vì năm 2016, huyện Thanh Trì là đơn vị thực hiện tốt công tác phối hợp chấm điểm, nghiêm túc khắc phục những điểm hạn chế trong công tác chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2015, đồng thời, quan tâm thực hiện chế độ thông tin, báo cáo đúng thời gian quy định. Mỹ Xuyên tiếp tục duy trì ở vị trí thứ 2. Thành tích của thị xã Ngã Năm cũng là một trong những điểm thú vị của năm nay khi mà trong 02 năm 2014 và 2015, đơn vị luôn đứng ở vị trí cuối bảng, sự thay đổi vượt bậc này cho thấy sự nỗ lực của đơn vị là rất lớn, nhất là trong công tác chỉ đạo, điều hành công tác CCHC. Trong khi các đơn vị trên cùng nhau vươn lên các thứ hạng mới cao hơn, thì các Long Phú, Cù Lao Dung, thị xã Vĩnh

Châu, thành phố Sóc Trăng lại không thể bảo vệ vị trí đã đạt được trong năm 2015 và cũng là 04 đơn vị xếp loại kém trong năm 2016. Nhất là huyện Long Phú, từ vị trí dẫn đầu, kết quả năm 2016 đã lùi sâu xuống hạng 8, việc không bám sát các tiêu chí chấm điểm, văn bản hướng dẫn của Sở Nội vụ, không cung cấp đầy đủ tài liệu kiểm chứng là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc giảm mạnh vị trí năm nay, Long Phú cũng là đơn vị có báo cáo chấm điểm gửi về chậm nhất so với thời gian quy định.



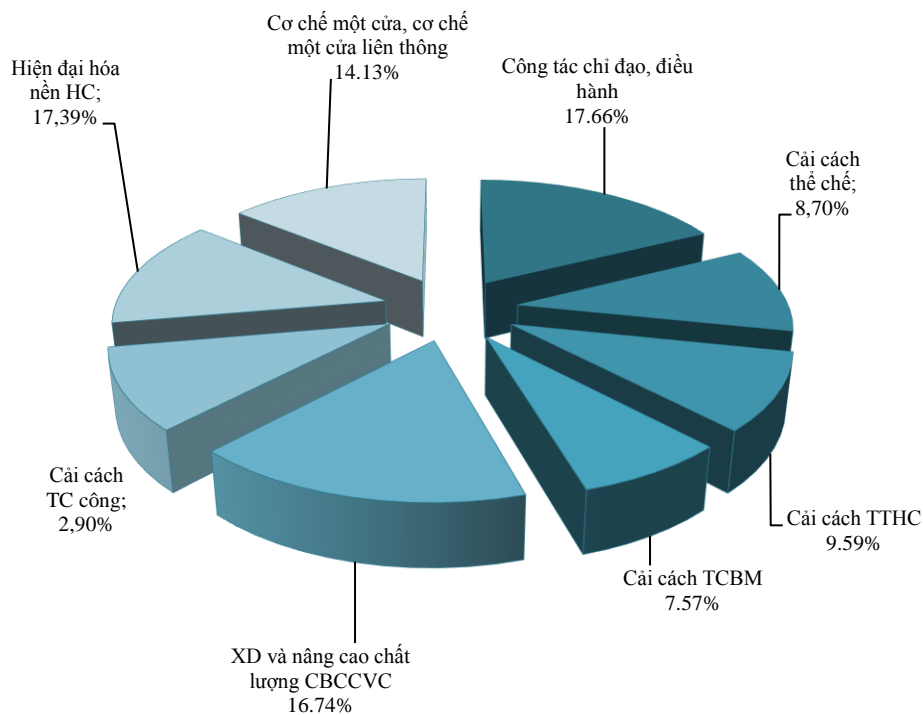
Kết quả Chỉ số CCHC của UBND cấp huyện năm 2016

Năm 2016 là năm đầu tiên áp dụng chấm điểm theo Bộ Chỉ số CCHC ban hành kèm theo Quyết định 481/QĐ-UBND ngày 04/3/2016 của UBND tỉnh, mặc dù Sở Nội vụ đã kịp thời có Công văn hướng dẫn¹⁰ chi tiết nội dung tự đánh giá, chấm điểm, tuy nhiên do Bộ Chỉ số CCHC năm 2016 có nhiều tiêu chí, tiêu

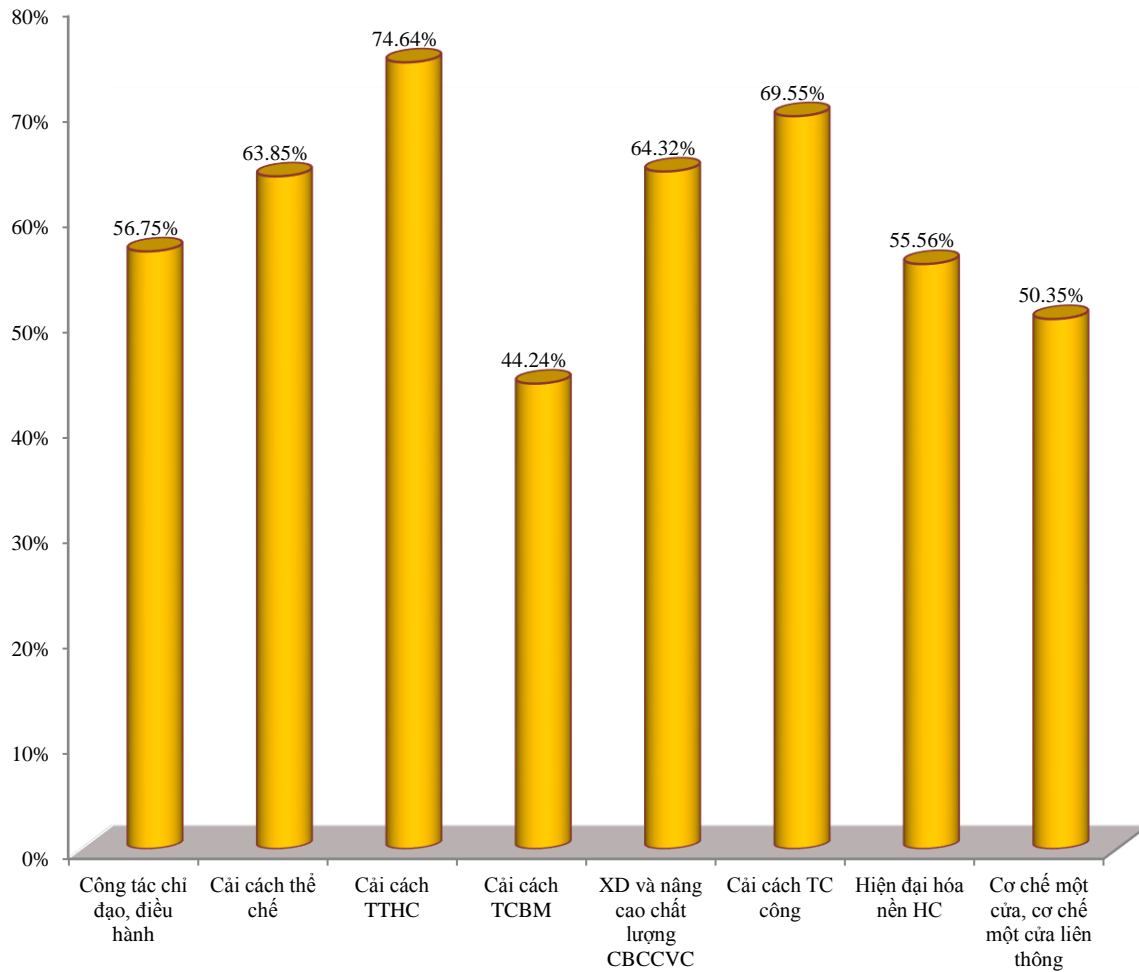
¹⁰ Công văn số 2490/SNV-CCHC, ngày 25/11/2016.

chỉ thành phần mới so với các năm trước, đồng thời, một số đơn vị chưa nghiên cứu đầy đủ nội dung văn bản hướng dẫn, do đó, kết quả chấm điểm có sự sụt giảm rõ nét. Cụ thể, nếu như năm 2015 có 05 đơn vị được xếp loại khá thì trong năm 2016, không đơn vị nào có tên trong nhóm này. Kết quả năm 2016 có đến 04 đơn vị xếp loại xếp loại kém (tăng 03 đơn vị so với năm 2015).

Cấu trúc điểm Chỉ số CCHC năm 2016 của UBND cấp huyện được phân bổ như sau:

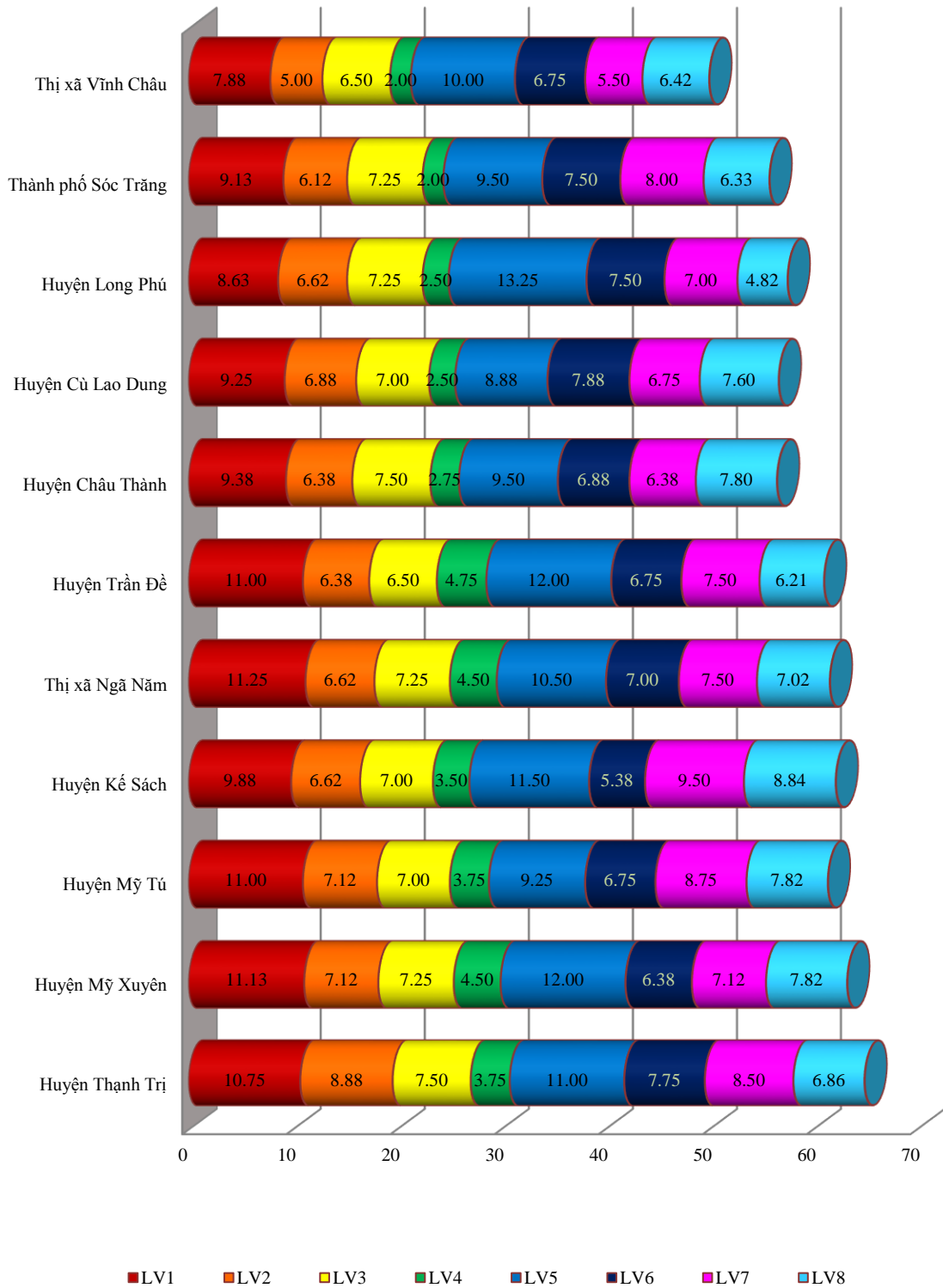


Cấu trúc điểm Chỉ số CCHC năm 2016 của UBND cấp huyện



Giá trị trung bình 08 lĩnh vực năm 2016

Giá trị trung bình điểm tự chấm năm 2016 đạt kết quả cao nhất thuộc về tiêu chí Cải cách TTHC với tỷ lệ 74,64%, tuy nhiên kết quả này giảm so với năm 2015. Tiêu chí Cải cách Tài chính công có giá trị trung bình cao thứ 2. Vị trí thứ 3 thuộc về tiêu chí Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC. Tiêu chí Cải cách tổ chức bộ máy tiếp tục xếp cuối bảng với tỷ lệ dưới 50%.



Biểu đồ xếp hạng kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 của UBND cấp huyện theo từng lĩnh vực



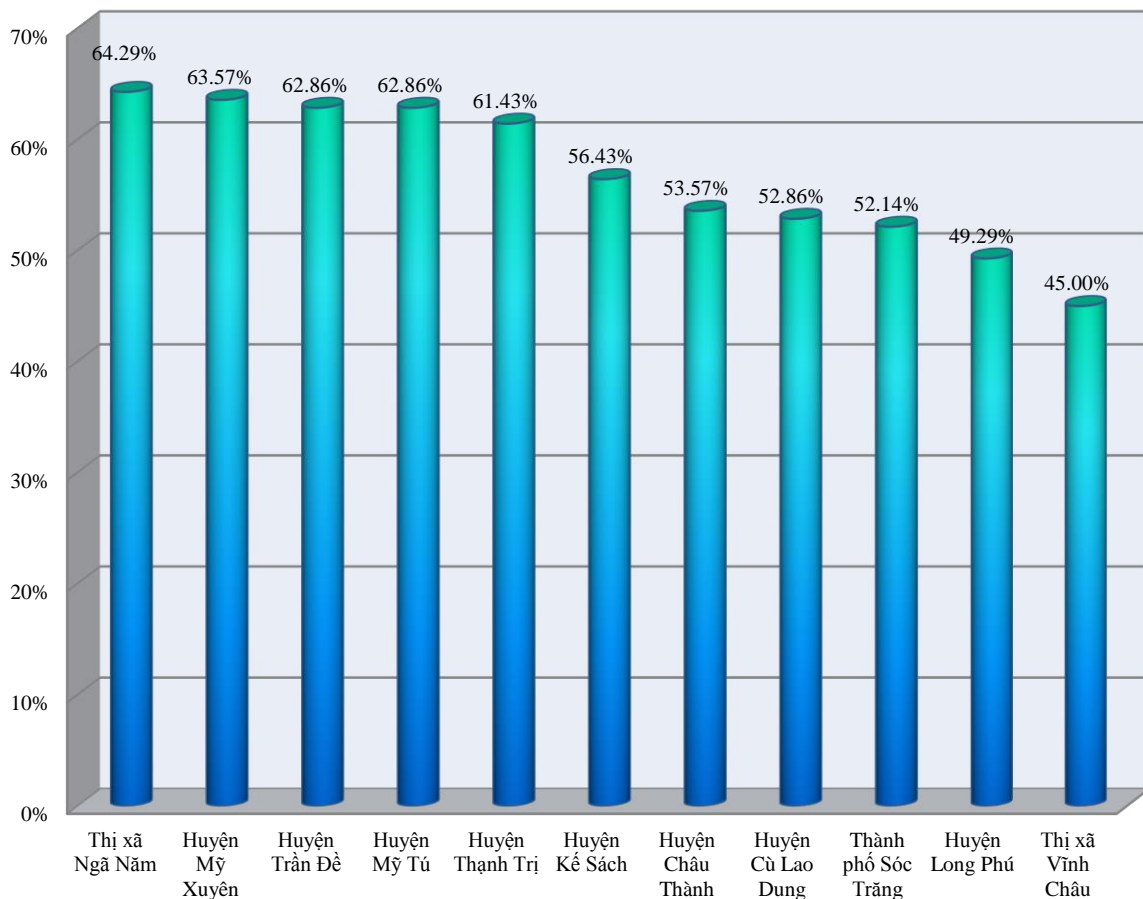
*Biểu đồ thể hiện kết quả Chỉ số CCHC của 03 đơn vị đứng đầu
và 02 đơn vị xếp cuối bảng theo 8 lĩnh vực CCHC*

2. Các chỉ số thành phần theo lĩnh vực

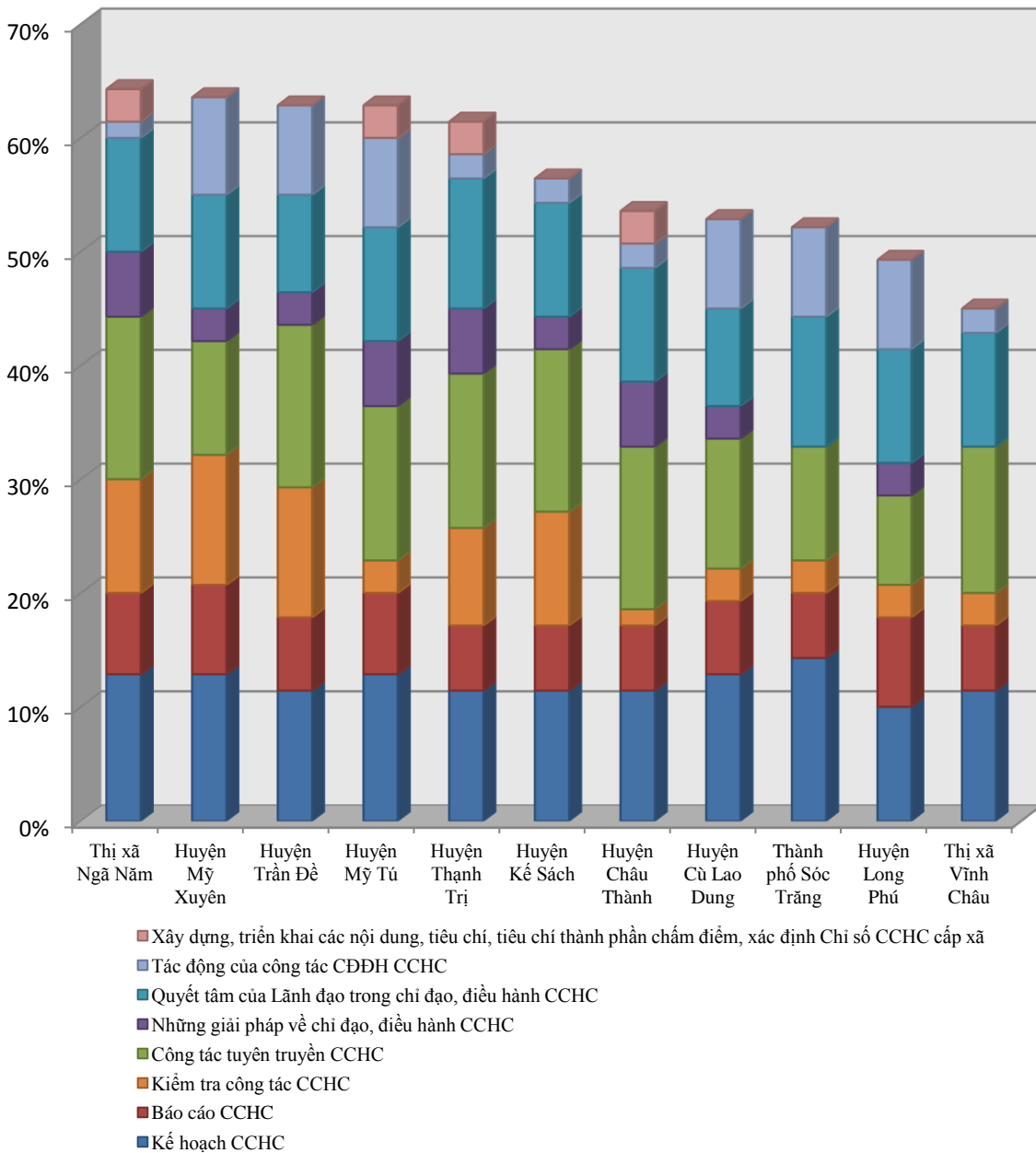
2.1. Chỉ số thành phần chỉ đạo điều hành cải cách hành chính

Chỉ số Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC được đánh giá dựa trên 07 tiêu chí (thông qua kết quả tự chấm): Kế hoạch CCHC; Báo cáo CCHC; Kiểm tra CCHC; Công tác tuyên truyền CCHC; Những giải pháp về chỉ đạo, điều hành CCHC; Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC; Xây dựng, triển khai các nội dung, tiêu chí, tiêu chí thành phần chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC cấp xã. Và 03 tiêu chí (qua kết quả điều tra xã hội học): Công tác tuyên truyền CCHC; Quyết tâm của Lãnh đạo trong chỉ đạo, điều hành CCHC và Tác động của công tác chỉ đạo, điều hành CCHC.

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC xếp thứ 3 trong 08 lĩnh vực, đạt tỷ lệ là 56,75% (giảm 11,89%), trong đó có 05/11 đơn vị đạt kết quả cao hơn giá trị trung bình; còn lại 06/11 đơn vị có giá trị trung bình trên 50%. Thị xã Ngã Năm là đơn vị dẫn đầu ở Chỉ số này với tỷ lệ 64,29%, thị xã Vĩnh Châu có kết quả thấp nhất với 45%, tỷ lệ chênh lệch giữa 02 đơn vị này là 19,29%.



Trong năm 2016, tất cả các đơn vị đều có quan tâm, thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành CCHC như ban hành đầy đủ các kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra và kế hoạch tuyên truyền CCHC. Tuy nhiên, công tác triển khai thực hiện và mức độ hoàn thành các kế hoạch ở mỗi đơn vị đều có sự khác nhau.



Biểu đồ so sánh kết quả điểm tự chấm ở lĩnh vực chỉ đạo, điều hành CCHC theo từng tiêu chí

Trong năm 2016, 11/11 đơn vị đều thực hiện đầy đủ 04 báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC (bao gồm báo cáo quý I, 6 tháng, quý III và báo cáo năm 2016). Tuy nhiên, 11/11 đơn vị đều có báo cáo trễ hạn so với thời gian quy định, trong đó 05/11 đơn vị không ghi được điểm ở tiêu chí thành phần này do 04/04 báo cáo đều trễ hạn, bao gồm các huyện: Thạnh Trị, Châu Thành, Kế Sách, thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu.

Theo số liệu thống kê, có 09/11 đơn vị ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC đảm bảo tỷ lệ kiểm tra từ 50% phòng ban chuyên môn, UBND cấp xã. Tuy nhiên, thị xã Ngã Năm chưa kiểm tra đầy đủ các nhiệm vụ CCHC theo quy định nên chỉ ghi được ½ số điểm ở tiêu chí thành phần này. Còn lại huyện Kế

Sách chỉ tổ chức kiểm tra 09/26 đơn vị, đạt tỷ lệ 34,62%; huyện Châu Thành thực hiện kiểm tra 5/20 đơn vị (25%). Việc xác định mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra được tính dựa trên các số lượng văn bản thông báo kết luận đối với các đơn vị được kiểm tra so với số lượng đơn vị nêu trong kế hoạch. Kết quả có 05/11 đơn vị¹¹ triển khai kiểm tra đầy đủ các đơn vị theo kế hoạch đề ra và quan tâm xử lý, khắc phục các vấn đề đặt ra sau kiểm tra. Mặc dù đã ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra CCHC nhưng trong năm 2016, huyện Long Phú là đơn vị duy nhất không tổ chức kiểm tra theo kế hoạch. Sự quyết tâm của Lãnh đạo trong chỉ đạo, điều hành CCHC được đánh giá thông qua 05 tiêu chí thành phần là Nâng cao chất lượng, nội dung văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC; Chỉ đạo triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC; Quan tâm bố trí nguồn lực (nhân lực, tài chính) cho công tác CCHC; Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các phòng ban thực hiện nhiệm vụ CCHC và Chấp hành nghiêm văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên về CCHC. Ở tiêu chí này, chưa có đơn vị nào đạt điểm tối đa, 07/10 đơn vị đạt tỷ lệ 70%, chỉ có thành phố Sóc Trăng và huyện Thạnh Trị mang về tỷ lệ 80%, còn lại huyện Cù Lao Dung và huyện Trần Đề chỉ đạt 60%.

100% ý kiến của đại biểu HĐND huyện Mỹ Xuyên cho rằng CBCCVV của huyện có sự am hiểu, nhận thức tốt về công tác CCHC, tỷ lệ này chỉ đạt 50% đối với thị xã Ngã Năm, các đơn vị còn lại đều được 90% đại biểu HĐND cấp huyện đánh giá cao nội dung này.

Đối với công tác tuyên truyền CCHC, 08/11 đơn vị hoàn thành 100% kế hoạch đề ra, các đơn vị còn lại bao gồm huyện Mỹ Xuyên, huyện Long Phú và thành phố Sóc Trăng đều không thuyết minh, chấm điểm ở nội dung này. Ngoài ra, đối với tiêu chí thành phần “*Có hình thức tuyên truyền mới và sản phẩm cụ thể để tuyên truyền CCHC*” mới bổ sung, trong năm 2016, không có đơn vị nào ghi điểm ở nội dung này. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền tại huyện Long Phú và Cù Lao Dung không được đánh giá cao do thực hiện chưa thường xuyên và chưa có chất lượng; tại huyện Mỹ Xuyên chỉ có 82,5% CCVC tham gia vào hoạt động tuyên truyền CCHC, các đơn vị còn lại đều có tỷ lệ trên 85%.

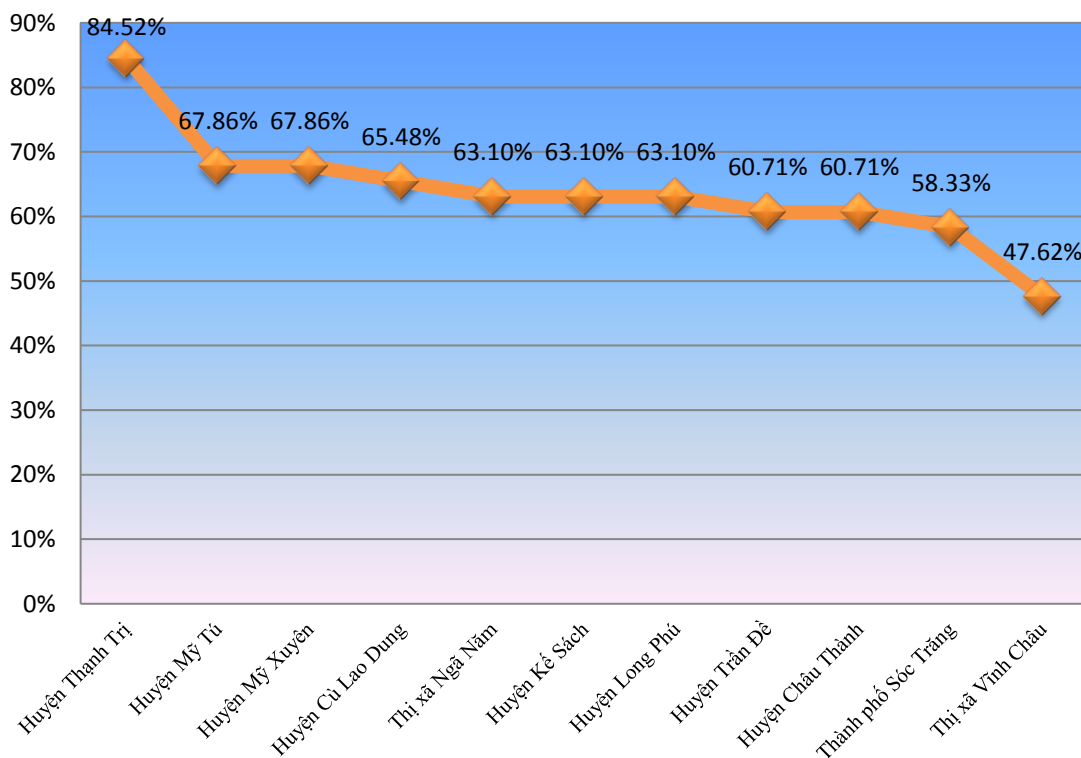
Theo báo cáo của các đơn vị, trong năm 2016, 10/11 đơn vị có ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua gắn với công tác CCHC (còn lại thành phố Sóc Trăng), tuy nhiên, thị xã Vĩnh Châu không gửi tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm cho tiêu chí thành phần này. Trong số 09/11 đơn vị đã ban hành kế hoạch, có 03 đơn vị thực hiện bình xét thi đua gắn với tiêu chí CCHC, bao gồm các huyện Thạnh Trị, Mỹ Tú và thị xã Ngã Năm. Đối với tiêu chí thành phần “*Có đề xuất giải pháp, cơ chế mới trong CCHC được đơn vị triển khai thực hiện và mang lại hiệu quả trong thực tiễn*”, Tổ Công tác chỉ ghi nhận sáng kiến của huyện Châu Thành trong việc hoàn thiện các tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của cán bộ, công chức, viên chức theo thang điểm cụ thể cho từng tiêu chí đánh giá.

¹¹ Bao gồm các huyện Thạnh Trị, Kế Sách, Mỹ Xuyên, Trần Đề và thị xã Ngã Năm.

2.2. Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương

Chỉ số thành phần xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật tại cấp huyện được đánh giá tại các tiêu chí:

- Mức độ xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL theo quy định của cấp trên;
- Thực hiện đúng tiến độ, quy trình xây dựng văn bản QPPL;
- Công tác rà soát văn bản QPPL hàng năm thuộc phạm vi quản lý của địa phương;
- Tổ chức triển khai, áp dụng kịp thời các văn bản QPPL, văn bản QPPL do cấp trên và do địa phương ban hành;
- Kiểm tra việc thực hiện các văn bản QPPL tại địa phương.
- Tiến độ, quy trình thực hiện xây dựng văn bản QPPL;
- Chất lượng văn bản QPPL và văn bản quản lý, điều hành đã ban hành;
- Tình hình minh bạch văn bản QPPL đã ban hành
- Tổ chức triển khai, áp dụng kịp thời các văn bản QPPL, văn bản QPPL do cấp trên và do địa phương ban hành.



Kết quả Chỉ số thành phần Cải cách thể chế

Chỉ số thành phần Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL có giá trị trung bình đạt 63,85%, xếp thứ 4 trong 8 lĩnh vực cải cách hành chính.

Trong năm 2016, có 03/11 đơn vị có kết quả đạt trên giá trị trung bình là các huyện: Thanh Trì, Mỹ Tú, Mỹ Xuyên, 07 đơn vị còn lại đều có kết quả dưới 50%. Sự chênh lệch giữa các đơn vị trong công tác cải cách thể chế tại địa phương là khá lớn. Việc đánh giá 02 tiêu chí thành phần mức độ xây dựng và hoàn thiện văn bản QPPL theo quy định của cấp trên; tiến độ, quy trình xây dựng văn bản QPPL được tính dựa trên kế hoạch hoặc văn bản đăng ký, phê duyệt Chương trình xây dựng văn bản QPPL của địa phương, tỷ lệ văn bản QPPL đã được đơn vị thông qua theo tiến độ đề ra. Theo kết quả thẩm định, chỉ có 04/11 đơn vị¹² có ban hành Chương trình xây dựng văn bản QPPL trong năm 2016, trong đó huyện Cù Lao Dung chưa thực hiện việc ban hành văn bản QPPL theo đúng tiến độ đề ra. 100% đại biểu HĐND các huyện Mỹ Xuyên, Thanh Trì, Kế Sách, Mỹ Tú, Trần Đề và Cù Lao Dung và 95% đại biểu HĐND các đơn vị còn lại đều đánh giá UBND cấp huyện tuân thủ đầy đủ quy trình xây dựng văn bản VPPL. Chất lượng văn bản QPPL và văn bản quản lý, điều hành đã ban hành được đại biểu HĐND cấp huyện đánh giá thông qua 04 tiêu chí: là về nội dung văn bản, tính kịp thời, tính khả thi và sự chùng chéo, mâu thuẫn với văn bản khác; trong đó, huyện Long Phú có 20% ý kiến cho rằng nội dung văn bản ban hành có nội dung chưa đầy đủ, cụ thể; huyện Cù Lao Dung cũng có 20% ý kiến đánh giá huyện chưa kịp thời ban hành văn bản QPPL và văn bản chỉ đạo, điều hành; đa số ý kiến đều đánh giá văn bản của các huyện ban hành đều có tính khả thi; 15% đại biểu HĐND huyện Mỹ Tú không đánh giá cao việc ban hành văn bản của huyện do có sự chùng chéo, mâu thuẫn với các văn bản khác.

Theo ý kiến của người dân và doanh nghiệp đã tham gia làm TTHC tại các đơn vị, huyện Kế Sách và Mỹ Xuyên là 02 đơn vị có công khai đầy đủ văn bản đã ban hành; một số ý kiến cho rằng nội dung văn bản của UBND các huyện chưa rõ ràng dễ hiểu, nhất là huyện Trần Đề (39%). Khi ban hành văn bản, các đơn vị đều có thông tin đến người dân và doanh nghiệp về nội dung văn bản thông qua báo, đài, Trang thông tin điện tử, huyện Kế Sách là đơn vị thực hiện tốt nhất nội dung này (99%), thấp nhất là huyện Long Phú (28%). Bên cạnh đó, việc giải trình những thắc mắc đối với nội dung văn bản được người dân và doanh nghiệp huyện Thanh Trì đánh giá tốt, thị xã Vĩnh Châu chưa thực hiện tốt nội dung này.

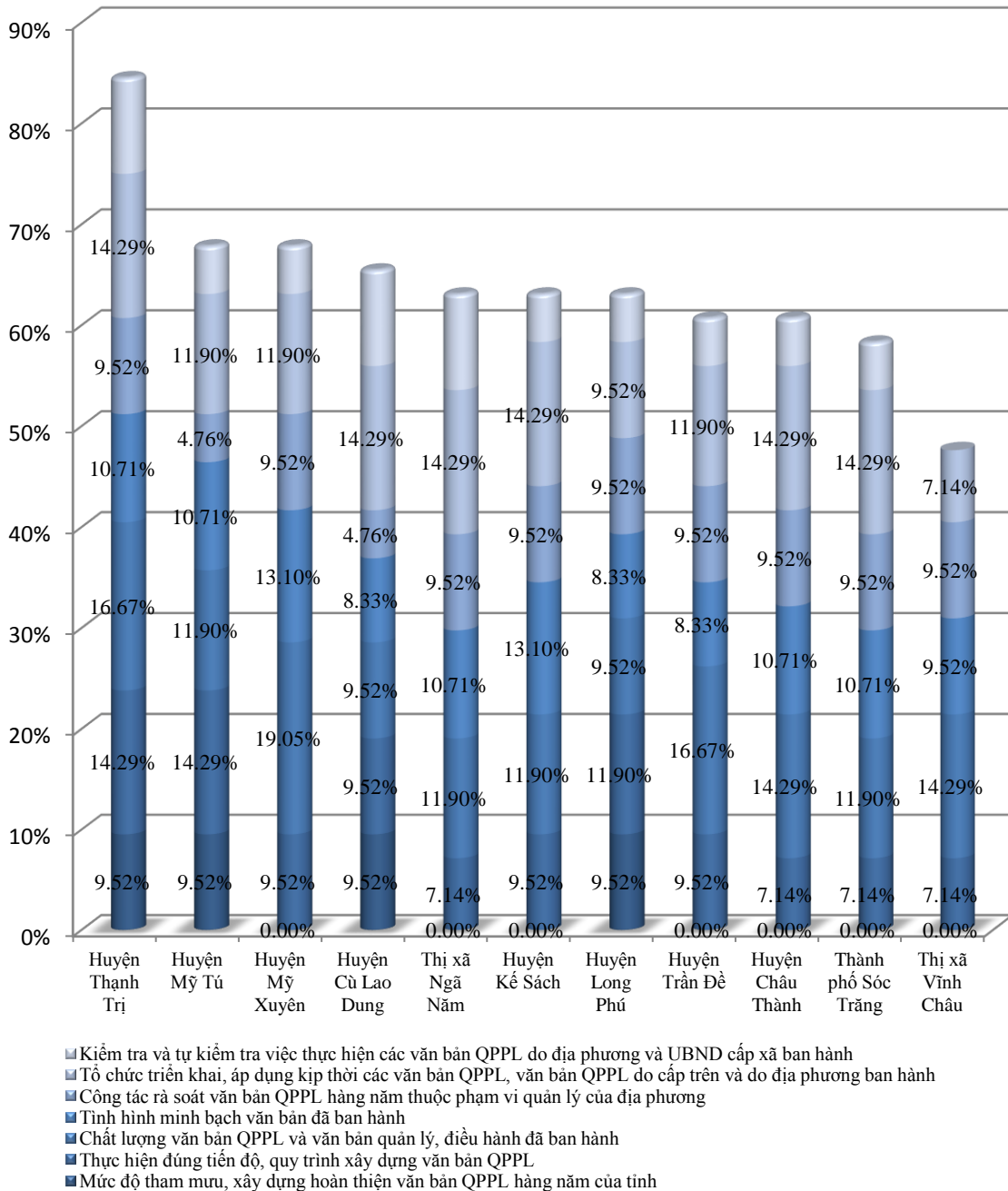
Ngoài ra, việc cập nhật, tổ chức triển khai, hướng dẫn CBCCVC các văn bản của cấp trên ban hành các huyện thực hiện tương đối kịp thời, đầy đủ.

Đối với công tác rà soát văn bản QPPL hàng năm, có 09/11 đơn vị¹³ ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện theo quy định. Mặc dù năm 2016 có 02 đơn vị không có kế hoạch rà soát văn bản QPPL, nhưng thực tế 11/11 đơn vị đều triển khai thực hiện đồng bộ việc rà soát văn bản QPPL theo kế hoạch của UBND tỉnh và xử lý tốt kết quả qua rà soát.

¹² Bao gồm các huyện: Thanh Trì, Mỹ Tú, Cù Lao Dung, Long Phú.

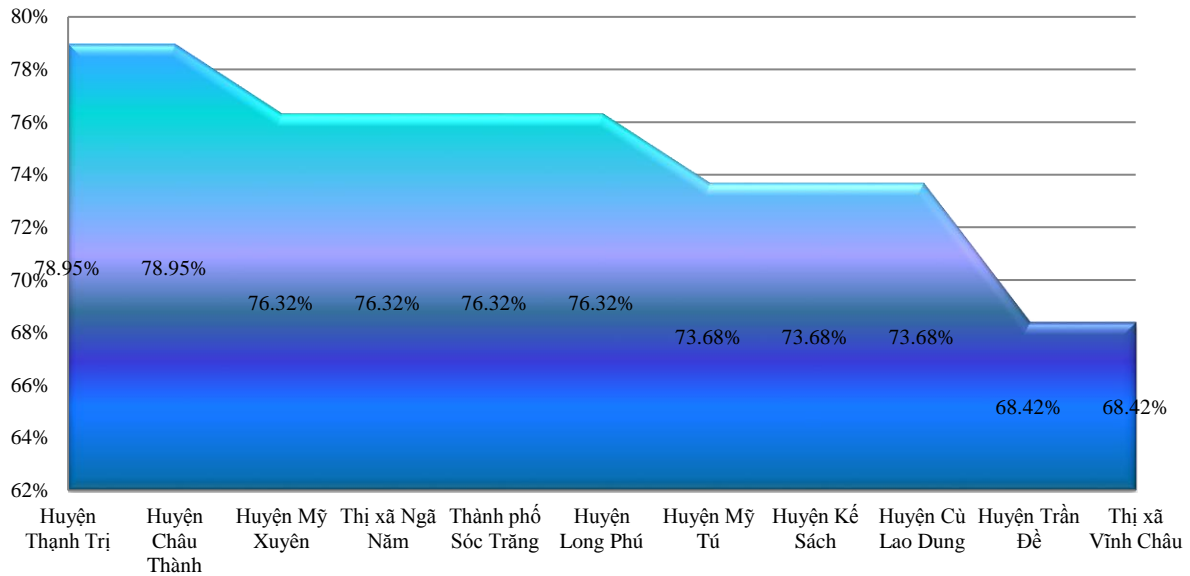
¹³ Còn lại 02 huyện: Cù Lao Dung và Mỹ Tú.

Công tác tổ chức triển khai, áp dụng các văn bản QPPL do cấp trên và do đơn vị ban hành đến CBCCVN được các đơn vị quan tâm, thực hiện. Hầu hết các đơn vị đều đạt điểm tối đa ở tiêu chí này (trừ huyện Long Phú và thị xã Vĩnh Châu do không cung cấp tài liệu kiểm chứng). Bên cạnh đó, 10/11 đơn vị có ban hành Kế hoạch kiểm tra tình hình theo dõi và thi hành pháp luật hàng năm (còn thị xã Vĩnh Châu), tuy nhiên, công tác triển khai thực hiện chưa đảm bảo theo kế hoạch đề ra, ở nội dung này, chỉ có 02 đơn vị thực hiện đạt 100% kế hoạch (huyện Thanh Trì và Cù Lao Dung). Trong năm 2016, chỉ duy nhất thị xã Ngã Năm có văn bản xử lý kết quả kiểm tra tình hình theo dõi và thi hành pháp luật.



2.3. Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính

Chỉ số thành phần cải cách thủ tục hành chính năm 2016 tiếp tục giữ vị trí cao nhất trong 8 lĩnh vực của cải cách hành chính với ý lệ 74,64% (tuy nhiên, giảm 10,93% so với năm 2015).



Kết quả thống kê cho thấy, có 09/11 UBND cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính chỉ đạt ở mức khá (không có huyện tốt). Đứng vị trí thứ nhất là huyện Thanh Trì cũng chỉ ở tỷ lệ 78,95%. Đơn vị xếp cuối là UBND thị xã Ngã Năm với tỷ lệ 68,42%.

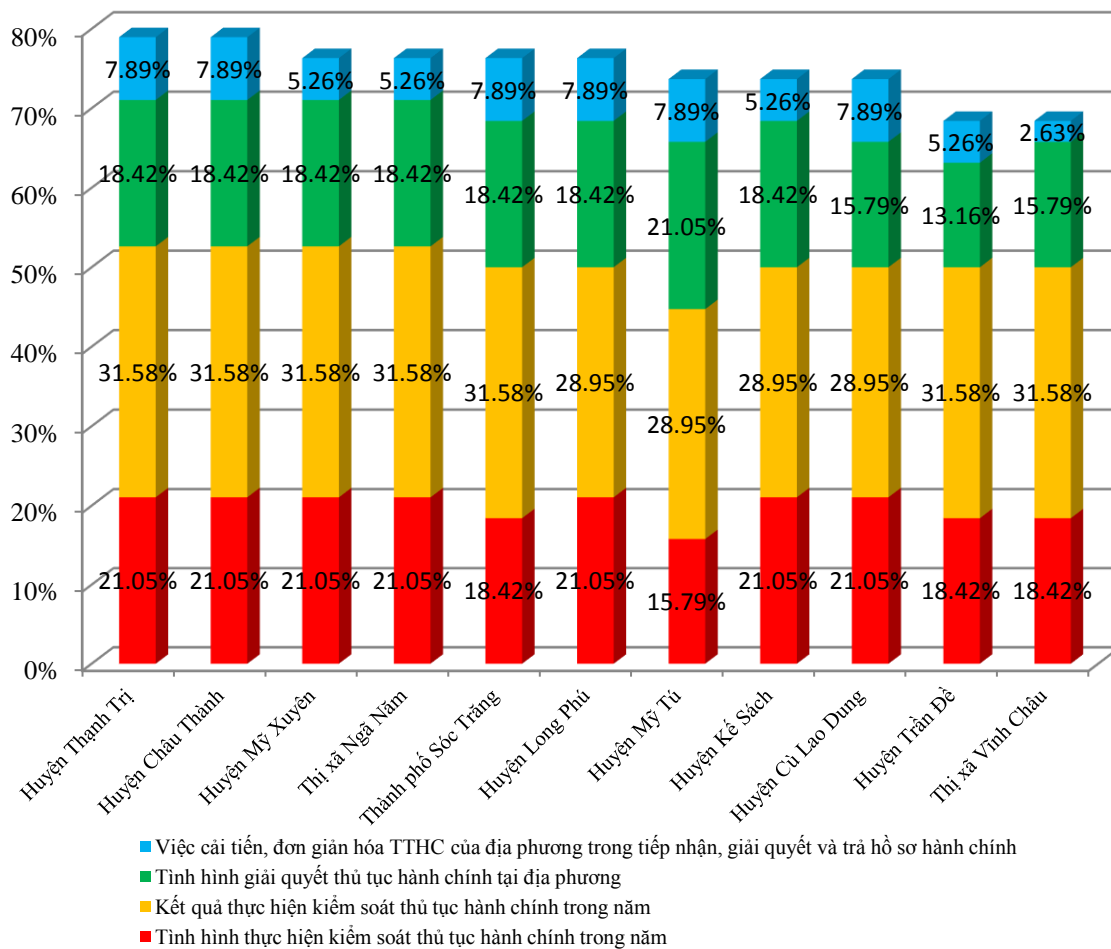
Năm 2016, hầu hết các địa phương đều thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC, ngoài ra, đối với các đơn vị hành chính cấp xã, có từ 90% đơn vị trở lên thực hiện tốt nội dung kiểm soát thủ tục hành chính trong năm. Bên cạnh đó, 11/11 đơn vị đã thực hiện đồng bộ việc công khai 100% TTHC tại trụ sở làm việc và 08/11 đơn vị đã đăng tải 100% TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị (còn lại một số đơn vị như huyện Kế Sách, Cù Lao Dung và Long Phú chỉ thực hiện đăng tải từ 80% TTHC trên Trang thông tin điện tử của đơn vị).

Hoạt động rà soát TTHC thực hiện theo Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 22/01/2016 của UBND tỉnh. Kế hoạch đặt ra mục tiêu của hoạt động rà soát, đánh giá TTHC nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC, quy định có liên quan không cần thiết, không phù hợp, không đáp ứng các nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC. Kết quả qua triển khai Kế hoạch, trong năm 2016, tất cả các đơn vị đều không có phương án đơn giản hóa TTHC được UBND tỉnh thông qua. Riêng đối với công tác tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được các đơn vị triển khai thực hiện tốt. Theo kết quả đánh giá, năm 2016, 10/11 đơn vị¹⁴ có 100% đơn vị hành chính cấp xã triển khai Đề án thực hiện liên thông các thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.

¹⁴ Trừ huyện Mỹ Tú chưa triển khai đầy đủ tại các đơn vị hành chính cấp xã.

Về tình hình giải quyết TTHC, năm 2016 các đơn vị đều giải quyết TTHC đúng hạn đạt tỷ lệ từ 95% trở lên. Trong đó, có 8/11 đơn vị đạt tỷ lệ 100%, bao gồm các huyện Thanh Trì, Mỹ Tú, Kế Sách, Mỹ Xuyên, Long Phú, Châu Thành, thị xã Ngã Năm và thành phố Sóc Trăng. Tính đến ngày cuối tháng 11/2016, toàn tỉnh đã tiếp nhận 853.793 hồ sơ TTHC. Kết quả có 845.938/846.314 hồ sơ đã được giải quyết đúng hạn, đạt tỷ lệ 99,95%. So với năm 2015, tỉ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn giảm, do việc áp dụng hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ứng dụng CNTT vào giải quyết hồ sơ TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, TTHC.

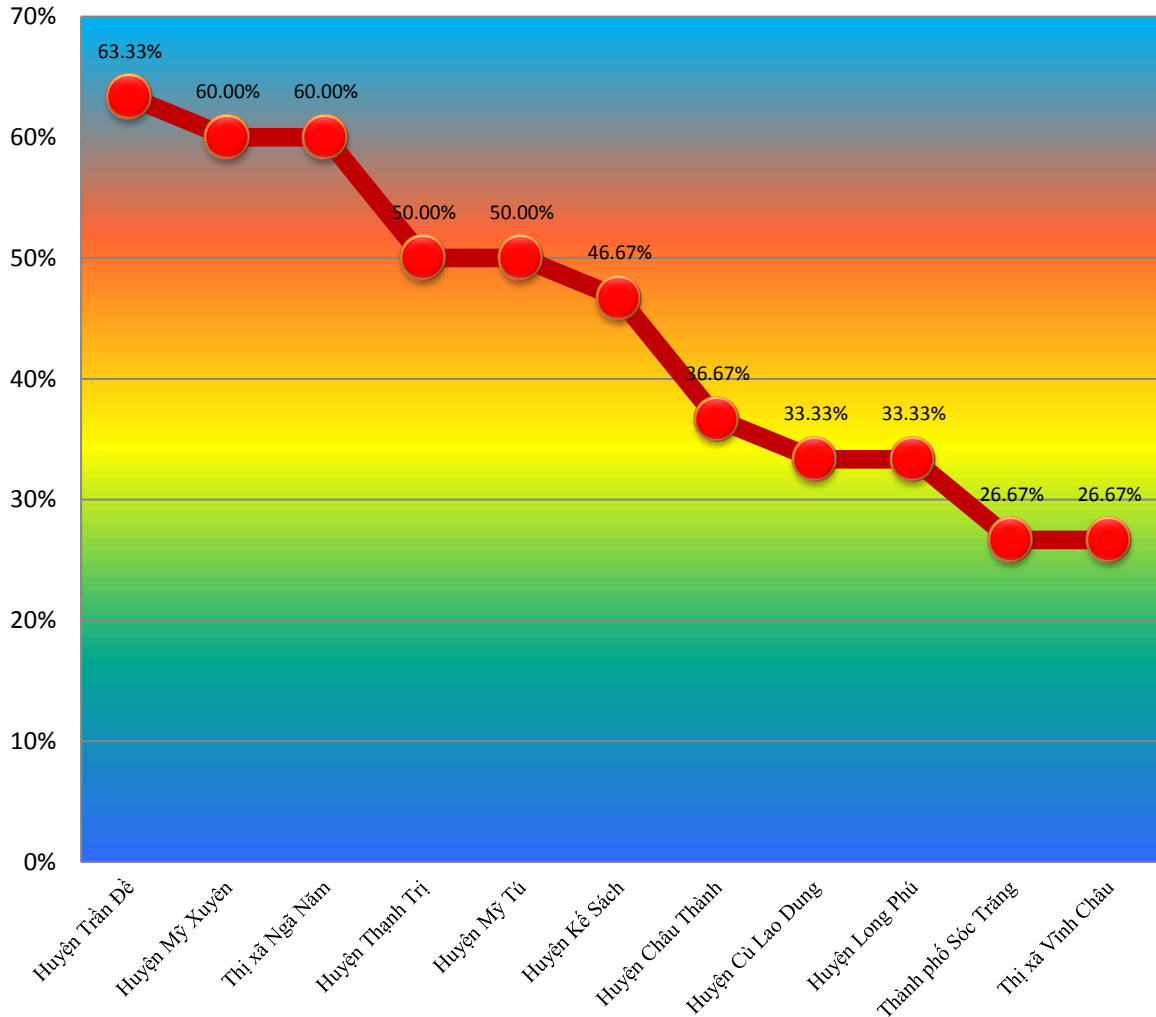
Theo kết quả lấy kiến cá nhân, tổ chức, 100% ý kiến cho rằng UBND huyện Mỹ Tú giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp đúng hạn, các đơn vị còn lại đều được đánh giá trên 95%, chỉ riêng huyện Trần Đề có 6% cho rằng huyện còn giải quyết TTHC trễ hạn. Việc cải tiến, đơn giản hóa TTHC trong tiếp nhận và giải quyết TTHC được các đơn vị thực hiện tương đối đồng đều. Tuy nhiên thị xã Vĩnh Châu chỉ có 86,46% ý kiến đánh giá ở mức khá, tốt, còn lại 13,64% ý kiến đánh giá ở mức trung bình, kém.



2.4. Chỉ số thành phần cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Chỉ số thành phần Cải cách Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước được đánh giá dựa trên 07 tiêu chí, gồm 05 tiêu chí đánh giá qua kết quả tự chấm (Có

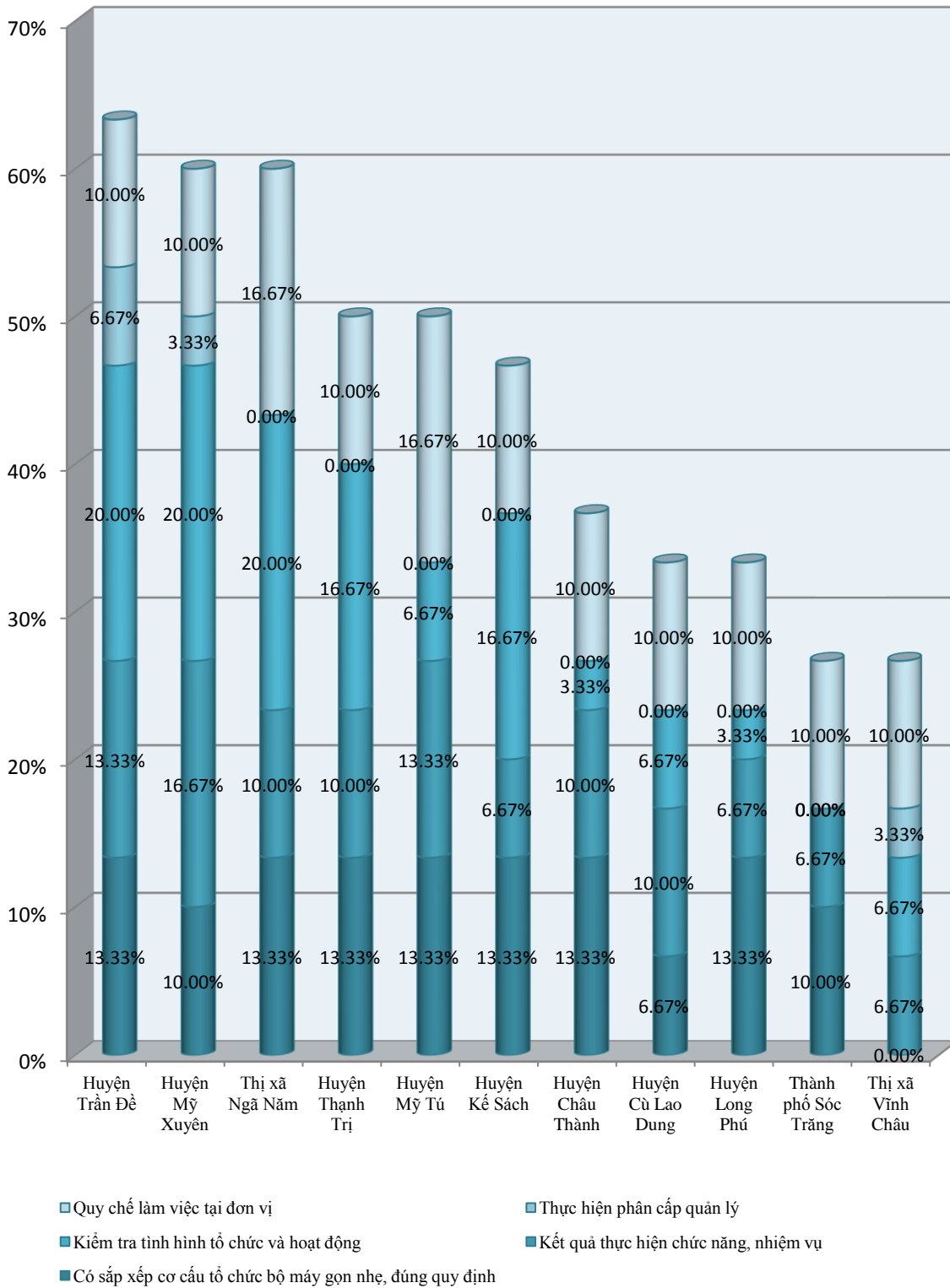
sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy gọn nhẹ, đúng quy định; Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ; Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động; Thực hiện phân cấp quản lý và Quy chế làm việc tại đơn vị) và 02 tiêu chí (Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và Quy chế làm việc tại đơn vị) được đánh giá qua kết quả điều tra xã hội học.



Bảng: Kết quả điểm tự chấm ở lĩnh vực cải cách TCBM hành chính

Ở chỉ số thành phần này, huyện Trần Đề đã giành được số điểm cao nhất với tỷ lệ 63,33% (tuy nhiên, tỷ lệ này giảm khá sâu so với năm 2015); tiếp theo là các huyện Mỹ Xuyên, thị xã Ngã Năm, Thanh Trị, Mỹ Tú là những đơn vị đạt tỷ lệ trên 50%, các đơn vị còn lại đạt ở mức dưới trung bình, kém nhất là thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu (ở mức dưới 30%).

Kết quả chi tiết được thể hiện ở biểu đồ sau đây:



Bảng: Biểu đồ so sánh kết quả điểm của UBND cấp huyện ở lĩnh vực cải cách TCBM HCNN theo các tiêu chí

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được tổ chức theo Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014, mỗi huyện có từ 12 - 13 phòng chuyên môn¹⁵. Trong năm 2016, các đơn vị đã tập trung rà soát, ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng ban chuyên môn theo hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh. Trong đó, 7/11 đơn vị đã sắp xếp, quy định lại chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của 100% đơn vị thuộc và trực thuộc theo quy định (trừ Văn phòng HĐND và UBND huyện). Một số đơn vị còn lại chưa thực hiện đầy đủ bao gồm: huyện Mỹ Xuyên chưa ban hành quy định đối với phòng Kinh tế - Hạ tầng; thành phố Sóc Trăng chưa rà soát, quy định lại chức năng, nhiệm vụ của phòng Tài chính - Kế hoạch; huyện Cù Lao Dung vẫn đang rà soát, xây dựng quy định đối với các phòng Tài chính - Kế hoạch, phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, phòng Văn hóa và Thông tin.

Việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của UBND huyện được đánh giá dựa trên ý kiến khảo sát của đại biểu HĐND và công chức của huyện. Kết quả năm 2016, chỉ có 03 đơn vị huyện Mỹ Xuyên, Thạnh Trị và Trần Đề được trên 80% ý kiến đánh giá thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ. Các đơn vị còn lại đều không ghi được điểm ở nội dung này.

Công tác phối hợp giữa các phòng chuyên môn của UBND huyện được thực hiện tương đối đồng đều, 90% ý kiến đều cho rằng các đơn vị thực hiện khá, tốt. Tuy nhiên, không có đơn vị nào đạt điểm tối đa ở nội dung này, đây là một tín hiệu khá quan trọng, giúp các đơn vị nghiêm túc nhìn nhận lại mối quan hệ giữa các phòng, ban trong cùng một đơn vị.

Tiêu chí “*Kết quả thực hiện chức năng nhiệm vụ*” được đánh giá dựa trên tiêu chí thành phần “*Hiệu quả, tác động của công tác quản lý, điều hành của huyện, thị xã, thành phố đối với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương*”, bao gồm 04 nội dung: giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản; giá trị sản xuất công nghiệp; giá trị sản xuất xây dựng và tổng mức bán lẻ hàng hóa. Các số liệu này phải được thể hiện trong báo cáo tình hình kinh tế xã hội của đơn vị, kết quả thực hiện trong năm phải bằng hoặc cao hơn cùng kỳ năm trước liền kề thì đơn vị mới được ghi nhận công tác quản lý, điều hành có hiệu quả, tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Theo kết quả đánh giá, trong năm 2016, chỉ có huyện Mỹ Tú đảm bảo kết quả thực hiện 04 chỉ tiêu nêu trên đều đạt cao hơn so năm 2015; 04/11 đơn vị¹⁶ đạt được 03 chỉ tiêu; 05/11 đơn vị đạt được 02 chỉ tiêu giá trị sản xuất công nghiệp và tổng mức bán lẻ hàng hóa cao hơn năm 2015 (bao gồm các huyện: Kế Sách, Trần Đề, Long Phú, thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu). Còn lại huyện Thạnh Trị chỉ có giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2016 cao hơn năm 2015.

Đối với kế hoạch kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc, phòng ban, UBND cấp xã, địa phương có thể lồng ghép vào kế hoạch kiểm tra CCHC nhưng phải đảm bảo đầy đủ nội dung, có đề cương hướng dẫn

¹⁵ Toàn tỉnh có 9/11 đơn vị cấp huyện tổ chức 13 phòng chuyên môn, còn lại huyện Cù Lao Dung không tổ chức phòng Dân tộc và huyện Châu Thành không có phòng Y tế.

¹⁶ Bao gồm các huyện: Mỹ Xuyên, Cù Lao Dung, Châu Thành và thị xã Ngã Năm.

cụ thể. Ở tiêu chí này, có 03/11 đơn vị¹⁷ triển khai thực hiện có hiệu quả, đảm bảo tỷ lệ kiểm tra từ 50% trở lên đơn vị trực thuộc, phòng ban, UBND cấp xã; thực hiện kiểm tra đạt 100% theo kế hoạch đề ra; đồng thời có thông báo kết luận, báo cáo kết quả kiểm tra và báo cáo khắc phục của tất cả các đơn vị được kiểm tra. Một số đơn vị chưa quan tâm triển khai thực hiện kiểm tra đầy đủ theo kế hoạch và xử lý các vấn đề đặt ra sau kiểm tra như huyện Mỹ Tú, Cù Lao Dung, Long Phú, Châu Thành, thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu.

Theo kết quả đánh giá, trong năm 2016 chỉ có thị xã Vĩnh Châu có đề cập nội dung thực hiện phân cấp trong báo cáo CCHC năm, các đơn vị còn lại đều không có báo cáo cụ thể tình hình thực hiện những nội dung đã phân cấp theo quy định. Công tác kiểm tra, giám sát định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc và UBND cấp xã được 02 đơn vị thực hiện (lồng ghép vào kế hoạch kiểm tra CCHC) là huyện Mỹ Xuyên và huyện Trần Đề.

Thực hiện Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, ngày 04/11/2016, Chủ tịch UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo¹⁸ Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ vào nội quy, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; đồng thời báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nội vụ chậm nhất vào ngày 12/12/2016. Tính đến thời hạn gửi báo cáo chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2016¹⁹, Sở Nội vụ chỉ nhận được báo cáo của 05/11 đơn vị. Tuy nhiên, nội dung các báo cáo không đề cập đến việc cập nhật quy chế làm việc theo các quy định. Trong năm 2016, chỉ có 02 đơn vị thực hiện rà soát, ban hành quy chế làm việc đảm bảo thực hiện theo Chỉ thị số 26/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ là huyện Mỹ Tú và thị xã Ngã Năm.

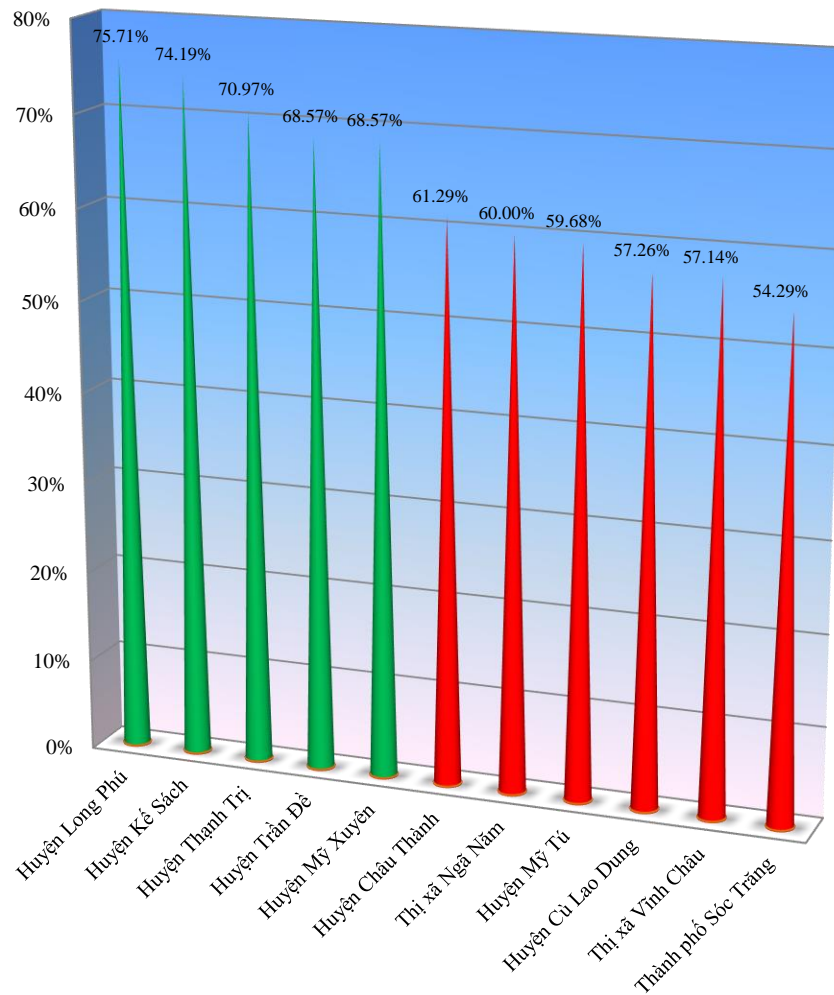
2.5. Chỉ số thành phần Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Chỉ số thành phần Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC được đánh giá dựa trên 05 tiêu chí: Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động; Cán bộ, công chức cấp xã; Đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động và Chất lượng đội ngũ CBCCVC.

¹⁷ Bao gồm các huyện: Ngã Năm, Mỹ Xuyên và Trần Đề.

¹⁸ Công văn số 1676/UBND-TH về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan HCNN các cấp.

¹⁹ Trước ngày 31/01/2017.



Kết quả Chỉ số thành phần Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCCVC

Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BNV ngày 31/12/2015 về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Sóc Trăng, tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành hoàn thiện nội dung Đề án liên quan đến bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm đã được phê duyệt, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức trên địa bàn tỉnh. Trong năm 2016, có 02/11 đơn vị đã hoàn thiện nội dung Đề án theo quy định (bao gồm thị xã Ngã Năm và huyện Mỹ Tú).

Công tác đổi mới công tác quản lý, sử dụng biên chế, lao động năm 2016 được đánh giá thông qua 06 tiêu chí thành phần, bao gồm: đánh giá công tác triển khai Đề án tinh giản biên chế được phê duyệt theo đúng lộ trình; Thực hiện đầy đủ, đúng quy định về quy trình tuyển dụng công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP (gồm cấp huyện và cấp xã); Chấp hành nghiêm quy định về phân công, bố trí, sử dụng quản lý cán bộ, công chức, viên chức, hợp đồng lao động theo nhu cầu vị trí tuyển dụng; Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCCVC so với kế hoạch đề ra; Đánh giá CBCCCVC trên

cơ sở thực hiện nhiệm vụ được giao và Thực hiện định kỳ chuyển đổi công tác đối với công chức, viên chức.

Theo kết quả đánh giá, hầu hết các đơn vị đều có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, tuy nhiên chỉ có huyện Long Phú triển khai thực hiện đảm bảo số lượng và tuân thủ đúng lộ trình theo kế hoạch đã được phê duyệt, 05/11 đơn vị²⁰ thực hiện chưa đảm bảo số lượng theo kế hoạch, các đơn vị còn lại không báo cáo cụ thể kết quả thực hiện tinh giản biên chế trong năm 2016.

Trong năm 2016, có 04/11 đơn vị²¹ tổ chức tuyển dụng viên chức. Qua theo dõi của Sở Nội vụ, các đơn vị này thực hiện đầy đủ, đúng quy định về quy trình tuyển dụng viên chức và chấp hành nghiêm quy định về phân công, bố trí, sử dụng quản lý viên chức theo nhu cầu vị trí tuyển dụng. 05/11 đơn vị được hạ điểm chuẩn ở 02 tiêu chí thành phần này (01 điểm/01 tiêu chí) do không có nhu cầu tuyển dụng trong năm 2016 (bao gồm các huyện: Thạnh Trị, Mỹ Tú, Kế Sách, Cù Lao Dung và Châu Thành). Các đơn vị còn lại có nhu cầu tuyển dụng nhưng không tổ chức kỳ tuyển dụng, bao gồm thị xã Ngã Năm và thành phố Sóc Trăng.

Để đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của CBCCVC, năm 2016, các huyện Thạnh Trị, Kế Sách, Châu Thành và thành phố Sóc Trăng đã xây dựng các tiêu chí đánh giá, phân loại kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của CBCCVC trên cơ sở cụ thể hóa quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Đặc biệt, huyện Châu Thành đã xây dựng kế hoạch đánh giá, phân loại có thang điểm cho từng tiêu chí đánh giá cụ thể. 07 đơn vị còn lại chỉ ban hành văn bản thông báo đánh giá, phân loại CBCCVC dựa trên các tiêu chí đã quy định tại 56/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ.

Việc định kỳ chuyển đổi công tác đối với công chức, viên chức được các đơn vị quan tâm, thực hiện. Hầu hết các đơn vị đều có ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện. Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch phải xác định rõ đối tượng, thời gian thực hiện chuyển đổi, dự kiến vị trí chuyển đổi trong thời gian tới và kế hoạch phải được ban hành trong quý I của năm kế hoạch. Kết quả đối chiếu kế hoạch của các đơn vị với các nội dung nêu trên, có 06/11 đơn vị ban hành kế hoạch đáp ứng yêu cầu, bao gồm các huyện: Thạnh Trị, Cù Lao Dung, Long Phú, Châu Thành, thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu. Một số đơn vị ban hành kế hoạch trễ hạn so với thời gian quy định (bao gồm các huyện Kế Sách, Trần Đề và thị xã Ngã Năm), kế hoạch của các đơn vị còn lại không thể hiện rõ vị trí chuyển đổi, số lượng cần chuyển đổi (huyện Mỹ Tú và huyện Mỹ Xuyên).

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, tất cả 11 đơn vị đều có quan tâm, ban hành kế hoạch và báo cáo kết quả đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

²⁰ Bao gồm các đơn vị: huyện Thạnh Trị, Kế Sách, Trần Đề, Cù Lao Dung và thị xã Ngã Năm.

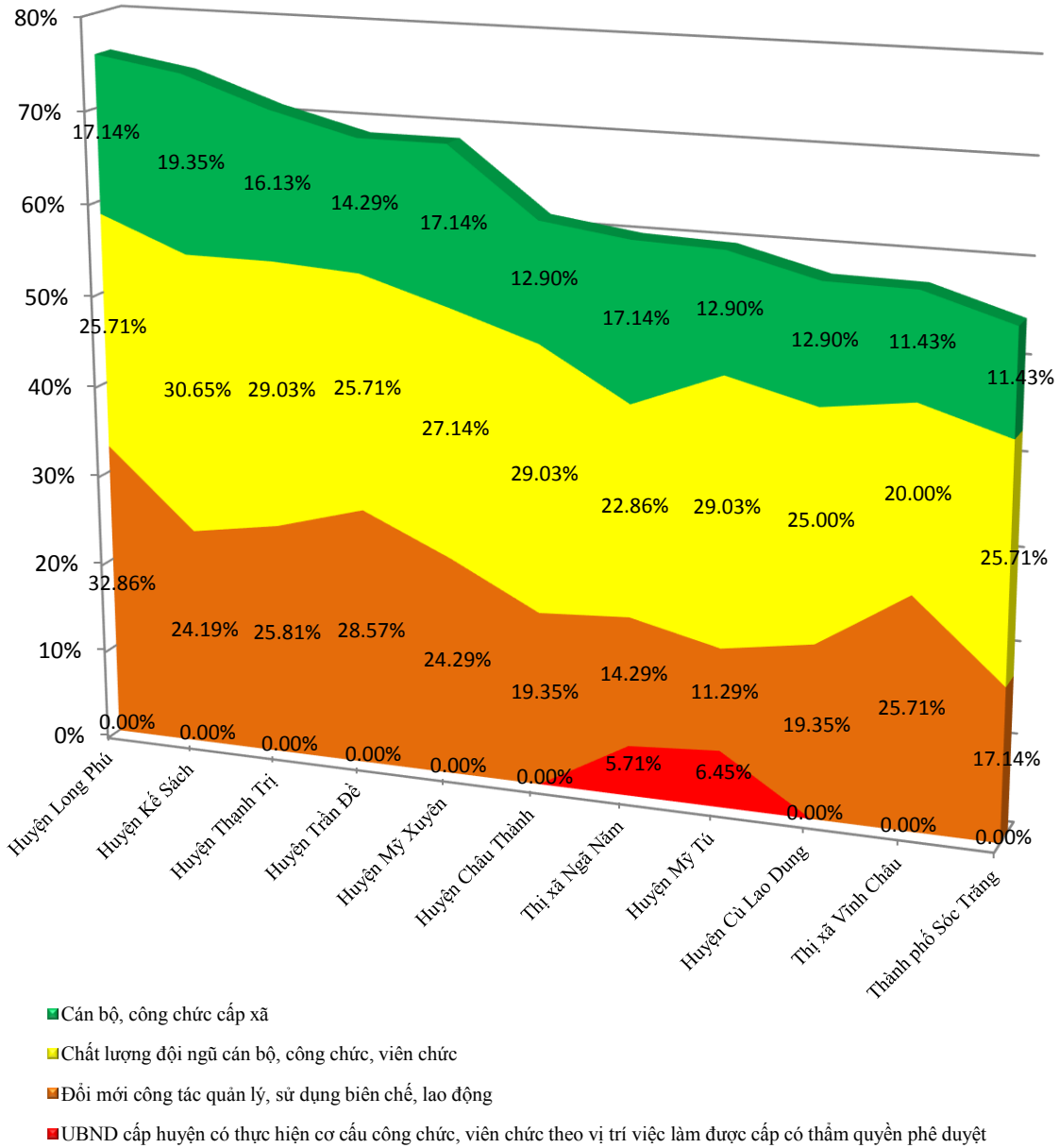
²¹ Bao gồm huyện Mỹ Xuyên, Trần Đề, Long Phú và thị xã Vĩnh Châu.

trong năm. Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá, chỉ có 03/11 đơn vị triển khai thực hiện tốt, đạt kết quả 100% theo kế hoạch đề ra, bao gồm các huyện Thanh Trì, Kế Sách và Trần Đề. Việc cử CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng không đảm bảo số lượng đề ra theo kế hoạch (có tỷ lệ dưới 80%) là thực trạng chung của 08 đơn vị còn lại. Đánh giá riêng đối với việc cử CBCC cấp xã tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm, có 07/11 đơn vị đạt trên 80%, bao gồm: huyện Thanh Trì, Kế Sách, Mỹ Xuyên, Trần Đề, Long Phú, thị xã Ngã Năm và thị xã Vĩnh Châu.

Kết quả của việc đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC là chất lượng đội ngũ CBCCVC được nâng lên, đặc biệt là đối với CBCC cấp xã. Tính đến năm 2016, 09/11 đơn vị có tỷ lệ cán bộ cấp xã đạt chuẩn trên 80% và 08/11 đơn vị có tỷ lệ công chức cấp xã đạt chuẩn trên 90%. Còn lại 02 huyện có tỷ lệ cán bộ cấp xã đạt chuẩn dưới 80% (bao gồm huyện Trần Đề đạt tỷ lệ 79,66% và thị xã Vĩnh Châu đạt tỷ lệ 76,7%); 02 đơn vị có tỷ lệ công chức đạt chuẩn dưới 90% là huyện Thanh Trì với tỷ lệ 88,89% và thị xã Vĩnh Châu có tỷ lệ 83,84%.

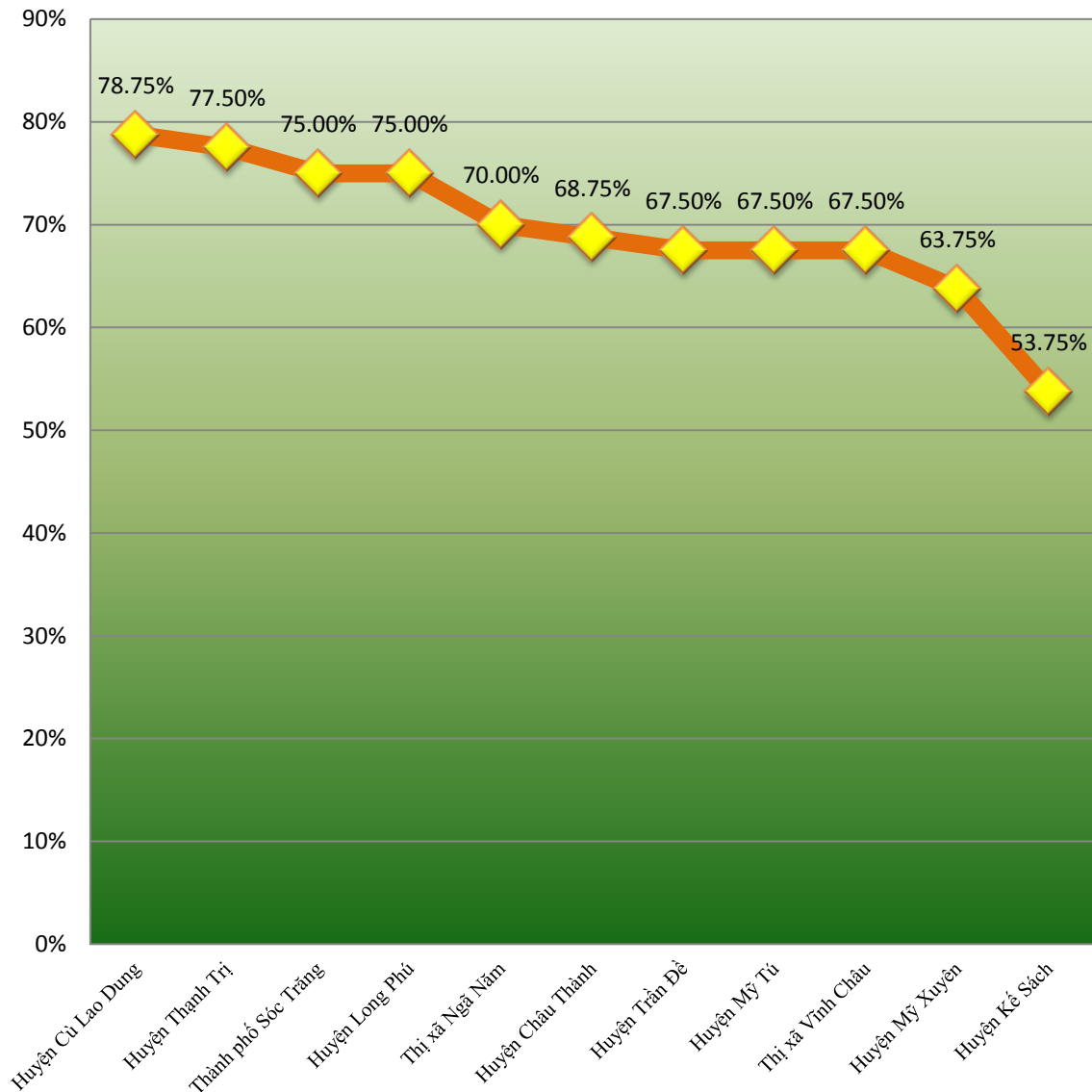
Trong năm 2016, các đơn vị đều có triển khai thực hiện việc đánh giá CBCCVC dựa theo kết quả mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời, thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách đối với CBCCVC như cử CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, quan tâm thực hiện công tác nâng lương, nâng ngạch, chế độ bảo hiểm xã hội,... từ đó, chất lượng CBCCVC ngày một nâng cao. Cụ thể, theo kết quả khảo sát, từ 90% trở lên đại biểu HĐND cấp huyện đánh giá CBCCVC có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ; có tinh thần trách nhiệm đối với công việc và thái độ phục vụ khá tốt. Tuy nhiên, theo đánh giá của người dân và doanh nghiệp đã tham gia giải quyết TTHC trong năm 2016, chỉ có 02 đơn vị (huyện Kế Sách và Mỹ Xuyên) không có CBCCVC lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi, còn lại các đơn vị khác xảy ra tình trạng này (cao nhất là thị xã Ngã Năm với 7,5%). Tuy tỷ lệ này không cao, nhưng cũng là một dấu hiệu khá báo động, các địa phương cần có giải pháp khắc phục hiệu quả để tránh gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp.

Tính chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của CBCCVC theo Chỉ thị 10/CT-CTUBND của UBND tỉnh được đánh giá dựa trên 05 nội dung như sau: Sử dụng thời gian làm việc hiệu quả; Chấp hành nghiêm giờ làm việc; Thực hiện tốt quy tắc ứng xử; Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở và Không uống rượu bia trong giờ làm việc và khi tham gia giao thông. Theo kết quả thống kê, tất cả các đơn vị đều có CBCCVC vi phạm các nội dung này, tỷ lệ đánh giá CBCCVC có nói chuyện riêng trong giờ làm việc tại thị xã Vĩnh Châu và Ngã Năm là cao nhất (trên 20%); đây cũng là 02 đơn vị có trên 20% ý kiến đánh giá có CBCCVC đi trễ, về sớm so với quy định, huyện Cù Lao Dung cũng rơi vào nhóm này; việc thực hiện quy tắc ứng xử và quy chế dân chủ cơ sở được CBCCVC các đơn vị thực hiện khá tốt; Cù Lao Dung là huyện có trên 20% đối tượng khảo sát bắt gặp CBCCVC uống rượu bia trong giờ làm việc và khi tham gia giao thông.



Kết quả Chỉ số thành phần Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC theo các tiêu chí

2.6. Chỉ số thành phần cải cách tài chính công



Kết quả Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công

Giá trị trung bình của Chỉ số thành phần Cải cách tài chính công đạt 69,55 xếp thứ 2/8 Chỉ số thành phần. Theo kết quả đánh giá, có 08/11 đơn vị đạt từ giá trị trung bình trở lên.

Kết quả thực hiện cơ chế tài chính được tính dựa trên tỷ lệ phòng, ban, đơn vị trực thuộc, UBND cấp xã có chi tăng thu nhập cho CBCCVC với mức chi tối thiểu 0,3 lần lương cơ sở/tháng, nội dung này phải được thể hiện trong báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP (kèm mẫu số 07, ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014). Ở nội dung này, năm 2016, huyện Cù Lao Dung và Long Phú thực hiện đạt 100%; các huyện Thanh Trì, Mỹ Tú, thị xã Ngã Năm đạt tỷ lệ từ 85% đến dưới 100%; thị xã Vĩnh Châu đạt tỷ lệ 76,92%; huyện Châu Thành và thành phố Sóc Trăng có tỷ lệ thực hiện đạt từ 50% đến 70%; các huyện còn lại không gửi báo cáo tình hình thực hiện cơ chế

tự chủ của đơn vị theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP nên không có căn cứ chấm điểm tiêu chí này (bao gồm các huyện Kế Sách, Mỹ Xuyên và Trần Đề).

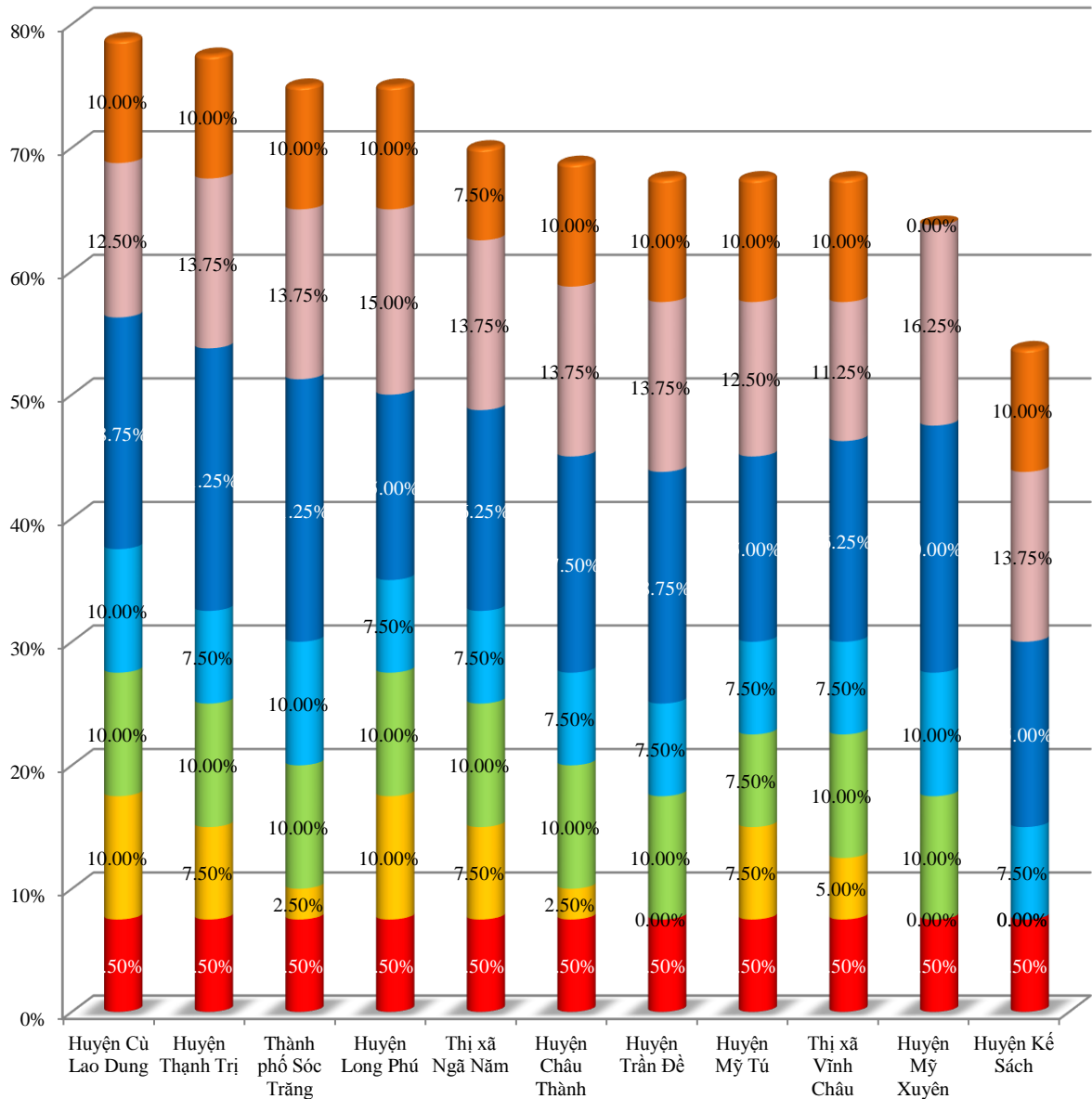
Việc thực hiện phân phối thu nhập tiết kiệm, hiệu quả dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ được ghi nhận nếu quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị có thể hiện việc phân phối thu nhập theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CBCCVC trong năm. Theo kết quả đánh giá, trong năm 2016, hầu hết các đơn vị đều có quy định nội dung này trong quy chế chi tiêu nội bộ (chỉ còn lại 01 đơn vị chưa thực hiện là huyện Kế Sách).

Tiêu chí “*Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện tự chủ về tài chính theo quy định*” được Tổ công tác xác định dựa trên số liệu thể hiện trong báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ (kèm Phụ lục số 06, ban hành kèm theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính). Theo kết quả đánh giá, 09/11 đơn vị có 100% đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện tự chủ về tài chính theo quy định, 01 đơn vị thực hiện được 90% là thị xã Ngã Năm, còn lại 01 đơn vị không gửi báo cáo (huyện Mỹ Xuyên).

Trên 90% ý kiến công chức cho rằng các đơn vị đều thực hiện khá tốt quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời, lãnh đạo các đơn vị có quan tâm, thực hiện giải pháp nâng cao thu nhập của CBCCVC.

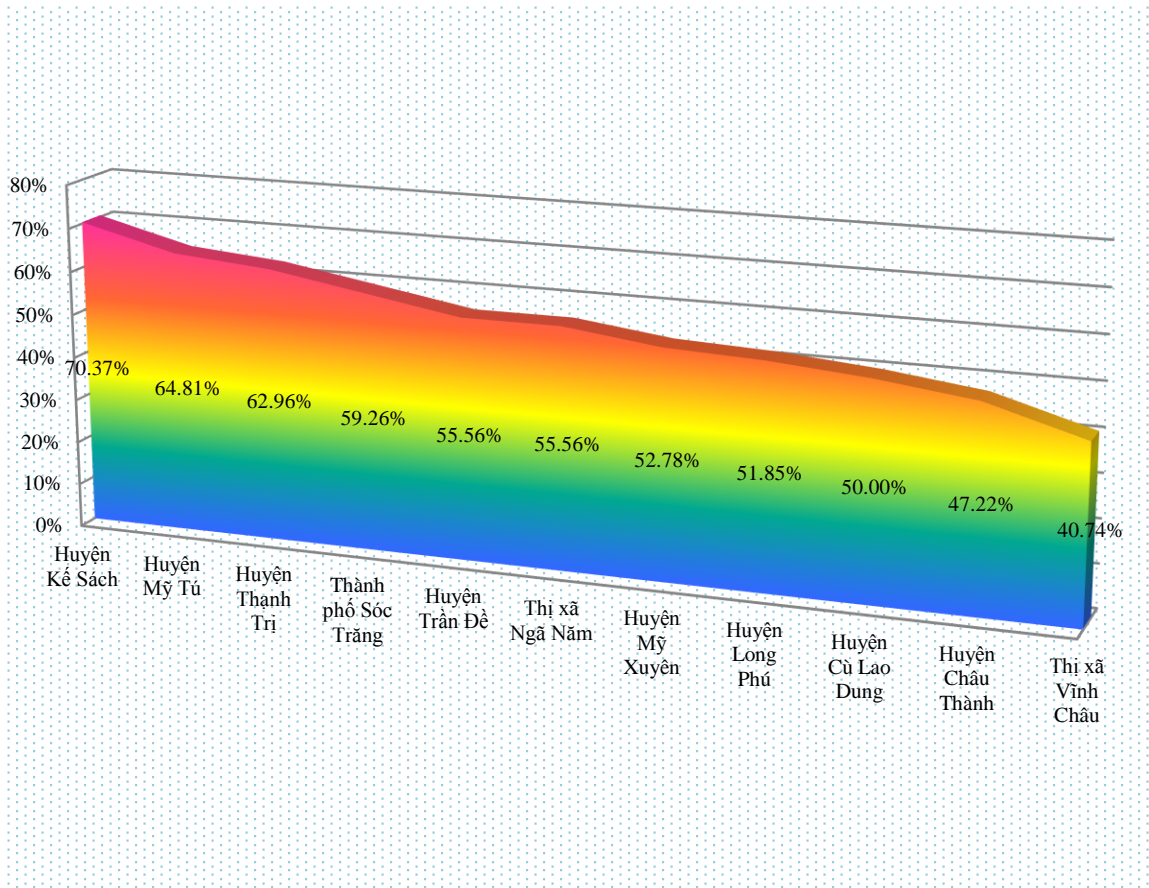
Đối với chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công của địa phương, chỉ có huyện Cù Lao Dung được đánh giá là hoàn toàn không có hiện tượng tiêu cực tại các cơ sở khám, chữa bệnh; các đơn vị còn lại đều có trên 1,25% ý kiến cho rằng tình trạng này vẫn còn diễn ra tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

Về chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công của địa phương, các ý kiến khảo sát đều cho rằng đội ngũ giáo viên của địa phương có năng lực chuyên môn, chất lượng giảng dạy, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học khá tốt. Một số địa phương vẫn còn tình trạng tiêu cực trong cơ sở giáo dục công lập, riêng huyện Long Phú và Mỹ Xuyên hoàn toàn không có tình trạng này xảy ra.



- Đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện tự chủ về tài chính theo quy định
- Chất lượng cung cấp dịch vụ giáo dục công của địa phương
- Chất lượng cung cấp dịch vụ y tế công của địa phương
- Sự nỗ lực của lãnh đạo trong thực hiện các giải pháp nâng cao thu nhập, đời sống của công chức, viên chức
- Thực hiện phân phối thu nhập tiết kiệm, hiệu quả dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ
- Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo quy định trong năm
- Đánh giá tình hình thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị

2.7. Chỉ số thành phần Hiện đại hóa nền hành chính



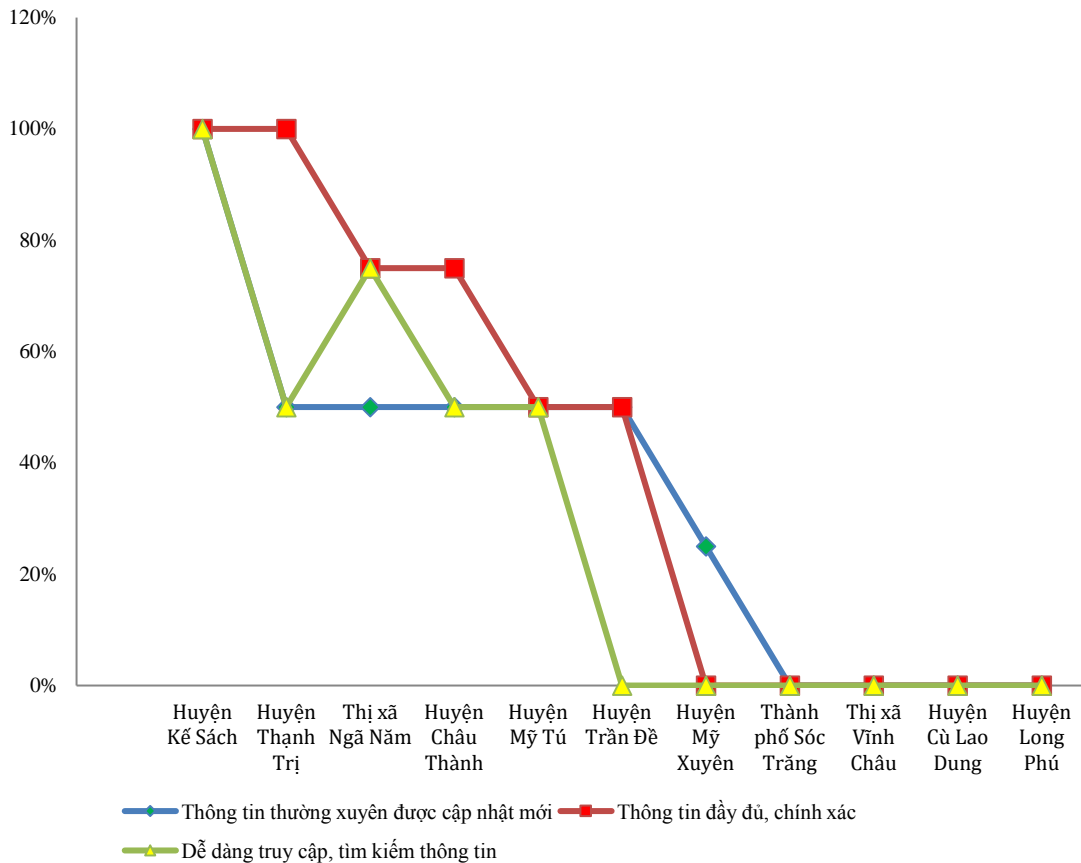
Năm 2016, các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều có quan tâm ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT, một số đơn vị thực hiện lồng ghép nội dung ứng dụng CNTT vào kế hoạch CCHC năm. Kết quả có 10/11 đơn vị hoàn thành 100% chỉ tiêu về ứng dụng CNTT theo kế hoạch đề ra, còn lại huyện Cù Lao Dung hoàn thành 83,33%. Việc triển khai và sử dụng phần mềm quản lý văn bản được 6/11 đơn vị thực hiện, bao gồm các huyện Thanh Trì, Mỹ Tú, Long Phú, Kế Sách, Châu Thành và thành phố Sóc Trăng. Theo kết quả đánh giá, trong năm 2016, tất cả các đơn vị đều triển khai sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc tại 100% phòng, ban chuyên môn.

11/11 đơn vị cấp huyện đều cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 1 tại Trang thông tin điện tử của đơn vị, 10/11 đơn vị cung cấp ở mức độ 2 (trừ huyện Thanh Trì). Trong năm 2016, tất cả các huyện, thị xã, thành phố đều chưa triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên. Qua khảo sát của Tổ công tác, hầu hết Trang thông tin điện tử của đơn vị đều có công khai và cập nhật thông tin về số điện thoại, hộp thư điện tử của lãnh đạo đơn vị, Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc để công dân, tổ chức tiện liên hệ. Tuy nhiên, không có đơn vị nào quan tâm, xây dựng và duy trì thường xuyên chuyên mục hỏi - đáp, góp ý của công dân, tổ chức; đồng thời, các đơn vị đều không hỗ trợ chức năng tìm kiếm thông tin, nội dung trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho người truy cập tra cứu, cập nhật những thông tin cần thiết.

Năm 2016, các huyện, thị xã, thành phố đã hoàn thành việc trang bị internet/wifi cho 100% đơn vị cấp xã, tạo điều kiện thuận lợi cho CBCC tiếp cận với văn bản của Trung ương, của tỉnh và huyện, đồng thời, hỗ trợ cho công tác phối hợp, trao đổi thông tin giữa các đơn vị được nhanh chóng, kịp thời, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết công việc, nâng cao hiệu quả làm việc của CBCC. Ngoài ra, việc trang bị internet/wifi cho các đơn vị cấp xã cũng là bước chuẩn bị để triển khai ứng dụng các phần mềm do tỉnh trang bị, tiến đến sự kết nối liên thông từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Việc áp dụng và duy trì, cải tiến Hệ thống QLCL phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 được các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tương đối đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị thuộc và trực thuộc, UBND cấp xã. Hiện nay, toàn tỉnh có 77/109 đơn vị hành chính cấp xã đã áp dụng và công bố Hệ thống QLCL phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTG ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo mỗi đơn vị cấp huyện đều đạt tỷ lệ từ 60% đơn vị cấp xã trở lên triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện năm 2016 có 07/11 đơn vị đạt điểm tối đa ở tiêu chí này (3,5 điểm, đạt tỷ lệ 100%) bao gồm các huyện Mỹ Tú, Kế Sách, Thanh Tri, Mỹ Xuyên, Trần Đề, Cù Lao Dung và thành phố Sóc Trăng. Còn lại một số đơn vị chưa thực hiện tốt các nội dung như sau: huyện Long Phú và thị xã Vĩnh Châu không triển khai thực hiện việc đánh giá nội bộ và họp xem xét của lãnh đạo; thị xã Ngã Năm và thị xã Vĩnh Châu chưa cung cấp văn bản công bố Hệ thống QLCL của các đơn vị cấp xã; huyện Châu Thành là đơn vị có điểm số thấp nhất trong tiêu chí này (01/3,5 điểm, đạt tỷ lệ 28,57%) do đơn vị chưa báo cáo cụ thể tình hình áp dụng ISO trong hoạt động, đồng thời không cung cấp biên bản đánh giá nội bộ, họp xem xét của lãnh đạo, quyết định công bố lại việc áp dụng Hệ thống QLCL và các văn bản công bố Hệ thống QLCL của các đơn vị cấp xã.

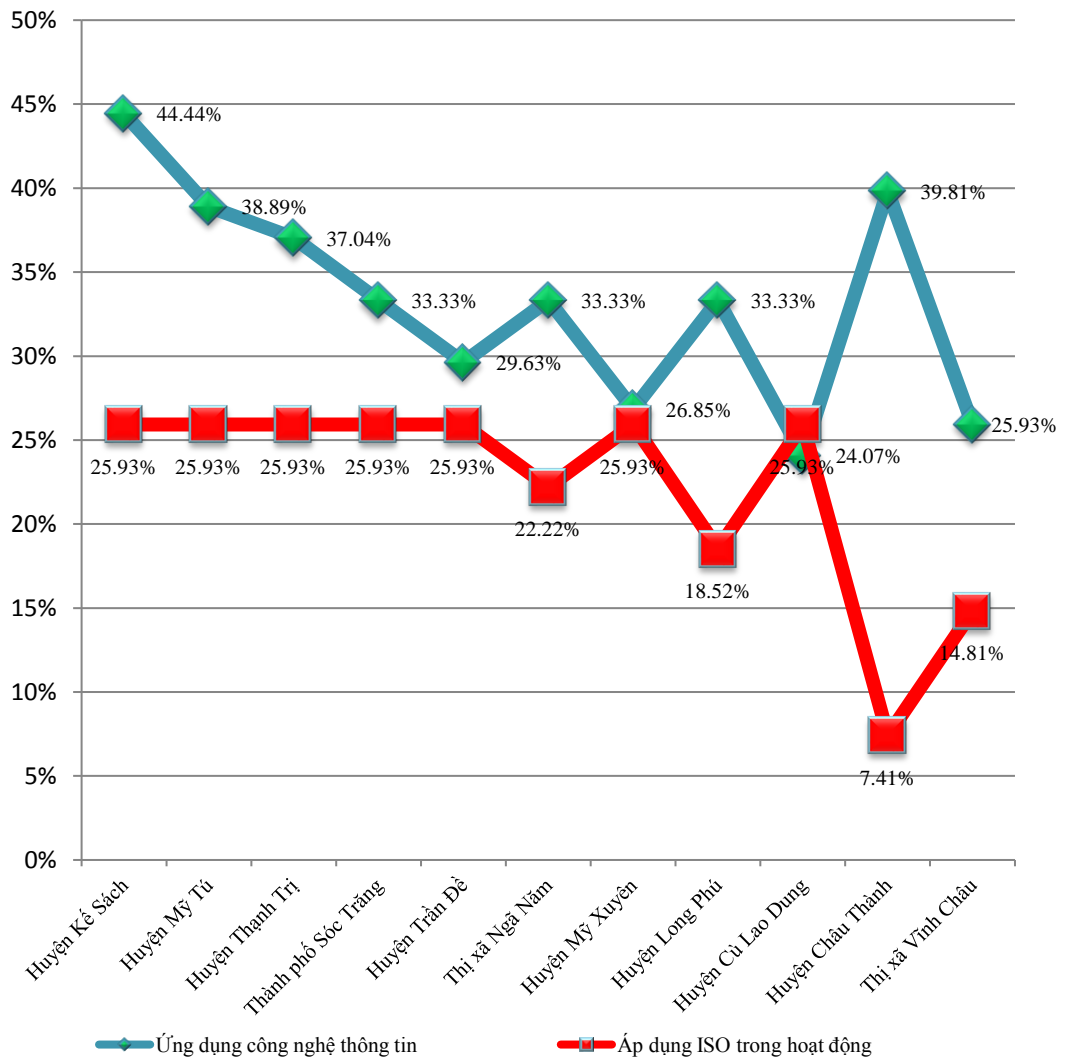
Qua điều tra khảo sát, kết quả ứng dụng công nghệ thông tin được đánh giá ở tỷ lệ thấp. Chỉ có duy nhất huyện Kế Sách có tỷ lệ trên 50%; các đơn vị còn lại đều có tỷ lệ dưới 50%, trong đó có 04 đơn vị không ghi được điểm ở lĩnh vực này. Tỷ lệ chênh lệch giữa đơn vị dẫn đầu và đơn vị xếp cuối cùng là 60%.



Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của các đơn vị

Kết quả khảo sát cho thấy, trên 30% CBCCVV các huyện không sử dụng hộp thư điện tử của UBND tỉnh cung cấp. Việc sử dụng các hộp thư miễn phí trong trao đổi công việc sẽ có nguy cơ mất an toàn thông tin trong các đơn vị.

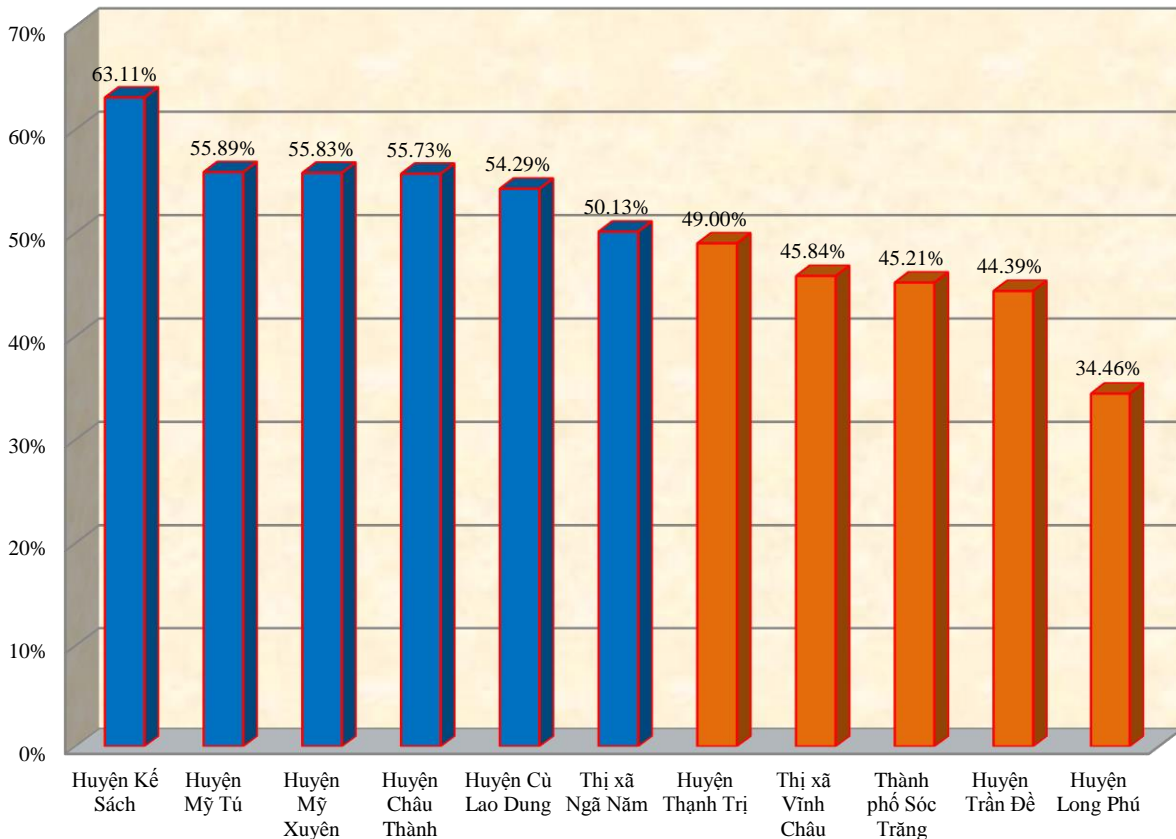
Đối với chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của các đơn vị, 100% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng Trang thông tin điện tử của huyện Kế Sách có thường xuyên cập nhật thông tin một cách đầy đủ, chính xác và thuận tiện cho người truy cập tìm hiểu, tra cứu; một số đơn vị chưa thực hiện tốt nội dung này (có từ 20% ý kiến đánh giá) là các huyện Long Phú, Cù Lao Dung, thành phố Sóc Trăng và thị xã Vĩnh Châu.



2.8. Chỉ số thành phần Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Tính đến năm 2016, tất cả các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đã thành lập hoặc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả để giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp; đồng thời bố trí từ 02 đến 07 công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp làm việc tại Bộ phận này. Theo quy định tại Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND cấp huyện thuộc biên chế Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Chánh Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện. Tuy nhiên, tính đến năm 2016, chỉ có 03/11 đơn vị²² thực hiện bố trí công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đúng quy định; các đơn vị còn lại đều trưng dụng công chức, viên chức từ các phòng, ban chuyên môn của huyện, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai của tỉnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận này.

²² Bao gồm các huyện: Mỹ Xuyên, Mỹ Tú và Kế Sách.



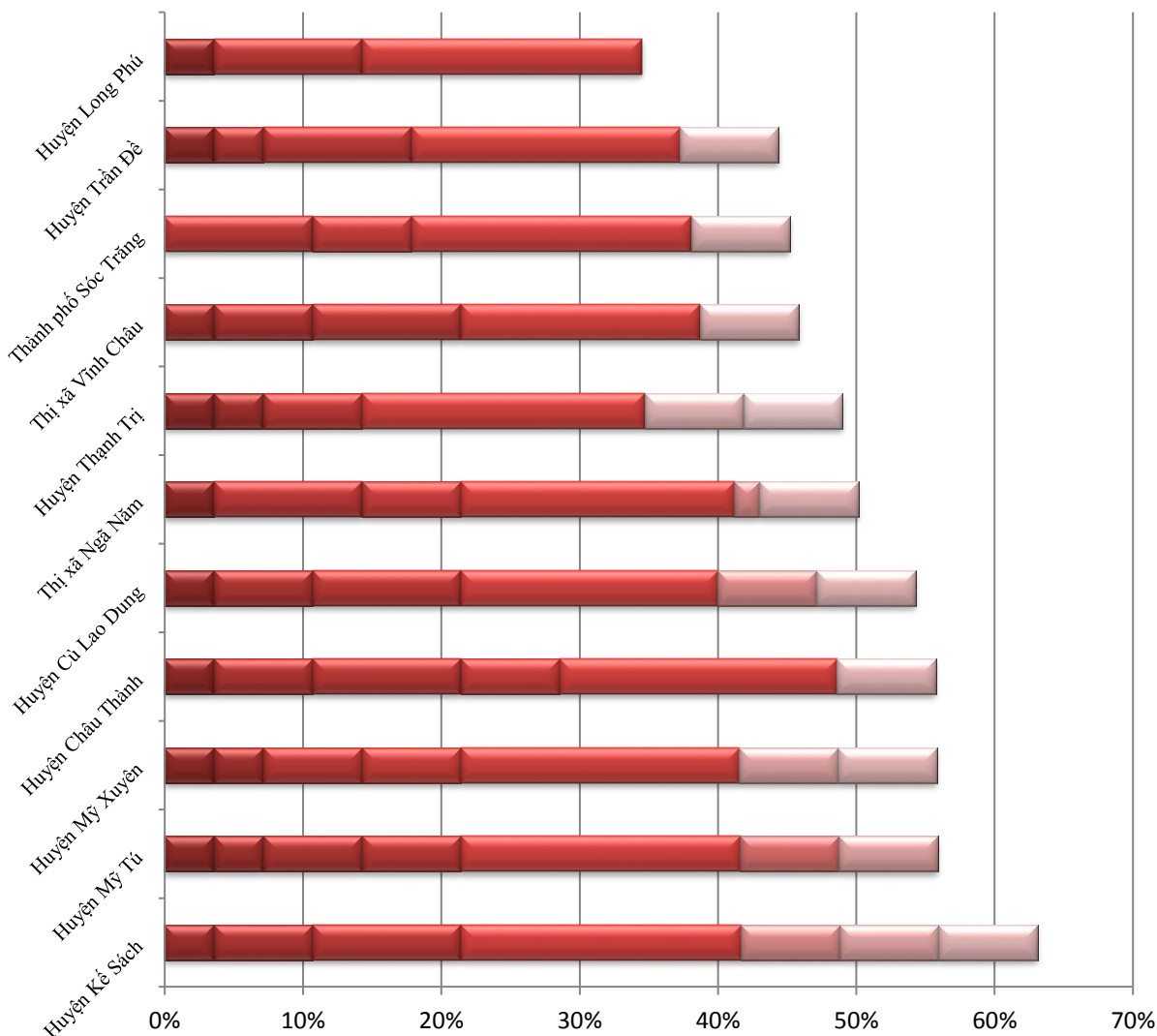
Hầu hết các đơn vị sau khi thành lập Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đều có ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận này, tuy nhiên trong năm 2016 chỉ có 05/11 đơn vị quan tâm rà soát, cập nhật và ban hành lại Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định, bao gồm các huyện Thanh Trì, Mỹ Tú, Kế Sách, Mỹ Xuyên và thị xã Vĩnh Châu. Một số đơn vị xây dựng Quy chế chưa thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định²³, còn căn cứ văn bản đã hết hiệu lực thi hành²⁴.

Kể từ năm 2015 trở đi, việc chế độ phụ cấp đối với cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của UBND tỉnh. Theo đó, mức phụ cấp quy định đối với UBND cấp huyện là 300.000 đồng/người/tháng và đối với UBND cấp xã là 250.000 đồng/người/tháng. Kinh phí chi trả phụ cấp do ngân sách nhà nước đảm bảo và cân đối từ dự toán kinh phí được giao hàng năm của địa phương. Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá, trong năm 2016, chỉ duy nhất huyện Thanh Trì triển khai thực hiện việc chi trả phụ cấp cho cán bộ, công chức đầy đủ và đúng quy định. Các đơn vị còn lại chỉ chi trả phụ cấp cho công chức thuộc biên chế Văn phòng HĐND và UBND huyện; đồng thời, một số đơn vị cấp xã vẫn chưa thực hiện việc chi trả phụ cấp cho cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả.

²³ Huyện Trần Đề, thị xã Ngã Năm, huyện Cù Lao Dung.

²⁴ Huyện Long Phú và thành phố Sóc Trăng.

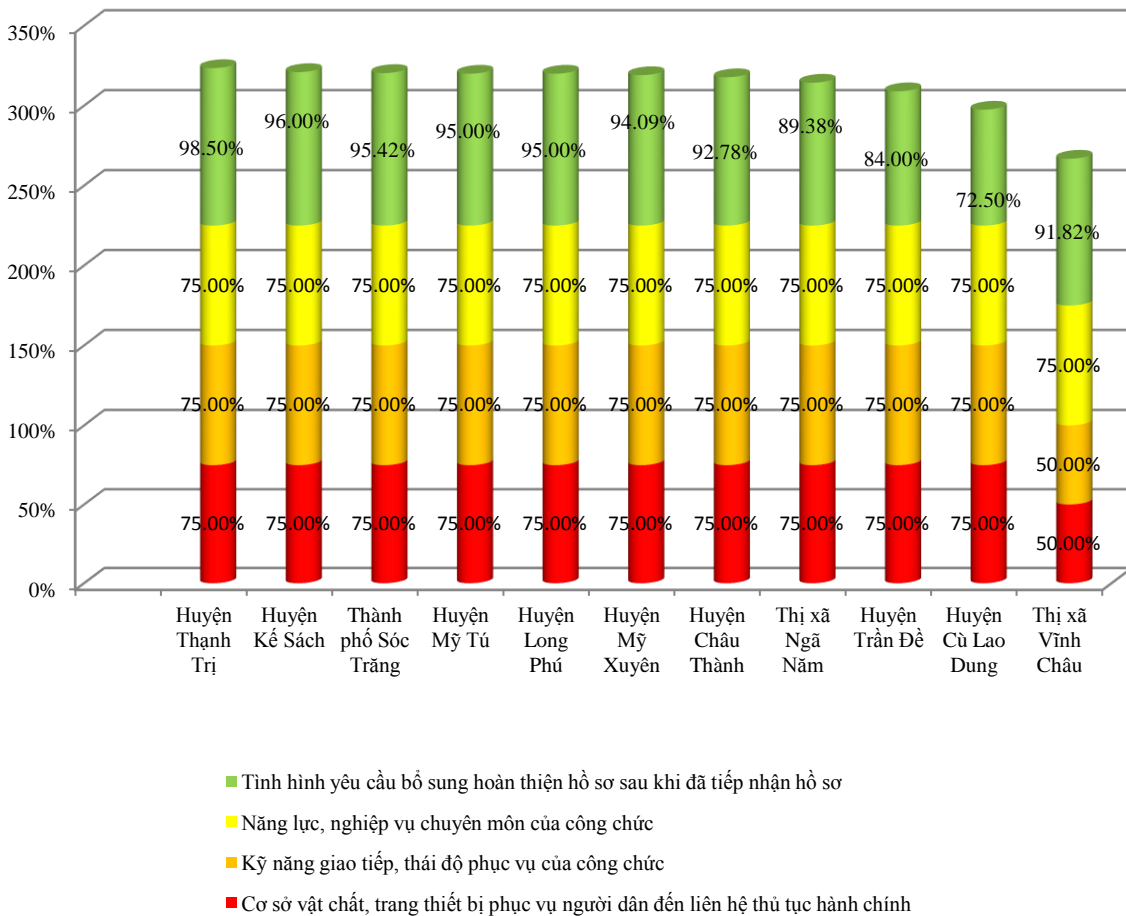
Qua tổng hợp báo cáo của các đơn vị, tính đến năm 2016, chỉ có 02/11 đơn vị thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo cơ chế một cửa đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện (bao gồm huyện Kế Sách và Châu Thành), huyện Trần Đề thực hiện được 86,93% TTHC, các đơn vị còn lại đều có tỷ lệ thực hiện dưới 80% TTHC, các TTHC vẫn còn tiếp nhận và trả kết quả tại phòng chuyên môn. Việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa liên thông được 03/11 đơn vị triển khai thực hiện, bao gồm các huyện Mỹ Tú, Cù Lao Dung và thị xã Vĩnh Châu.



- Cơ quan có thành lập hoặc kiện toàn Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để giải quyết công việc liên quan đến người dân, doanh nghiệp theo đúng quy định
- Cơ quan có ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- Số lượng TTHC giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông
- Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, diện tích làm việc và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt yêu cầu
- Chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
- Có văn bản xin lỗi cá nhân, tổ chức khi giải quyết hồ sơ trễ hạn
- Thường xuyên cải tiến phương pháp thu thập ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với kết quả thực hiện dịch vụ hành chính công
- Tình hình phân công, sử dụng công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định.
- Trình độ công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Theo ý kiến đánh giá của người dân và doanh nghiệp được chọn khảo sát, trong năm 2016, chỉ duy nhất huyện Mỹ Tú không có giải quyết TTHC trễ hạn, các đơn vị còn lại đều có tình trạng giải quyết TTHC không đúng thời gian quy định (kết quả này đã được nêu tại tiêu chí “Đánh giá của tổ chức, cá nhân về thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương”), tuy nhiên, qua theo dõi của Sở Nội vụ, năm 2016 không có đơn vị nào thực hiện nghiêm việc xin lỗi theo quy định, vì vậy ở tiêu chí thành phần “*Có văn bản xin lỗi khi giải quyết hồ sơ trễ hạn*” chỉ có huyện Mỹ Tú được ghi nhận điểm số.

Để đánh giá về chất lượng phục vụ tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, điều tra viên đã khảo sát người dân và doanh nghiệp các nội dung như sau: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ người dân, doanh nghiệp đến liên hệ thủ tục hành chính; Kỹ năng giao tiếp, thái độ phục vụ của CBCCVV; Năng lực, nghiệp vụ chuyên môn của CBCCVV và Tình hình yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ sau khi đã tiếp nhận hồ sơ. Theo đánh giá, hầu hết các đơn vị đều được trên 90% ý kiến đánh giá thực hiện khá tốt các nội dung trên, chỉ riêng thị xã Vĩnh Châu có 20% người dân, doanh nghiệp cho rằng việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả còn hạn chế; kỹ năng giao tiếp, thái độ phục vụ của CBCCVV làm việc tại bộ phận này chưa được đánh giá cao.



Phần 3 KẾT LUẬN

I. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Nhận xét đánh giá chung

Kết quả Chỉ số cải cách hành chính là một kênh thông tin quan trọng giúp các sở, ban ngành, UBND cấp huyện nhận biết những mặt mạnh, yếu của cơ quan, đơn vị, địa phương mình trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính; qua đó, có giải pháp tác động tích cực đến công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính của người đứng đầu.

Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC năm 2016 có một điểm thuận lợi, đó là: Đây là năm thứ tư triển khai công tác xác định kết quả triển khai cải cách hành chính thông qua công cụ đánh giá, đo lường và xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính của sở ban ngành và UBND cấp huyện.

Và đây là năm đầu tiên triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần mới quy định tại Quyết định số 481/QĐ-UBND, ngày 04/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã được đổi mới, cải tiến theo hướng đánh giá kết quả đầu ra, đánh giá hiệu quả và chất lượng thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh nhằm theo kịp với yêu cầu cải cách hành chính đồng thời góp phần đẩy mạnh, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh theo tiêu chí do Bộ Nội vụ quy định tại Bộ Chỉ số cấp tỉnh.

Việc tự đánh giá, chấm điểm để khẳng định lại công tác triển khai CCHC của đơn vị đang ở mức nào so với những yêu cầu mà Chương trình tổng thể CCHC đã đặt ra cũng như những đòi hỏi của nền hành chính tại đơn vị với việc cải thiện chất lượng dịch vụ công, hoàn thiện tổ chức bộ máy, nâng cao phẩm chất đạo đức công vụ và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Kết quả điều tra xã hội học đã thể hiện được ý kiến đánh giá, phản hồi của các nhóm đối tượng được hỏi với những nội dung cải cách hành chính, đồng thời góp phần quan trọng tới xác định kết quả PAR INDEX 2016.

Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm được sở, ban ngành, UBND cấp huyện tiến hành nghiêm túc, việc chấm các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng bảo đảm độ tin cậy cao. Công tác thẩm định được tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của sở chuyên môn được phân công theo dõi các lĩnh vực cải cách hành chính. Tổ công tác đã tham gia trong việc tham mưu đề xuất ý kiến làm cơ sở báo cáo và trình UBND tỉnh quyết định công bố chỉ số một cách khách quan, công bằng.

Thủ trưởng các đơn vị đã quan tâm chỉ đạo, điều hành công tác CCHC tại địa phương, đơn vị nên các tiêu chí, tiêu chí thành phần trong từng lĩnh vực đều được đảm bảo thực hiện đầy đủ và đáp ứng tốt yêu cầu.

2. Những khó khăn, tồn tại và hạn chế

Vẫn còn một số đơn vị chưa xác định được vai trò, tầm quan trọng của việc xác định Chỉ số CCHC, thiếu quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, quyết liệt trong quá trình thực hiện. Các báo cáo kết quả tự chấm điểm của các đơn vị gửi về Sở Nội vụ chậm so với quy định. Do đó, Sở Nội vụ phải tốn nhiều thời gian đôn đốc, nhắc nhở các đơn vị gửi báo cáo, làm ảnh hưởng đến tiến độ tổng hợp và thẩm định. Bên cạnh đó, vì thời gian gửi báo cáo, hoàn chỉnh tài liệu kiểm chứng bị kéo dài nên tính kịp thời của việc xác định và công bố Chỉ số CCHC của các đơn vị cũng bị giảm.

Một số đơn vị còn tỏ ra lúng túng trong xây dựng phương án và tổ chức thực hiện tự chấm điểm, chưa phân biệt rõ phương pháp chấm điểm, nội dung điểm tự chấm và điểm điều tra, khảo sát.

Báo cáo của các đơn vị còn mang tính hình thức, sơ sài, không tuân theo quy định tại Quyết định số 481/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

Công tác phối hợp giữa các đơn vị với Tổ công tác trong việc tổng hợp, thu thập thông tin, báo cáo chưa chặt chẽ, thường xuyên.

Nguồn lực con người, tài chính, vật chất phục vụ công tác CCHC còn hạn chế, thiếu công chức chuyên trách CCHC, phần lớn là kiêm nhiệm, thiếu nghiên cứu sâu về chuyên môn, nghiệp vụ.

Một số tiêu chí, tiêu chí thành phần tự chấm điểm trong bộ Chỉ số CCHC chưa phù hợp với thực tế, chưa cụ thể, khó lượng hóa trong đánh giá.

Lực lượng điều tra viên thiếu kiến thức cải cách hành chính; bộ phiếu điều tra nhỏ lẻ, chia nhiều đối tượng hỏi khác nhau nên điều tra viên khó khăn trong việc chọn mẫu. Chất lượng một số phiếu trả lời chưa cao vì cá nhân, tổ chức còn e dè, sợ đụng chạm nên nỗ lực trong đánh giá đối với chính quyền. Một số người dân, doanh nghiệp ở một số địa phương từ chối hợp tác.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Các sở, ban ngành và UBND cấp huyện cần nâng cao vai trò, trách nhiệm trong việc tự chấm điểm, xác định Chỉ số CCHC tại đơn vị để hoạt động này phát huy được giá trị, tạo sự thi đua lành mạnh giữa các đơn vị trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước, chất lượng cải cách hành chính.

Qua ghi nhận phản ánh của các đơn vị về một số nội dung có thực hiện nhưng không có TLKC chứng minh vì vậy Tổ công tác đề nghị các đơn vị phải có bước chuẩn bị đầy đủ kế hoạch để công việc triển khai được bài bản, khoa học và đạt chất lượng. Lưu ý chỉ đạo bộ phận chuyên môn xây dựng các kế hoạch có liên quan đến CCHC phải định lượng rõ nội dung, tỉ lệ công việc và trách nhiệm triển khai thực hiện tại đơn vị để Tổ công tác có cơ sở xác định mức độ hoàn thành kế hoạch mà đơn vị đã đạt được.

Trong thời gian tới cần đảm bảo đúng tiến độ tự chấm điểm để xác định Chi số CCHC và gửi kết quả tự chấm điểm về Sở Nội vụ đúng thời gian quy định để Sở kịp thời thẩm định, hướng dẫn các đơn vị bổ sung tài liệu kiểm chứng.

Tạo điều kiện cho công chức, viên chức phụ trách tham mưu chấm điểm Chi số CCHC được tham dự đầy đủ các buổi tập huấn nghiệp vụ về CCHC do Sở Nội vụ tổ chức.

Các sở chuyên ngành như Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính và Sở Tư pháp tăng cường vai trò hỗ trợ, phối hợp với Sở Nội vụ trong việc thẩm định, chấm điểm Chi số CCHC các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện để đảm bảo tính khách quan, khoa học, công bằng trong việc xác định Chi số CCHC hàng năm.

Quan tâm chỉ đạo cải thiện những tiêu chí, tiêu chí thành phần tự chấm điểm trong các lĩnh vực CCHC mà đơn vị còn hạn chế để nâng cao vị trí xếp hạng. Thực hiện triển khai, tuyên truyền kết quả tự chấm điểm Chi số CCHC trong phạm vi ngành và địa phương đồng thời tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm kết quả tự chấm Chi số CCHC để nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện cải cách hành chính, tìm ra nguyên nhân, xác định rõ các yếu tố ảnh hưởng và trách nhiệm của từng bộ phận chuyên môn, từng cán bộ, công chức, viên chức trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng CCHC. Qua đó đề xuất các giải pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch nhằm duy trì và cải thiện điểm tự chấm nói riêng và Chi số CCHC nói chung.

Đề nghị các sở, ban ngành và UBND cấp huyện phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ trong việc thực hiện tự chấm điểm Chi số cải cách hành chính để kết quả tự chấm được đảm bảo tính chính xác, khách quan và được công bố kịp thời. Tổ chức tự đánh giá nghiêm túc, thực chất hơn, tránh nặng về hình thức. Tăng cường rà soát, kịp thời phản ánh, kiến nghị với Sở Nội vụ về nội dung, phương pháp tự chấm điểm để xác định Chi số CCHC nhằm điều chỉnh cho phù hợp. /: *avn*

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- TT, TU; HĐND; UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT.



Huỳnh Văn Nam